VĂN BẢN HỢP NHẤT	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 81 /2026/VBHN-TT-BNNMT	*Hà Nội, ngày 28tháng 8 năm 2026*

THÔNG TƯ

Quy định về đăng kiểm viên tàu cá; bảo đảm an toàn kỹ thuật; đăng ký, xóa đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản; treo cờ và đánh dấu tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản; nhập khẩu tàu cá; phân loại cảng cá; công bố mở, đóng cảng cá

Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về đăng kiểm viên tàu cá; bảo đảm an toàn kỹ thuật; đăng ký, xóa đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản; treo cờ và đánh dấu tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản; nhập khẩu tàu cá; phân loại cảng cá; công bố mở, đóng cảng cá, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2026, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 33/2026/TT-BNNMT ngày 04 tháng 8 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực thủy sản, có hiệu lực thi hành từ ngày 19 tháng 9 năm 2026.

Căn cứ Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Thủy sản và Kiểm ngư;

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Thông tư quy định về đăng kiểm viên tàu cá; bảo đảm an toàn kỹ thuật; đăng ký, xóa đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản; treo cờ và đánh dấu tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản; nhập khẩu tàu cá; phân loại cảng cá; công bố mở, đóng cảng cá[1].

---

[1] Thông tư số 33/2026/TT-BNNMT có căn cứ ban hành như sau:

"*Căn cứ Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21 tháng 11 năm 2017, được sửa đổi, bổ sung tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường số 146/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025;*

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Thuỷ sản và Kiểm ngư;

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực thủy sản."

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định:

1. Chi tiết một số nội dung của Luật Thủy sản năm 2017, gồm:

a) Điểm c khoản 2 Điều 52 và điểm k khoản 2 Điều 57 về treo cờ và đánh dấu tàu cá (đã được sửa đổi, bổ sung tại điểm b, điểm e khoản 21 Điều 14 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường);

b) Khoản 4 Điều 66 (đã được sửa đổi, bổ sung tại điểm b khoản 21 Điều 14 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường);

c) Khoản 4 Điều 67 (đã được sửa đổi, bổ sung tại điểm e khoản 21 Điều 14 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường);

d) Khoản 4 Điều 69 (đã được sửa đổi, bổ sung tại điểm b khoản 15 Điều 14 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường);

đ) Khoản 5 Điều 71 (đã được sửa đổi, bổ sung tại điểm e khoản 21 Điều 14 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường);

e) Khoản 4 Điều 76 về đăng ký tàu công vụ thủy sản (đã được sửa đổi, bổ sung tại điểm e khoản 21 Điều 14 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường);

g) Khoản 2 Điều 78 (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 18 Điều 14 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường).

2. Quy định về đăng kiểm, đăng ký, xóa đăng ký tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản; đăng kiểm, xóa đăng ký tàu công vụ thủy sản.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, cá nhân liên quan đến tàu cá, tàu công vụ thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản, cảng cá.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Đăng kiểm viên tàu cá* là người có chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng các tiêu chuẩn và được cấp thẻ, dấu kỹ thuật đăng kiểm viên tàu cá để thực hiện đăng kiểm tàu cá theo quy định của pháp luật.

2. *Đăng kiểm tàu cá, tàu công vụ thuỷ sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản* là hoạt động quản lý kỹ thuật tàu cá, tàu công vụ thuỷ sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản; thẩm định hồ sơ thiết kế và thực hiện giám sát an toàn kỹ thuật phù hợp với từng loại hình kiểm tra nhằm bảo đảm an toàn kỹ thuật cho tàu hoạt động trong điều kiện nhất định.

3. *Giám sát an toàn kỹ thuật tàu cá, tàu công vụ thuỷ sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản* là việc kiểm tra, đánh giá sự phù hợp của thân tàu và trang thiết bị; hệ thống máy tàu; trang bị điện; phương tiện phòng, phát hiện và chữa cháy; phương tiện thoát nạn; ổn định; chống chìm; mạn khô; trang bị an toàn, trang thiết bị khai thác, hệ thống ngăn ngừa ô nhiễm biển lắp đặt trên tàu cá, tàu công vụ thuỷ sản với quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia hiện hành.

4. *Đóng mới tàu cá, tàu công vụ thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản* là quá trình thực hiện thi công đóng tàu từ khi đặt sống chính (ky) hoặc bước thi công tương tự đến khi bàn giao đưa tàu vào khai thác.

5. *Cải hoán tàu cá, tàu công vụ thuỷ sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản* là việc thay đổi một hoặc một số thông số kỹ thuật của tàu: kích thước cơ bản, máy chính, công dụng, nghề, vùng hoạt động làm ảnh hưởng đến tính năng kỹ thuật của tàu.

6. *Sửa chữa phục hồi tàu cá, tàu công vụ thuỷ sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản* là việc sửa chữa, thay thế nhằm đưa tàu trở về trạng thái kỹ thuật ban đầu mà không làm ảnh hưởng đến tính năng kỹ thuật của tàu.

7. *Mẫu tàu cá truyền thống (mẫu dân gian)* là mẫu tàu cá được sử dụng lâu năm ở địa phương, được xây dựng thành mẫu tàu cá dưới dạng hồ sơ thiết kế kỹ thuật được thẩm định và được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công bố.

8. *Đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản* là việc thực hiện quản lý Nhà nước đối với tàu cá, tàu công vụ thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản nhằm xác lập quyền sở hữu của chủ tàu.

Điều 4. Quy định chung về thực hiện thủ tục hành chính trong Thông tư này

1. Tổ chức, cá nhân có thể nộp hồ sơ, nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính thông qua các cách thức sau đây:

a) Trực tiếp tại Bộ phận một cửa;

b) Thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật;

c) Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia.

2. Hình thức hồ sơ:

a) Trường hợp nộp hồ sơ theo cách thức quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều này: Các thành phần hồ sơ là bản gốc hoặc bản chính hoặc bản sao y hoặc bản sao chứng thực;

b) Trường hợp nộp hồ sơ theo cách thức quy định tại điểm c khoản 1 Điều này: Các thành phần hồ sơ là bản gốc được xác lập trên môi trường điện tử hoặc bản gốc, bản chính được scan theo quy định.

3. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Tiếp nhận hồ sơ thủ tục hành chính, phương thức nộp phí, lệ phí và các nghĩa vụ tài chính khác, cách thức trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính thực hiện theo quy định của Chính phủ về việc thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia.

5. Trường hợp hồ sơ là bản bằng chữ nước ngoài phải có bản dịch ra tiếng Việt theo quy định.

6. Tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của hồ sơ đã nộp.

7. Cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính trả lời ngay tính đầy đủ của hồ sơ đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này; trả lời tính đầy đủ của hồ sơ trong 01 ngày làm việc đối với trường hợp quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều này.

8. Trong Thông tư này có nội dung quy định khác với quy định nêu tại khoản 1, 2, 3, 4 và khoản 5 Điều này thì thực hiện theo quy định đó.

Chương II
ĐĂNG KIỂM VIÊN TÀU CÁ

Điều 5. Hạng đăng kiểm viên tàu cá

Đăng kiểm viên tàu cá được phân thành 03 hạng, như sau:

1. Đăng kiểm viên hạng III.

2. Đăng kiểm viên hạng II.

3. Đăng kiểm viên hạng I.

Điều 6. Đăng kiểm viên hạng III

1. Tiêu chuẩn đăng kiểm viên hạng III

a) Tốt nghiệp cao đẳng trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kỹ thuật có liên quan đến tàu cá, tàu biển, điện, nhiệt lạnh, chế tạo máy hoặc chế tạo trang thiết bị lắp đặt trên tàu;

b) Có giấy chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ đăng kiểm viên tàu cá hạng III.

2. Nhiệm vụ của đăng kiểm viên hạng III:

a) Kiểm tra, đánh giá trạng thái kỹ thuật hằng năm các loại tàu cá, tàu công vụ thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản;

b) Kiểm tra, đánh giá trạng thái kỹ thuật trên đà, định kỳ các loại tàu cá, tàu công vụ thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản theo chuyên môn được đào tạo.

Điều 7. Đăng kiểm viên hạng II

1. Tiêu chuẩn đăng kiểm viên hạng II

a) Tốt nghiệp cao đẳng trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kỹ thuật có liên quan đến tàu cá, tàu biển, điện, nhiệt lạnh, chế tạo máy hoặc chế tạo trang thiết bị lắp đặt trên tàu;

b) Có thời gian giữ hạng liên tục tối thiểu 36 tháng kể từ ngày được cấp thẻ đăng kiểm viên tàu cá hạng III;

c) Có giấy chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ đăng kiểm viên tàu cá hạng II.

2. Nhiệm vụ của đăng kiểm viên hạng II

a) Thực hiện nhiệm vụ quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 Thông tư này;

b) Thẩm định thiết kế kỹ thuật đóng mới, cải hoán, phục hồi tàu cá, tàu công vụ thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản, máy móc, trang thiết bị lắp đặt lên tàu cá, tàu công vụ thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản theo chuyên môn được đào tạo;

c) Kiểm tra, đánh giá trạng thái kỹ thuật đóng mới, lần đầu, trên đà, định kỳ, cải hoán, bất thường các loại tàu cá, tàu công vụ thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản theo chuyên môn được đào tạo;

d) Kiểm tra, giám sát chế tạo vật liệu, máy móc và trang thiết bị lắp đặt lên tàu cá, tàu công vụ thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản.

Điều 8. Đăng kiểm viên hạng I

1. Tiêu chuẩn đăng kiểm viên hạng I

a) Tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kỹ thuật có liên quan đến tàu cá, tàu biển, điện, nhiệt lạnh, chế tạo máy hoặc chế tạo trang thiết bị lắp đặt trên tàu;

b) Có thời gian giữ hạng liên tục tối thiểu 36 tháng kể từ khi được cấp thẻ đăng kiểm viên tàu cá hạng II;

c) Có giấy chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ đăng kiểm viên tàu cá hạng I.

2. Nhiệm vụ của đăng kiểm viên hạng I

a) Thực hiện nhiệm vụ quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 Thông tư này;

b) Thẩm định thiết kế kỹ thuật đóng mới, cải hoán, phục hồi tàu cá, tàu công vụ thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản, máy móc, trang thiết bị lắp đặt lên tàu cá, tàu công vụ thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản;

c) Kiểm tra, đánh giá trạng thái kỹ thuật đóng mới, lần đầu, trên đà, định kỳ, cải hoán, bất thường các loại tàu cá, tàu công vụ thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản;

d) Tham gia giám định kỹ thuật, xác định nguyên nhân tai nạn đối với tàu cá, tàu công vụ thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản.

Điều 9. Bồi dưỡng nghiệp vụ đăng kiểm viên tàu cá

1. Đơn vị thuộc cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ và cấp Giấy chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ đăng kiểm viên tàu cá.

2. Chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ đăng kiểm viên tàu cá và tiêu chuẩn giảng viên bồi dưỡng nghiệp vụ đăng kiểm viên tàu cá theo quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Hồ sơ đăng ký bồi dưỡng nghiệp vụ đăng kiểm viên tàu cá, gồm:

a) Đơn đề nghị tham gia bồi dưỡng nghiệp vụ đăng kiểm viên tàu cá theo Mẫu số 01.ĐKV Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bản sao văn bằng, chứng chỉ chuyên môn và xuất trình bản chính để đối chiếu đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc bản sao có chứng thực đối với trường hợp gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường mạng;

c) 02 ảnh màu (4x6 cm) hoặc file ảnh màu gốc (trường hợp qua môi trường mạng).

4. Cá nhân được cấp Giấy chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ đăng kiểm viên tàu cá theo Mẫu số 02.ĐKV Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này khi hoàn thành khóa bồi dưỡng nghiệp vụ đăng kiểm viên tàu cá và đạt yêu cầu kiểm tra cuối khóa. Giấy chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ đăng kiểm viên tàu cá được cấp lại trong trường hợp bị mất, bị hỏng; cá nhân có nhu cầu cấp lại nộp đơn đề nghị theo Mẫu số 05.ĐKV Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này về cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều này.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ đăng kiểm viên tàu cá, cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều này cấp lại Giấy chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ đăng kiểm viên tàu cá theo Mẫu số 02.ĐKV Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này; trường hợp không cấp lại Giấy chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ đăng kiểm viên tàu cá phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Điều 10. Cấp, cấp lại thẻ, dấu kỹ thuật đăng kiểm viên tàu cá

1. Cơ quan có thẩm quyền cấp, cấp lại thẻ, dấu kỹ thuật đăng kiểm viên tàu cá: Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

2. Hồ sơ cấp, cấp lại thẻ, dấu kỹ thuật đăng kiểm viên tàu cá bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp/cấp lại thẻ, dấu kỹ thuật đăng kiểm viên tàu cá theo Mẫu số 03.ĐKV Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bản sao Giấy chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ đăng kiểm viên tàu cá hạng I hoặc hạng II hoặc hạng III (đối với trường hợp cấp lần đầu);

c) 02 ảnh màu (3x4 cm) hoặc file ảnh màu gốc (trường hợp qua môi trường mạng).

3. Trình tự thực hiện:

a) Cá nhân nộp hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều này xem xét quyết định cấp thẻ, dấu kỹ thuật đăng kiểm viên tàu cá theo Mẫu số 04.ĐKV Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này; trường hợp không cấp, cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

4. Thẻ đăng kiểm viên tàu cá có thời hạn 36 tháng kể từ ngày cấp. Thẻ đăng kiểm viên được cấp lại trong trường hợp hết hạn hoặc bị mất, bị hỏng. Trường hợp thẻ đăng kiểm viên tàu cá hết hạn từ 24 tháng trở lên, để được cấp lại thẻ, đăng kiểm viên tàu cá phải tham gia chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ đăng kiểm viên tàu cá và được cấp Giấy chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ đăng kiểm viên tàu cá.

Điều 11. Thu hồi thẻ, dấu kỹ thuật đăng kiểm viên tàu cá

1. Đăng kiểm viên tàu cá bị thu hồi thẻ, dấu kỹ thuật đăng kiểm viên tàu cá khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Làm giả các hồ sơ để được cấp thẻ, dấu kỹ thuật đăng kiểm viên tàu cá;

b) Lập khống biên bản kiểm tra, cố ý làm sai lệch kết quả kiểm tra kỹ thuật;

c) Không tuân thủ quy trình kiểm tra hoặc quy định tại quy chuẩn kỹ thuật về tàu cá, tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật có liên quan.

2. Người đứng đầu cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường có thẩm quyền và tổ chức thực hiện việc thu hồi thẻ, dấu kỹ thuật đăng kiểm viên tàu cá đối với các trường hợp nêu tại khoản 1 Điều này.

3. Đăng kiểm viên tàu cá vi phạm quy định tại điểm c khoản 1 Điều này chỉ được xem xét cấp lại thẻ, dấu kỹ thuật đăng kiểm viên tàu cá sau thời hạn 12 tháng kể từ ngày có quyết định thu hồi.

Chương III
BẢO ĐẢM AN TOÀN KỸ THUẬT TÀU CÁ, TÀU CÔNG VỤ THUỶ SẢN, TÀU PHỤC VỤ NUÔI TRỒNG THỦY SẢN

Điều 12. Đăng kiểm tàu cá, tàu công vụ thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản

1. Tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản có dài lớn nhất từ 12 mét trở lên, tàu công vụ thủy sản phải đăng kiểm.

2. Tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản có chiều dài lớn nhất dưới 12 mét phải lắp đặt trang thiết bị an toàn khi hoạt động theo Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 13. Nội dung đăng kiểm tàu cá, tàu công vụ thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản

1. Thẩm định hồ sơ thiết kế trong đóng mới, cải hoán, sửa chữa phục hồi tàu cá, tàu công vụ thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản.

2. Giám sát an toàn kỹ thuật trong đóng mới, cải hoán, hàng năm, trên đà, định kỳ, bất thường, sửa chữa phục hồi tàu cá, tàu công vụ thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản.

3. Kiểm tra máy móc, trang thiết bị thuộc diện phải đăng kiểm được chế tạo, lắp đặt trên tàu cá, tàu công vụ thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản.

4. Tham gia giám định kỹ thuật và xác định nguyên nhân tai nạn, sự cố liên quan đến trạng thái kỹ thuật tàu cá, tàu công vụ thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản khi có yêu cầu.

5. Đăng kiểm tàu cá, tàu công vụ thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản thực hiện theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia về tàu cá và quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan theo Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 14. Các hình thức kiểm tra an toàn kỹ thuật tàu cá, tàu công vụ thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản

1. Kiểm tra lần đầu đối với các loại tàu:

a) Tàu đóng mới;

b) Tàu chưa được cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật.

2. Kiểm tra bất thường đối với tàu bị tai nạn, sửa chữa sau tai nạn; theo yêu cầu của chủ tàu hoặc cơ quan có thẩm quyền.

3. Kiểm tra chu kỳ:

a) Các đợt kiểm tra chu kỳ, gồm: kiểm tra hàng năm; kiểm tra trên đà; kiểm tra định kỳ;

b) Thời hạn kiểm tra chu kỳ được thực hiện theo quy định tại quy chuẩn kỹ thuật về tàu cá.

Điều 15. Thẩm định hồ sơ thiết kế tàu cá, tàu công vụ thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản

1. Tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản có chiều dài lớn nhất từ 12 mét trở lên, tàu công vụ thủy sản trước khi đóng mới, cải hoán phải có hồ sơ thiết kế kỹ thuật được thẩm định; trường hợp tàu vỏ gỗ đóng mới theo mẫu truyền thống phải có hồ sơ thiết kế mẫu đã được cơ sở đăng kiểm tàu cá sao duyệt.

2. Thẩm quyền thẩm định hồ sơ thiết kế tàu cá, tàu công vụ thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản:

a) Cơ sở đăng kiểm tàu cá loại I thẩm định hồ sơ thiết kế đóng mới, cải hoán, sửa chữa phục hồi tất cả các loại tàu cá, tàu công vụ thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản;

b) Cơ sở đăng kiểm tàu cá loại II thẩm định hồ sơ thiết kế đóng mới, cải hoán, sửa chữa phục hồi tàu cá, tàu công vụ thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản có chiều dài lớn nhất dưới 24 mét;

c) Cơ sở đăng kiểm tàu cá loại III thẩm định hồ sơ thiết kế đóng mới, cải hoán, sửa chữa phục hồi tàu cá, tàu công vụ thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản có chiều dài lớn nhất dưới 15 mét;

d) Thẩm định hồ sơ thiết kế được thực hiện theo đề nghị của chủ cơ sở thiết kế tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản/chủ cơ sở thiết kế tàu công vụ thủy sản.

3. Hồ sơ bao gồm:

a) Đơn đề nghị thẩm định hồ sơ thiết kế theo Mẫu số 01.BĐ Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Hồ sơ thiết kế tàu (03 bộ).

4. Trình tự thực hiện:

a) Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp tại cơ sở đăng kiểm tàu cá quy định tại khoản 2 Điều này hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính;

b) Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: Cơ sở đăng kiểm tàu cá kiểm tra thành phần hồ sơ và trả lời ngay khi tổ chức, cá nhân đến nộp hồ sơ;

c) Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính: Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, cơ sở đăng kiểm tàu cá xem xét tính đầy đủ, nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, cơ sở đăng kiểm tàu cá có văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân bổ sung;

d) Trong thời hạn 20 ngày (đối với hồ sơ thiết kế đóng mới, lần đầu) hoặc 10 ngày làm việc (đối với hồ sơ thiết kế cải hoán, sửa chữa phục hồi), kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định, cơ sở đăng kiểm tàu cá tiến hành thẩm định thiết kế, nếu không đạt yêu cầu thì trả lời tổ chức, cá nhân; nếu đạt yêu cầu thì cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế theo Mẫu số 02.BĐ Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này và ký, đóng dấu thẩm định vào tài liệu thiết kế;

đ) Cơ sở đăng kiểm tàu cá trả kết quả trực tiếp tại nơi nhận hồ sơ hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính.

Điều 16. Chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá, tàu công vụ thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản

1. Thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá, tàu công vụ thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản là cơ sở đăng kiểm tàu cá.

2. Cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá được thực hiện theo đề nghị của chủ tàu cá/chủ tàu công vụ thủy sản/chủ tàu tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản.

3. Hồ sơ bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá, tàu công vụ

thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản theo Mẫu số 03.BĐ Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bản chụp hồ sơ thiết kế đã được thẩm định đối với trường hợp đóng mới, cải hoán (không áp dụng khi cơ sở đăng kiểm thực hiện giám sát kỹ thuật đồng thời là cơ sở thẩm định hồ sơ thiết kế).

4. Trình tự thực hiện:

a) Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp tại cơ sở đăng kiểm tàu cá hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường mạng;

b) Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: Cơ sở đăng kiểm tàu cá kiểm tra thành phần hồ sơ và trả lời ngay khi tổ chức, cá nhân đến nộp hồ sơ;

c) Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường mạng: Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, cơ sở đăng kiểm tàu cá xem xét tính đầy đủ, nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, cơ sở đăng kiểm tàu cá có văn bản thông báo rõ cho tổ chức, cá nhân bổ sung;

d) Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định, cơ sở đăng kiểm tàu cá thống nhất thời gian và địa điểm kiểm tra với tổ chức, cá nhân đề nghị;

đ) Cơ sở đăng kiểm tàu cá tiến hành giám sát an toàn kỹ thuật tàu cá, tàu công vụ thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản theo quy chuẩn kỹ thuật tàu cá và tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật có liên quan. Đối với vật liệu, máy móc, trang thiết bị quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này, theo tiến độ thi công, trước khi lắp đặt trên tàu, tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật nộp Giấy chứng nhận hợp chuẩn, hợp quy (bản sao và xuất trình bản chính hoặc bản sao có chứng thực để đối chiếu) và xuất trình các tài liệu kèm theo (đối với vật liệu, máy móc, trang thiết bị sản xuất trong nước) hoặc nộp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa, chứng nhận chất lượng và xuất trình tài liệu kỹ thuật hướng dẫn lắp đặt, sử dụng, sửa chữa thiết bị của nhà sản xuất (đối với vật liệu, máy móc, trang thiết bị nhập khẩu) hoặc nộp chứng nhận chế tạo, chứng nhận kiểm định theo quy định của pháp luật (bản sao và xuất trình bản chính hoặc bản sao có chứng thực để đối chiếu);

e) Trường hợp máy chính là máy thủy đã qua sử dụng không đáp ứng theo quy định tại điểm đ khoản này thì phải được cơ sở đăng kiểm tàu cá kiểm tra, đánh giá theo Mẫu số 07.BĐ Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này;

g) Trường hợp kết quả không đạt yêu cầu, trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành giám sát kỹ thuật, cơ sở đăng kiểm tàu cá thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do cho tổ chức, cá nhân; trường hợp kết quả đạt yêu cầu, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi hoàn thành kiểm tra, cơ sở đăng kiểm tàu cá cấp cho chủ tàu các giấy tờ:

Biên bản kiểm tra kỹ thuật tàu cá, tàu công vụ thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản theo Mẫu số 04a.BĐ đến Mẫu số 04o.BĐ Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này;

Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá, tàu công vụ thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản theo Mẫu số 05.BĐ Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này;

Sổ đăng kiểm tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản theo Mẫu số 06a.BĐ hoặc sổ đăng kiểm tàu công vụ thủy sản Mẫu số 06b.BĐ (đối với trường hợp kiểm tra đóng mới, lần đầu) Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này;

h) Cơ sở đăng kiểm tàu cá trả kết quả trực tiếp tại nơi nhận hồ sơ hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính.

Chương IV
ĐĂNG KÝ, XÓA ĐĂNG KÝ TÀU CÁ, TÀU CÔNG VỤ THỦY SẢN, TÀU PHỤC VỤ NUÔI TRỒNG THỦY SẢN

Điều 17. Quy định về đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản

1. Tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản có chiều dài lớn nhất từ 06 mét trở lên và tàu công vụ thủy sản phải được đăng ký theo quy định của Thông tư này trước khi đưa vào hoạt động.

Ủy ban nhân dân cấp xã thống kê tàu cá có chiều dài lớn nhất dưới 06 mét theo mẫu quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Trong cùng một thời gian, mỗi tàu cá, tàu công vụ thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản chỉ được đăng ký tại một cơ quan đăng ký và chỉ được cấp một giấy chứng nhận đăng ký.

3. Cơ quan đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản có trách nhiệm ghi vào Sổ đăng ký tàu theo Mẫu số 01.ĐKT Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư này trước khi cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản.

Điều 18. Quy định về số đăng ký và tên tàu cá, tàu công vụ thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản

1. Số đăng ký được viết hai bên mạn phía mũi tàu, trường hợp tàu nhỏ không thể viết số đăng ký ở hai bên mạn phía mũi thì làm biển số gắn ở phía ngoài vách ca bin hoặc vách buồng ngủ, nếu tàu không có ca bin và buồng ngủ thì viết hoặc gắn vào bất kỳ vị trí nào của thân tàu, nơi dễ nhìn thấy.

2. Chữ và số viết ngay ngắn, rõ ràng bằng kiểu chữ la tinh in đều nét, màu chữ và số tương phản với màu nền viết để nhìn rõ.

3. Kích cỡ chữ và số phải tương xứng kích cỡ tàu, bề dày nét chữ và số không nhỏ hơn 30 mm, chiều cao chữ và số không nhỏ hơn 200mm. Đối với trường hợp tàu quá nhỏ, kích cỡ chữ và số phải đảm bảo rõ ràng, dễ nhìn thấy.

4. Số đăng ký tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản gồm 03 nhóm ký tự (tính từ trái sang phải), các nhóm ký tự cách nhau bởi dấu "-" như sau:

a) Nhóm thứ nhất: Các chữ cái viết tắt tên tỉnh, thành phố theo Phụ lục IX ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Nhóm thứ hai: Gồm 05 chữ số theo thứ tự từ 00001 đến 99999.

c) Nhóm thứ ba: Gồm 02 chữ "TS" đối với tàu cá, 03 chữ "NTS" đối với tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản.

5. Số đăng ký tàu công vụ thủy sản gồm 03 nhóm ký tự (tính từ trái sang phải), các nhóm ký tự cách nhau bởi dấu "-" như sau:

a) Nhóm thứ nhất gồm 02 chữ cái "KN" đối với tàu công vụ thuỷ sản, thanh tra, tuần tra, kiểm tra, kiểm soát, giám sát hoạt động thủy sản và "NC" đối với tàu điều tra, đánh giá nguồn lợi thủy sản;

b) Nhóm thứ hai gồm 03 chữ số theo Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Nhóm thứ ba gồm 02 chữ cái "VN" đối với tàu do Trung ương quản lý hoặc các chữ cái viết tắt tên tỉnh, thành phố theo Phụ lục IX ban hành kèm theo Thông tư này đối với tàu địa phương quản lý.

6. Tên tàu cá, tàu nuôi trồng thủy sản do chủ tàu tự đặt và được kẻ phía trên vách cabin.

Điều 19. Thẩm quyền, hồ sơ, trình tự đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản

1. Thẩm quyền đăng ký

a) Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh cấp đăng ký tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản trên địa bàn;

b) Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường cấp đăng ký tàu công vụ thủy sản.

2. Hồ sơ đăng ký đóng mới, gồm:

a) Tờ khai đăng ký: Tàu cá theo Mẫu số 02a.ĐKT, tàu công vụ thủy sản theo Mẫu số 02b.ĐKT, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản theo Mẫu số 02c.ĐK Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Giấy chứng nhận xuất xưởng do chủ cơ sở đóng tàu cấp theo Mẫu số 03.ĐKT Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Văn bản phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền đối với tàu công vụ thủy sản;

d) Thông tin của Biên lai nộp thuế trước bạ (số, ngày cấp, nơi cấp) do cơ quan thuế phát hành hoặc Biên lai nộp thuế trước bạ của tàu hoặc Tờ khai lệ phí trước bạ của tàu có xác nhận của cơ quan thuế;

đ) Ảnh màu (9x12 cm, chụp toàn tàu theo hướng 2 bên mạn tàu);

e) Bản sao chụp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật của tàu còn hiệu lực theo Mẫu số 05.BĐ Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này đối với tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản có chiều dài lớn nhất từ 12 mét trở lên, tàu công vụ thủy sản. Biên bản kiểm tra tàu theo Mẫu số 04p.BĐ Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này đối với tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản có chiều dài lớn nhất dưới 12 mét.

3. Hồ sơ đăng ký cải hoán, gồm:

a) Thành phần hồ sơ theo quy định tại điểm a, c, d, đ, e khoản 2 Điều này;

b) Giấy chứng nhận cải hoán đối với tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản có chiều dài lớn nhất từ 12 mét trở lên, tàu công vụ thủy sản theo Mẫu số 04.ĐKT Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Giấy chứng nhận đăng ký cũ.

4. Hồ sơ đăng ký mua bán, tặng cho trong nước, gồm:

a) Thành phần hồ sơ theo quy định tại điểm a, d, đ khoản 2 Điều này;

b) Giấy tờ chuyển nhượng quyền sở hữu tàu theo quy định;

c) Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá cũ kèm theo hồ sơ đăng ký gốc của tàu;

d) Giấy chứng nhận xóa đăng ký đối với trường hợp mua bán ngoài tỉnh, thành phố.

5. Hồ sơ đăng ký nhập khẩu, tặng cho, viện trợ, gồm:

a) Thành phần hồ sơ theo quy định tại điểm a, d, đ, e khoản 2 Điều này;

b) Giấy chứng nhận xóa đăng ký kèm theo bản sao có chứng thực bản dịch tiếng Việt đối với tàu cá, tàu công vụ thủy sản đã qua sử dụng;

c) Bản sao có chứng thực Tờ khai hải quan có xác nhận đã hoàn thành thủ tục hải quan.

6. Hồ sơ đăng ký thuộc diện thuê tàu trần, gồm:

a) Thành phần hồ sơ theo quy định tại điểm a, đ, e khoản 2 và điểm b, c khoản 5 Điều này;

b) Hợp đồng thuê tàu trần.

7. Hồ sơ đăng ký đối với trường hợp chủ tàu thay đổi nơi cư trú ngoài tỉnh, thành phố, gồm:

a) Thành phần hồ sơ theo quy định tại điểm a, đ khoản 2 Điều này;

b) Giấy chứng nhận đăng ký tàu cũ kèm theo hồ sơ đăng ký gốc của tàu;

c) Giấy chứng nhận xóa đăng ký.

8. Hồ sơ đăng ký đối với tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản đang hoạt động trước ngày Thông tư này có hiệu lực gồm các giấy tờ quy định tại điểm a, d, đ, e khoản 2 Điều này.

9. Trình tự thực hiện:

a) Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều này;

b) [2] Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều này vào Sổ đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản, cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản theo Mẫu số 05.ĐKT Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư và cài đặt Sổ danh bạ thuyền viên tàu cá/tàu nuôi trồng thủy sản điện tử trên thiết bị điện tử do chủ tàu cung cấp theo Mẫu số 06.ĐKT Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư này; trường hợp không cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Điều 20. Đăng ký lại tàu cá, tàu công vụ thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản

1. Các trường hợp cấp lại:

a) Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản bị mất, bị rách nát, hư hỏng;

b) Thay đổi tên tàu, hô hiệu (nếu có) hoặc các thông số của tàu nhưng không làm ảnh hưởng đến tính năng kỹ thuật của tàu;

c) Thay đổi thông tin của chủ sở hữu trong Giấy chứng nhận đăng ký;

d) Tàu cá được cấp Giấy xác nhận đã đăng ký.

2. Hồ sơ bao gồm:

a) Tờ khai đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản theo Mẫu số 07.ĐKT Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Giấy chứng nhận đăng ký tàu hoặc Giấy xác nhận đã đăng ký; trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá bị mất, chủ tàu phải khai báo và nêu rõ lý do;

c) Ảnh màu hai bên mạn tàu (9 x 12 cm).

3. Trình tự thực hiện:

a) Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 19 Thông tư này ;

b) Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 19 Thông tư này cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản; trường hợp không cấp lại phả trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

---

[2] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 4 của Thông tư số 33/2026/TT-BNNMT, có hiệu lực thi hành từ ngày 19 tháng 9 năm 2026.

4. Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản được cấp lại phải giữ nguyên số đăng ký đã được cấp.

Điều 21. Đăng ký tạm thời tàu cá, tàu công vụ thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản

1. Tàu cá, tàu công vụ thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản được cấp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời trong các trường hợp sau đây:

a) Tàu chưa có biên lai nộp lệ phí trước bạ;

b) Tàu đóng mới để di chuyển về nơi đăng ký chính thức;

c) Tàu nhập khẩu, thuê tàu trần từ nước ngoài về cảng đầu tiên của Việt Nam.

2. Hồ sơ bao gồm:

a) Tờ khai đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời theo Mẫu số 08.ĐKT Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá, tàu công vụ thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản; hợp đồng đóng tàu, biên bản nghiệm thu xuất xưởng;

c) Đối với tàu nhập khẩu, thuê tàu trần từ nước ngoài về cảng đầu tiên của Việt Nam, gồm: Văn bản cho phép nhập khẩu hoặc thuê tàu trần, hợp đồng đóng tàu và thanh lý hợp đồng đóng tàu đối với tàu đóng mới, giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật hoặc giấy chứng nhận phân cấp còn hiệu lực từ 06 tháng trở lên do tổ chức đăng kiểm nước có tàu cấp;

d) Ảnh màu hai bên mạn tàu (kích thước: 9 x 12 cm).

3. Trình tự thực hiện:

a) Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 19 Thông tư này;

b) Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 19 Thông tư này cấp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu cá, tàu công vụ thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản theo Mẫu số 09.ĐKT Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư này; trường hợp không cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

4. Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời có giá trị tối đa là 60 ngày kể từ ngày cấp.

Điều 22. Xóa đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản

1. Hồ sơ bao gồm:

Tờ khai đề nghị xóa đăng ký theo Mẫu số 10.ĐKT Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Trình tự thực hiện:

a) Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 19 Thông tư này;

b) Đối với tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản bán, tặng, cho, thừa kế hoặc tàu công vụ thủy sản, trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 19 Thông tư này cấp Giấy chứng nhận xóa đăng ký theo Mẫu số 13.ĐKT[3] Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư này; trả hồ sơ đăng ký gốc của tàu và giấy chứng nhận đăng ký cũ đã cắt góc phía trên bên phải cho chủ tàu; trường hợp không cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

c) Đối với tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản phá hủy, phá dỡ

Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 19 Thông tư này tổ chức kiểm tra thực tế, lập biên bản xác minh tình trạng của tàu theo Mẫu số 11.ĐKT Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư này.

Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kiểm tra thực tế, nếu xác định tàu đã được phá hủy, phá dỡ, cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 19 Thông tư này cấp Giấy chứng nhận xóa đăng ký tàu theo Mẫu số 13.ĐKT Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư này; trả hồ sơ đăng ký gốc của tàu và giấy chứng nhận đăng ký cũ đã cắt góc phía trên bên phải cho chủ tàu; trường hợp không cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

d) Đối với tàu cá Việt Nam xuất khẩu, viện trợ

Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 19 Thông tư này đối chiếu Danh sách tàu cá khai thác thủy sản bất hợp pháp, không báo cáo, không theo quy định. Trường hợp không thuộc danh sách tàu cá vi phạm khai thác thủy sản bất hợp pháp, không báo cáo, không theo quy định của Việt Nam, cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 19 Thông tư này cấp Giấy chứng nhận xóa đăng ký tàu cá theo Mẫu số 13.ĐKT[4] Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư này; trả hồ sơ đăng ký gốc của tàu và giấy chứng nhận đăng ký cũ đã cắt góc phía trên bên phải cho chủ tàu; trường hợp không cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

đ) Đối với tàu bị chìm đắm do tai nạn không thể trục vớt, sau 30 ngày kể từ ngày tàu bị chìm đắm, cơ quan có thẩm quyền đăng ký tàu quy định tại khoản 1

---

[3] Cụm từ "Mẫu số 12.ĐKT" được thay thế bởi "Mẫu số 13.ĐKT" theo quy định tại điểm a khoản 8 Điều 4 của Thông tư số 33/2026/TT-BNNMT, có hiệu lực thi hành từ ngày 19 tháng 9 năm 2026.

[4] Cụm từ "Mẫu số 12.ĐKT" được thay thế bởi "Mẫu số 13.ĐKT" theo quy định tại điểm a khoản 8 Điều 4 của Thông tư số 33/2026/TT-BNNMT, có hiệu lực thi hành từ ngày 19 tháng 9 năm 2026.

Điều 19 Thông tư này lập biên bản xác nhận tình trạng của tàu theo Mẫu số 12.ĐKT[5] Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư này và xóa tên tàu trong Sổ đăng ký tàu.

e) Đối với tàu cá vi phạm khai thác thủy sản bất hợp pháp, không báo cáo, không theo quy định ở vùng biển của quốc gia hoặc vùng lãnh thổ khác hoặc vùng biển thuộc thẩm quyền quản lý của Tổ chức quản lý nghề cá khu vực bị bắt giữ, tịch thu và phá hủy: chậm nhất 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản về việc tàu cá đã bị bắt giữ, tịch thu và phá hủy (bản án, quyết định của cơ quan có thẩm quyền quốc gia bắt giữ, xử lý hoặc văn bản xác nhận của Bộ Ngoại giao hoặc cơ quan đại diện ngoại giao Việt Nam ở nước ngoài), cơ quan có thẩm quyền đăng ký tàu quy định tại khoản 1 Điều 19 Thông tư này xóa tên tàu cá trong Sổ đăng ký tàu và thông báo đến chính quyền địa phương nơi chủ tàu cư trú, Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng, Cơ quan quản lý nhà nước về thuỷ sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường để đăng tải trên trang thông tin điện tử.

g) Đối với tàu cá được cơ quan đăng ký tàu cá thông báo tới chủ tàu cá, thông tin tìm kiếm trên phương tiện truyền thông 06 tháng nhưng không có thông tin: cơ quan có thẩm quyền đăng ký tàu quy định tại khoản 1 Điều 19 Thông tư này xóa tên tàu trong Sổ đăng ký tàu và thông báo đến chính quyền địa phương nơi chủ tàu cư trú, Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng để phối hợp quản lý; đồng thời gửi cơ quan quản lý nhà nước về thuỷ sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường để đăng tải trên trang thông tin điện tử.

3. Giấy chứng nhận xóa đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản được cấp 01 bản cho chủ tàu (áp dụng đối với các trường hợp quy định tại điểm b, điểm c và điểm d khoản 2 Điều này).

Chương V
TREO CỜ VÀ ĐÁNH DẤU TÀU CÁ, TÀU PHỤC VỤ NUÔI TRỒNG THỦY SẢN

Điều 23. Treo cờ

Tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản đã được đăng ký khi hoạt động trên vùng biển Việt Nam phải treo quốc kỳ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (sau đây viết tắt là Quốc kỳ) ở đỉnh cột phía lái; đối với tàu không có cột phía lái thì Quốc kỳ được treo ở đỉnh cột chính.

Điều 24. Đánh dấu tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản

1. Đối với tàu cá khai thác thủy sản có chiều dài lớn nhất từ 06 mét đến dưới 12 mét, toàn bộ cabin phải sơn màu xanh; trường hợp tàu không có cabin phải sơn màu xanh toàn bộ phần mạn khô của tàu.

---

[5] Cụm từ "Mẫu số 13.ĐKT" được thay thế bởi "Mẫu số 12.ĐKT" theo quy định tại điểm b khoản 8 Điều 4 của Thông tư số 33/2026/TT-BNNMT, có hiệu lực thi hành từ ngày 19 tháng 9 năm 2026.

2. Đối với tàu cá khai thác thủy sản có chiều dài lớn nhất từ 12 mét đến dưới 15 mét, toàn bộ cabin phải sơn màu vàng; trường hợp tàu không có cabin phải sơn màu vàng toàn bộ phần mạn khô của tàu.

3. Đối với tàu cá khai thác thủy sản có chiều dài lớn nhất từ 15 mét trở lên, toàn bộ cabin phải sơn màu ghi sáng; trường hợp tàu không có cabin phải sơn màu ghi sáng toàn bộ phần mạn khô của tàu.

4. Đối với tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản ca bin phải sơn một nửa màu xanh phía mũi và một nửa màu vàng phía lái; trường hợp tàu không có cabin phải sơn một nửa màu xanh phía mũi và một nửa màu vàng phía lái toàn bộ phần mạn khô của tàu.

Chương VI
NHẬP KHẨU TÀU CÁ

Điều 25. Cấp phép nhập khẩu tàu cá, thuê tàu trần

1. Hồ sơ cấp Giấy phép nhập khẩu tàu cá, thuê tàu trần

a) Đơn đề nghị nhập khẩu tàu cá theo Mẫu số 01.NK Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Hợp đồng nhập khẩu tàu cá hoặc hợp đồng thuê tàu trần;

c) Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá hoặc hồ sơ phân cấp tàu cá còn hiệu lực từ 06 tháng trở lên do tổ chức đăng kiểm của nước có tàu cấp;

d) Giấy xóa đăng ký tàu cá; giấy xác nhận tàu cá không vi phạm khai thác bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định của cơ quan có thẩm quyền đối với tàu cá đã qua sử dụng; hồ sơ gốc của tàu (bản vẽ thiết kế tàu, giấy tờ liên quan đến nguồn gốc vỏ, máy và các trang thiết bị trên tàu).

2. Hồ sơ nêu tại điểm b, c, d khoản 1 Điều này phải dịch ra tiếng Việt.

3. Trình tự, thủ tục

a) Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép nhập khẩu tàu cá đến cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh;

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh tổ chức thẩm định và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định cấp phép nhập khẩu tàu cá, cấp phép thuê tàu trần theo Mẫu số 02.NK Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư này; trường hợp không cấp phép thì phải có văn bản thông báo và nêu rõ lý do cho tổ chức, cá nhân.

4. Quyết định cấp phép nhập khẩu tàu cá phải được gửi cho tổ chức, cá nhân đề nghị nhập khẩu tàu cá đồng thời gửi đến các cơ quan liên quan bao gồm: Ủy ban nhân dân cấp xã nơi chủ tàu cá đăng ký hộ khẩu thường trú, cơ quan quản lý nhà nước về thuỷ sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng, Cục Hải quan.

Điều 26. Quy định đối với tàu cá được tặng cho, viện trợ

1. Tặng, cho viện trợ tàu cá là việc Chính phủ, tổ chức, cá nhân nước ngoài tặng cho, viện trợ tàu cá cho Chính phủ hoặc tổ chức, cá nhân Việt Nam để sử dụng trong hoạt động khai thác thủy sản hoặc các hoạt động công vụ liên quan đến thủy sản.

2. Việc tiếp nhận tàu cá do Chính phủ, tổ chức, cá nhân nước ngoài tặng cho, viện trợ cho cơ quan nhà nước của Việt Nam, cơ quan quản lý nhà nước về thuỷ sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường quyết định trên cơ sở nhu cầu, điều kiện thực tế và quan hệ đối ngoại.

3. Tổ chức, cá nhân Việt Nam tiếp nhận tàu cá của tổ chức, cá nhân nước ngoài tặng cho phải đảm bảo đủ điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 66 Luật Thủy sản.

4. Trình tự, thủ tục nhập khẩu tàu cá do tổ chức, cá nhân nước ngoài tặng cho tổ chức, cá nhân Việt Nam thực hiện theo quy định tại Điều 25 Thông tư này.

Chương VII
PHÂN LOẠI CẢNG CÁ; CÔNG BỐ MỞ, ĐÓNG CẢNG CÁ

Điều 27. Phân loại cảng cá

1. Cảng cá loại I phải đáp ứng các tiêu chí sau:

a) Vị trí là nơi có khả năng thu hút tàu cá của nhiều tỉnh, thành phố, tàu nước ngoài cập cảng bốc dỡ thủy sản và thực hiện các dịch vụ nghề cá khác; là đầu mối phân phối hàng thủy sản của khu vực;

b) Có đủ năng lực tiếp nhận tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 24 mét trở lên cập cảng;

c) Đảm bảo an toàn kỹ thuật, an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường và phòng, chống cháy, nổ;

d) Quy mô lượng hàng thủy sản qua cảng từ 25.000 tấn/năm trở lên; đối với cảng cá tại đảo, lượng hàng thủy sản qua cảng từ 3.000 tấn/năm trở lên.

2. Cảng cá loại II phải đáp ứng các tiêu chí sau:

a) Vị trí là nơi có khả năng thu hút tàu cá của một số tỉnh, thành phố cập cảng bốc dỡ thủy sản và thực hiện các dịch vụ nghề cá khác; là đầu mối phân phối hàng thủy sản của địa phương;

b) Có đủ năng lực tiếp nhận tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 mét trở lên cập cảng;

c) Đảm bảo an toàn kỹ thuật, an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường và phòng, chống cháy, nổ;

d) Quy mô lượng hàng thủy sản qua cảng từ 15.000 tấn/năm trở lên; đối với cảng cá tại đảo, lượng hàng thủy sản qua cảng từ 1.000 tấn/năm trở lên.

3. Cảng cá loại III phải đáp ứng các tiêu chí sau:

a) Vị trí là nơi có khả năng thu hút tàu cá của các địa phương trong tỉnh, thành phố cập cảng bốc dỡ thủy sản và thực hiện các dịch vụ nghề cá khác;

b) Có đủ năng lực tiếp nhận tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 6 mét trở lên cập cảng;

c) Đảm bảo an toàn kỹ thuật, an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường và phòng, chống cháy, nổ.

Điều 28. Nội dung, trình tự, thủ tục công bố mở, đóng cảng cá

1. [6] Thẩm quyền công bố mở, đóng cảng cá

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công bố mở, đóng cảng cá loại I và loại II trên địa bàn;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã công bố mở, đóng cảng cá loại III trên địa bàn.

2. Hồ sơ công bố mở cảng cá:

a) Đơn đề nghị công bố mở cảng cá theo Mẫu số 01.CC Phụ lục XII ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Văn bản thể hiện quyền sử dụng vùng đất của cảng;

c) Biên bản nghiệm thu đã hoàn thành công trình đưa vào sử dụng cảng cá;

d) Thông báo về luồng của cảng và vùng nước trước cầu cảng (trừ cảng cá loại III).

3. Trình tự, thủ tục công bố mở cảng cá:

a) Tổ chức quản lý cảng cá nộp hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này đến cơ quan chuyên môn được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính (đối với cảng loại I và cảng loại II) hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã (đối với cảng loại III);

b) [7] Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, cơ quan quy định tại điểm a khoản 3 Điều này xem xét hồ sơ; tổ chức khảo sát thực tế tại cảng cá (trong trường hợp cần thiết), trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định công bố mở cảng cá (đối với cảng loại I và cảng loại II) hoặc trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định công bố mở cảng cá (đối với cảng cá loại III) theo Mẫu số 02.CC Phụ lục XII ban hành kèm theo Thông tư này. Trường hợp không công bố mở cảng cá, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

c) Trong thời hạn 02 ngày kể từ ngày Quyết định công bố mở cảng cá được ban hành, cơ quan có thẩm quyền thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng.

4. Công bố đóng cảng cá:

---

[6] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 4 của Thông tư số 33/2026/TT-BNNMT, có hiệu lực thi hành từ ngày 19 tháng 9 năm 2026.

[7] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 4 của Thông tư số 33/2026/TT-BNNMT, có hiệu lực thi hành từ ngày 19 tháng 9 năm 2026.

a) Cơ quan có thẩm quyền công bố đóng cảng cá là cơ quan công bố mở cảng cá. Quyết định đóng cảng cá thuộc một trong các trường hợp quy định tại điểm b đến điểm d khoản này; đồng thời thực hiện thu hồi Quyết định công bố mở cảng cá đã cấp;

b) Tổ chức quản lý cảng cá bị đình chỉ hoạt động hoặc tự chấm dứt hoạt động theo quy định của pháp luật;

c) Đối với cảng cá loại I không còn đáp ứng tiêu chí quy định tại khoản 1 Điều 27 Thông tư này mà không có biện pháp khắc phục kịp thời;

d) Đối với cảng cá loại II không còn đáp ứng tiêu chí quy định tại khoản 2 Điều 27 Thông tư này mà không có biện pháp khắc phục kịp thời;

đ) Đối với cảng cá loại III không còn đáp ứng tiêu chí quy định tại khoản 3 Điều 27 Thông tư này mà không có biện pháp khắc phục kịp thời.

đ) Quyết định công bố đóng cảng cá theo Mẫu số 03.CC Phụ lục XII ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 29. Cảng cá chỉ định cho tàu cá nước ngoài cập cảng

1. Cảng cá chỉ định cho tàu cá nước ngoài cập cảng khi đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Đã được công bố mở cảng theo quy định của pháp luật;

b) Có luồng và vùng nước trước cảng đảm bảo cho tàu cá nước ngoài cập cảng;

c) Thuận lợi cho việc kiểm soát của các cơ quan có thẩm quyền kiểm soát việc xuất cảnh, nhập cảnh và xuất khẩu, nhập khẩu thủy sản;

d) Có đủ năng lực thực hiện được việc kiểm soát tàu cá cập cảng, rời cảng, giám sát sản lượng thủy sản bốc dỡ qua cảng, tàu cá khai thác bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định.

2. [8] Cơ quan quản lý thủy sản cấp tỉnh, thành phố có trách nhiệm rà soát (kiểm tra thực tế nếu cần) cảng cá chỉ định cho tàu cá nước ngoài cập cảng theo Mẫu số 04.CC Phụ lục XII ban hành kèm theo Thông tư này trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công bố. Danh sách cảng cá chỉ định cho tàu cá nước ngoài cập cảng được gửi về cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp đăng tải trên Trang thông tin điện tử; đồng thời, gửi đến Biên phòng, Cảng vụ hàng hải, Hải quan để quản lý, giám sát theo quy định.

Điều 30. Cảng cá chỉ định cho tàu cá hoạt động ở vùng khơi trở ra cập cảng

1. Cảng cá chỉ định cho tàu cá hoạt động từ vùng khơi trở ra cập cảng khi đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Đã được công bố mở cảng theo quy định của pháp luật;

b) Có luồng vào cảng và vùng nước trước cầu cảng đảm bảo cho tàu cá hoạt động ở vùng khơi trở ra cập cảng;

---

[8] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 4 của Thông tư số 33/2026/TT-BNNMT, có hiệu lực thi hành từ ngày 19 tháng 9 năm 2026.

c) Có đủ năng lực thực hiện được việc kiểm soát tàu cá cập cảng, rời cảng, giám sát sản lượng thủy sản bốc dỡ qua cảng, tàu cá khai thác bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định.

2. [9] Cơ quan quản lý thủy sản cấp tỉnh có trách nhiệm rà soát (khảo sát thực tế nếu cần) đề xuất cảng cá chỉ định cho tàu cá hoạt động ở vùng khơi cập cảng theo Mẫu số 05.CC Phụ lục XII ban hành kèm theo Thông tư này trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công bố. Danh sách cảng cá chỉ định cho tàu cá hoạt động ở vùng khơi trở ra cập cảng gửi về Bộ Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp và được đăng tải trên Trang thông tin điện tử của cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Điều 31. Cảng cá chỉ định xác nhận nguồn gốc nguyên liệu thủy sản từ khai thác

1. Cảng cá được chỉ định thực hiện xác nhận nguồn gốc nguyên liệu thủy sản từ khai thác khi đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Đã được công bố mở cảng theo quy định của pháp luật;

b) Có nguồn lực (tối thiểu 02 người có chuyên môn về thủy sản và hệ thống máy tính truy cập vào cơ sở dữ liệu về thủy sản) thực hiện được việc kiểm soát tàu cá cập cảng, rời cảng, giám sát sản lượng thủy sản bốc dỡ qua cảng, tàu cá khai thác bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định;

2. Cảng cá được chỉ định nếu vi phạm quy định về xác nhận nguồn gốc thủy sản từ khai thác hoặc không còn đáp ứng các điều kiện nêu trên sẽ bị đưa ra khỏi danh sách cảng cá chỉ định.

3. [10] Hằng quý, cơ quan quản lý thủy sản cấp tỉnh có trách nhiệm rà soát cảng cá đáp ứng yêu cầu tại khoản 1 Điều này, khảo sát thực tế (nếu cần), trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công bố điều chỉnh Danh sách cảng cá chỉ định xác nhận nguồn gốc nguyên liệu thủy sản từ khai thác (nếu có). Quyết định điều chỉnh Danh sách cảng cá chỉ định xác nhận nguồn gốc nguyên liệu thủy sản từ khai thác gửi về cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, đăng tải trên Trang thông tin điện tử.

Chương VIII
TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Điều 32. Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường

1. Tổ chức, chỉ đạo thống nhất, hướng dẫn, kiểm tra các hoạt động đăng kiểm, đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản, nhập khẩu tàu cá, quản lý cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão trong phạm vi toàn quốc.

---

[9] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 4 của Thông tư số 33/2026/TT-BNNMT, có hiệu lực thi hành từ ngày 19 tháng 9 năm 2026.

[10] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 6 Điều 4 của Thông tư số 33/2026/TT-BNNMT, có hiệu lực thi hành từ ngày 19 tháng 9 năm 2026.

2. Hằng năm xây dựng kế hoạch, biên soạn tài liệu, cập nhật nội dung và tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ đăng kiểm viên tàu cá và thông báo trên trang thông tin điện tử cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường; tổ chức tập huấn nghiệp vụ, cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật, các quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn có liên quan về tàu cá, cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão.

3. Quản lý thống nhất thẻ, dấu kỹ thuật đăng kiểm viên tàu cá; cấp và thu hồi dấu kỹ thuật đăng kiểm viên tàu cá trong phạm vi cả nước; hướng dẫn sử dụng, kiểm tra việc quản lý, sử dụng dấu kỹ thuật dùng trong công tác đăng kiểm tàu cá.

4. Đề xuất xây dựng mới hoặc bổ sung, sửa đổi các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về tàu cá, tàu công vụ thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản, cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành và hướng dẫn áp dụng trên toàn quốc.

Điều 33. Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản thuộc Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố

1. Tổ chức thực hiện các quy định về đăng kiểm, đăng ký tàu cá, đăng ký thuyền viên tàu cá, quản lý cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão tại địa phương.

2. Định kỳ theo tháng, quý, năm, đột xuất báo cáo cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường về tình hình đăng ký tàu cá theo Mẫu số 01.BC Phụ lục XIII, tình hình quản lý cảng cá theo Mẫu số 02.BC Phụ lục XII ban hành kèm theo Thông tư này; tổng hợp danh sách tàu cá có chiều dài lớn nhất dưới 6 mét trên địa bàn quản lý.

3. Quản lý, chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn thống nhất đối với các tổ chức quản lý cảng cá trên địa bàn về chuyên môn nghiệp vụ, giám sát tàu cá, sản lượng thủy sản, hàng hóa bốc dỡ qua cảng; kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính tại cảng cá theo quy định của pháp luật; hướng dẫn các tổ chức quản lý cảng cá thu nhận nhật ký khai thác, báo cáo khai thác và nhập dữ liệu nhật ký khai thác vào phần mềm cơ sở dữ liệu tàu cá quốc gia theo quy định.

4. Hằng năm tổ chức kiểm tra, rà soát luồng vào cảng, khu neo đậu tránh trú bão vùng nước trước cầu cảng, khu neo đậu, đề xuất giải pháp xử lý kịp thời, đảm bảo tàu cá ra vào cảng, khu neo đậu tránh trú bão an toàn.

5. Rà soát (khảo sát thực tế nếu cần) các điều kiện của khu neo đậu tránh trú bão đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, đảm bảo an toàn cho tàu cá vào neo đậu tránh trú bão trước khi tham mưu Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường công bố theo quy định tại Điều 86 Luật Thủy sản.

6. Kiểm tra, đối chiếu với Danh sách tàu cá bất hợp pháp hiện hành tại

trang thông tin điện tử của cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường trước khi cấp giấy chứng nhận xóa đăng ký đối với tàu cá xuất khẩu.

Điều 34. Cơ sở đăng kiểm tàu cá

1. Ghi/nhập dữ liệu vào Sổ quản lý kỹ thuật tàu cá, tàu công vụ thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản theo Mẫu số 03.BC Phụ lục XIII ban hành kèm theo Thông tư này trước khi cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá, tàu công vụ thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản; nhập dữ liệu tàu cá, tàu công vụ thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản đã được đăng kiểm vào phần mềm cơ sở dữ liệu nghề cá quốc gia (VNFISHBASE) trong thời hạn 01 ngày kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật.

2. Định kỳ theo tháng, quý, năm, đột xuất báo cáo cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản thuộc Ủy ban nhân dân tại địa phương, cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường về kết quả thẩm định hồ sơ thiết kế tàu cá, tàu công vụ thuỷ sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản theo Mẫu số 04.BC Phụ lục XIII ban hành kèm theo Thông tư này và tình hình đăng kiểm tàu cá, tàu công vụ thuỷ sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản theo Mẫu số 05.BC Phụ lục XIII ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Kiểm tra giám sát việc sử dụng dấu kỹ thuật của các đăng kiểm viên thuộc quyền quản lý của cơ sở.

Điều 35. Cơ sở đóng mới, cải hoán tàu cá

1. Trước khi thi công đóng mới, cải hoán, sửa chữa phục hồi tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản phải trình cơ sở đăng kiểm tàu cá (nơi đề nghị kiểm tra an toàn kỹ thuật tàu) quy trình công nghệ thi công; tuân thủ các bước kiểm tra, giám sát theo thông báo của cơ sở đăng kiểm tàu cá.

2. Định kỳ, đột xuất báo cáo cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản thuộc Ủy ban nhân dân tại địa phương, cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường về tình hình đóng mới, cải hoán tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản theo Mẫu số 06.BC Phụ lục XIII ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 36. Tổ chức quản lý cảng cá

1. Thực hiện đúng quy định tại Điều 81 Luật Thủy sản.

2. Đảm bảo duy trì các điều kiện về kết cấu hạ tầng cảng, vệ sinh an toàn thực phẩm, phòng chống cháy nổ trong khu vực cầu cảng, vùng đất cảng, khu vực neo đậu tàu. Sử dụng, vận hành cơ sở dịch vụ hạ tầng nghề cá tại cảng đảm bảo đúng công năng của cảng.

Điều 37. Đăng kiểm viên tàu cá

1. Quản lý và sử dụng thẻ, dấu kỹ thuật đăng kiểm viên tàu cá được cấp đúng mục đích và đúng quy định của pháp luật.

2. Thực hiện nhiệm vụ kiểm tra an toàn kỹ thuật tàu cá theo đúng chuyên môn kỹ thuật và phù hợp với nhiệm vụ được giao.

3. Sử dụng dấu kỹ thuật đăng kiểm viên theo thời hạn ghi trên thẻ đăng kiểm viên; trường hợp thẻ đăng kiểm viên hết hạn, đăng kiểm viên chỉ được tiếp tục sử dụng dấu sau khi thẻ đã được cấp lại theo quy định.

4. Hằng năm tham gia lớp tập huấn về đăng kiểm tàu cá, đảm bảo an toàn tàu cá do đơn vị thuộc cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường tổ chức.

Điều 38. Chủ tàu

1. Mang theo tàu bản chính hoặc bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký tàu, bản chính giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật của tàu và các giấy tờ có liên quan đến hoạt động thủy sản.

2. Chỉ đưa tàu đi hoạt động sau khi được cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và chỉ hoạt động trong vùng biển cho phép.

3. Thường xuyên kiểm tra tình trạng kỹ thuật của tàu trước khi ra khơi hoạt động.

4. Duy trì tình trạng kỹ thuật giữa 02 lần kiểm tra, trình đăng kiểm viên hồ sơ thiết kế, hồ sơ kỹ thuật của tàu trong các đợt kiểm tra chu kỳ và thông báo cho đăng kiểm viên các hư hỏng, sự cố đã được phát hiện, cũng như các biện pháp sửa chữa đã tiến hành kể từ đợt kiểm tra trước đó.

5. Đánh dấu tàu cá, kẻ biển số trên tàu theo đúng quy định và kẻ lại khi biển số bị mờ.

Chương IX
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH[11]

Điều 39. Điều khoản chuyển tiếp

1. Tổ chức, cá nhân đã được cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ để giải quyết theo thủ tục hành chính trước ngày Thông tư này có hiệu lực mà chưa có kết quả giải quyết thủ tục hành chính thì tiếp tục được giải quyết theo quy định của pháp luật tại thời điểm tiếp nhận; trừ trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị thực hiện theo quy định của Thông tư này.

---

[11] Điều 5 của Thông tư số 33/2026/TT-BNNMT, có hiệu lực từ ngày 19 tháng 9 năm 2026 quy định như sau:

*"**Điều 5. Điều khoản thi hành***

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 19 tháng 9 năm 2026.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh hoặc khó khăn, vướng mắc, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường xem xét quyết định./.".

2. Văn bản, giấy phép, giấy chứng nhận là kết quả giải quyết thủ tục hành chính đã được cơ quan, người có thẩm quyền ban hành trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành và chưa hết hiệu lực hoặc chưa hết thời hạn thì tiếp tục được áp dụng, sử dụng theo thời hạn ghi trên văn bản, giấy phép, giấy chứng nhận đó cho đến khi hết thời hạn.

Trường hợp tổ chức, cá nhân có nhu cầu được sửa đổi, bổ sung, cấp lại văn bản, giấy chứng nhận thì gửi văn bản đề nghị đến cơ quan, người có thẩm quyền tại Thông tư này giải quyết.

3. Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá đã cấp cho chủ tàu trước khi sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, trước ngày Thông tư này có hiệu lực tiếp tục được áp dụng, sử dụng. Trường hợp chủ tàu thực hiện đăng ký tàu cá lần đầu, cải hoán, mua bán, tặng cho hoặc theo đề nghị của chủ tàu thì tiến hành cấp Giấy chứng nhận đăng ký mới theo quy định của Thông tư này.

4. [12] Sổ danh bạ thuyền viên bản giấy thực hiện đến hết ngày 30/9/2026.

Điều 40. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

2. Thông tư này thay thế Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về đăng kiểm viên tàu cá; công nhận cơ sở đăng kiểm tàu cá; bảo đảm an toàn kỹ thuật tàu cá, tàu kiểm ngư; đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản; xóa đăng ký tàu cá và đánh dấu tàu cá.

3. Thông tư này bãi bỏ:

a) Điều 5 Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số thông tư trong lĩnh vực thủy sản;

b) Thông tư số 06/2024/TT-BNNPTNT ngày 06 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về đăng kiểm viên tàu cá; công nhận cơ sở đăng kiểm tàu cá; bảo đảm an toàn kỹ thuật tàu cá, tàu kiểm ngư; đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản; xóa đăng ký tàu cá và đánh dấu tàu cá;

c) Điều 2 Thông tư số 05/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số thông tư trong lĩnh vực thủy sản.

---

[12] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 7 Điều 4 của Thông tư số 33/2026/TT-BNNMT, có hiệu lực thi hành từ ngày 19 tháng 9 năm 2026.

4. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh hoặc vướng mắc, các tổ chức, cá nhân kịp thời báo cáo về cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường xem xét, quyết định./.

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2026

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Võ Văn Hưng

Nơi nhận:
- Văn phòng Chính phủ (để đăng Công báo);
- Bộ trưởng (để b/c);
- Vụ Pháp chế (để đăng trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật);
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ (để đăng tải);
- Cổng Thông tin điện tử Bộ Nông nghiệp và Môi trường (để đăng tải);
- Lưu: VT, TSKN.

PHỤ LỤC I

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ ĐĂNG KIỂM VIÊN TÀU CÁ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

1. Chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ đăng kiểm viên tàu cá

TT	Môn học	Nội dung chính
I	**Đăng kiểm tàu cá hạng III**	
1	Nghiệp vụ đăng kiểm tàu cá	- Luật Thủy sản, các văn bản hướng dẫn thi hành; - Đăng kiểm và đăng ký tàu cá.
2	Các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng trong kiểm tra an toàn kỹ thuật tàu cá	- Các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về tàu cá; - Các quy chuẩn kỹ thuật có liên quan.
3	Kiểm tra, đánh giá trạng thái kỹ thuật hàng năm, trên đà, định kỳ tàu cá, tàu công vụ thuỷ sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản	- Vỏ tàu; - Máy tàu và hệ động lực; - Các trang thiết bị lắp đặt trên tàu; - Lập biên bản kiểm tra.
4	Các môn chuyên ngành kỹ thuật tàu thủy	- Lý thuyết tàu thủy; - Kết cấu thân tàu thủy; - Lý thuyết động cơ; - Sửa chữa động cơ; - Trang bị động lực tàu thủy.
5	Quy trình thi công đóng mới, sửa chữa tàu cá	Giới thiệu quy trình công nghệ thi công đóng mới, sửa chữa tàu cá theo QCVN về tàu cá
II	**Đăng kiểm tàu cá hạng II**	
1	Nghiệp vụ đăng kiểm tàu cá	Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến công tác đăng ký, đăng kiểm tàu cá.
2	Thẩm định thiết kế đóng mới, cải hoán, phục hồi, hoàn công tàu cá, tàu công vụ thuỷ sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản	- Thân tàu và các trang thiết bị - Các tính năng của tàu
		- Máy tàu và hệ động lực; - Hệ thống điện, lạnh lắp đặt trên tàu.
		- Phòng và phát hiện chữa cháy; - Trang thiết bị nghề cá; - Các trang thiết bị khác lắp đặt trên tàu.
3	Kiểm tra an toàn kỹ thuật trong đóng mới, cải hoán, sửa chữa tàu cá, tàu công vụ thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản	- Kiểm tra tàu vỏ gỗ
		- Kiểm tra tàu vỏ thép
		- Kiểm tra tàu vỏ chất dẻo cốt sợi thủy tinh (FRP)
		- Kiểm tra hệ động lực và chế tạo hệ động lực lắp đặt lên tàu.

		- Kiểm tra các trang thiết bị lắp đặt trên tàu.
		- Kiểm tra vật liệu và đánh giá kết quả thử nghiệm phá hủy và không phá hủy
		- Chuyên đề kiểm tra chân vịt.
		- Chuyên đề kiểm tra điện và hệ lạnh tàu cá.
4	Thử tàu	- Kiểm tra thử nghiêng ngang.
		- Kiểm tra thử kín nước, thử tại bến và thử đường dài
5	Hệ thống quản lý chất lượng	Giới thiệu hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO.
III	**Đăng kiểm tàu cá hạng I**	
1	Nghiệp vụ đăng kiểm tàu cá	Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến công tác đăng ký, đăng kiểm tàu cá.
2	Công ước uốc tế về an toàn kỹ thuật tàu cá	Giới thiệu công ước quốc tế về tàu cá, các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về tàu cá của các nước trên thế giới và trong khu vực.
3	Thẩm định thiết kế đóng mới, cải hoán, phục hồi, hoàn công tàu cá, tàu công vụ thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản nâng cao.	- Thân tàu và các trang thiết bị; - Các tính năng của tàu; - Máy tàu và hệ động lực; - Trang thiết bị nghề cá; - Hệ thống điện; - Phòng và phát hiện chữa cháy; - Các trang thiết bị khác lắp đặt trên tàu.
4	Kiểm tra an toàn kỹ thuật trong đóng mới, cải hoán, sửa chữa tàu cá, tàu công vụ thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản nâng cao.	- Vỏ gỗ; - Vỏ thép; - Vỏ chất dẻo cốt sợi thủy tinh (FRP); - Hệ động lực và chế tạo các trang thiết bị lắp đặt lên tàu; - Các trang thiết bị lắp đặt trên tàu; - Kiểm tra nghiệp vụ một số tàu phục vụ nghề cá chuyên ngành đặc biệt (tàu công vụ thuỷ sản, tàu dịch vụ hậu cần có bảo quản hiện đại).
5	Hệ thống quản lý chất lượng	Giới thiệu hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO.

Ghi chú:

- Thời gian tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ đăng kiểm viên tàu cá hạng III cả lý thuyết và thực hành theo chuyên môn phải đủ 180 tiết.

- Thời gian tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ đăng kiểm viên tàu cá hạng II cả lý thuyết và thực hành theo chuyên môn phải đủ 180 tiết.

- Thời gian tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ đăng kiểm viên tàu cá hạng I cả lý thuyết và thực hành phải đủ 180 tiết.

2. Tiêu chuẩn giảng viên bồi dưỡng nghiệp vụ Đăng kiểm viên tàu cá

TT	Giảng viên bồi dưỡng nghiệp vụ đăng kiểm viên tàu cá hạng III	Giảng viên bồi dưỡng nghiệp vụ đăng kiểm viên tàu cá hạng II	Giảng viên bồi dưỡng nghiệp vụ đăng kiểm viên tàu cá hạng I
1	Là đăng kiểm viên hạng II trở lên	Là đăng kiểm viên hạng II trở lên	Là đăng kiểm viên hạng I trở lên
2	Có trình độ đại học các chuyên ngành tương ứng với nội dung bồi dưỡng.	Có trình độ đại học các chuyên ngành tương ứng với nội dung bồi dưỡng.	Có trình độ đại học các chuyên ngành tương ứng với nội dung bồi dưỡng.
3	Có kinh nghiệm làm việc thực tế tại các cơ sở đóng sửa tàu cá hoặc công tác đăng kiểm tàu cá hoặc công tác quản lý tàu cá từ 5 năm trở lên.	Có kinh nghiệ làm việc thực tế tại các cơ sở đóng sửa tàu cá hoặc công tác đăng kiểm tàu cá hoặc công tác quản lý tàu cá từ 8 năm trở lên.	C kinh nghiệm làm việc thực tế tại các cơ sở đóng sửa tàu cá hoặc công tác đăng kiểm tàu cá hoặc công tác quản lý tàu cá từ 10 năm trở lên.

Ghi chú: Ngoài giảng viên đáp ứng các tiêu chuẩn trên, đơn vị bồi dưỡng nghiệp vụ đăng kiểm viên tàu cá được thuê các chuyên gia trong và ngoài ngành, có trình độ chuyên môn từ Đại học trở lên liên quan đến lĩnh vực bồi dưỡng và có kinh nghiệm công tác từ 05 năm trở lên tham gia giảng dạy các chuyên đề./.

PHỤ LỤC II

BIỂU MẪU VỀ ĐĂNG KIỂM VIÊN TÀU CÁ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

Mẫu số 01.ĐKV. Đơn đề nghị tham gia bồi dưỡng nghiệp vụ đăng kiểm viên tàu cá

Mẫu số 02.ĐKV. Giấy chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ đăng kiểm viên tàu cá

Mẫu số 03.ĐKV. Đơn đề nghị cấp/cấp lại thẻ, dấu kỹ thuật đăng kiểm viên

Mẫu số 04.ĐKV. Quyết định cấp thẻ, dấu kỹ thuật đăng kiểm viên tàu cá

Mẫu số 05.ĐKV. Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ đăng kiểm viên tàu cá

Mẫu số 01.ĐKV

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ THAM GIA BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ ĐĂNG KIỂM VIÊN TÀU CÁ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

……, ngày……tháng……năm……..

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
THAM GIA BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ ĐĂNG KIỂM VIÊN TÀU CÁ

Kính gửi:……..…….....

Họ và tên:…….....…; Nam/Nữ:…….....

Ngày, tháng, năm sinh:……....…….....

Số CCCD/CC:.....

Nơi, ngày cấp: .....

Địa chỉ:……...……..…….....

Số điện thoại : ……; Email:…….……...

Trình độ chuyên môn:……..……..

Đăng ký *tham gia khóa bồi dưỡng nghiệp vụ đăng kiểm viên tàu cá hạng:……*

Tôi xin cam kết:

1. Thực hiện theo chương trình, kế hoạch bồi dưỡng nghiệp vụ đăng kiểm viên tàu cá.

2. Nghiêm chỉnh chấp hành nội quy theo quy định.

Nếu vi phạm những điều cam kết trên, tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước đơn vị bồi dưỡng nghiệp vụ đăng kiểm viên tàu cá và pháp luật./.

NGƯỜI ĐỀ NGHỊ
(Ký tên và ghi rõ họ tên)

Mẫu số 02.ĐKV

MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN
BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ ĐĂNG KIỂM VIÊN TÀU CÁ

CƠ QUAN CHỦ QUẢN **CƠ SỞ BỒI DƯỠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** ----------
	THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ BỒI DƯỠNG **CHỨNG NHẬN**
Ảnh màu (4x6)	Ông/bà:..……, Sinh ngày:…… Địa chỉ thường trú:…… Số CCCD/CC:……..... Trình độ chuyên môn:……. Đã hoàn thành khóa bồi dưỡng nghiệp vụ đăng kiểm viên tàu cá hạng…… Từ ngày ……..tháng…..…năm…….…..đến ngày…....tháng…….năm…… Tại:…… …… Xếp loại: …….….
Số:……/20.../GCN- ...	*……,ngày……tháng……năm……* **THỦ TRƯỞNG** *(Ký tên và đóng dấu)*

Mẫu số 03.ĐKV

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP THẺ, DẤU KỸ THUẬT ĐĂNG KIỂM VIÊN TÀU CÁ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP/CẤP LẠI THẺ, DẤU KỸ THUẬT ĐĂNG KIỂM VIÊN TÀU CÁ

Kính gửi:……..…

Họ và tên:……...……; Nam/Nữ:……..…….

Ngày, tháng, năm sinh:…….....…….....

Địa chỉ :……..…...……..…

Số CCCD/CC:…….....

Nơi, ngày cấp: .....

Số điện thoại:…..……; Email:…….....

Trình độ chuyên môn:……..……..…

Đã tham gia tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ đăng kiểm viên tàu cá hạng: .....……

Giấy chứng nhận số:.……....…; ngày cấp: …….....…….

Số hiệu đăng kiểm viên(*): ……; ngày cấp: ……..…

Tôi xin cam kết những lời khai trên là đúng sự thật, đề nghị ……..……

cấp thẻ, dấu kỹ thuật đăng kiểm viên tàu cá hạng...

……, ngày…….....tháng…….....năm…….
NGƯỜI ĐỀ NGHỊ
(Ký tên và ghi rõ họ tên)

Ghi chú: (*) Không ghi trong trường hợp đề nghị cấp thẻ Đăng kiểm viên tàu cá hạng III (lần đầu).

Mẫu số 04.ĐKV

MẪU QUYẾT ĐỊNH CẤP THẺ, DẤU KỸ THUẬT ĐĂNG KIỂM VIÊN TÀU CÁ

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG **CỤC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGƯ** -------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------
Số: /QĐ-TSKN-…..	*Hà Nội, ngày tháng năm 20...*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấp thẻ, dấu kỹ thuật đăng kiểm viên tàu cá

CỤC TRƯỞNG ……..

Căn cứ Quyết định số…của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của ……;

Căn cứ Thông tư số…/…../TT-BNNMT ngày tháng …. năm …. của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường Quy định về ……(ghi rõ tên thông tư);

Theo đề nghị của……,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp thẻ, dấu kỹ thuật đăng kiểm viên tàu cá hạng III cho… đăng kiểm viên…; Cấp thẻ, dấu kỹ thuật đăng kiểm viên tàu cá hạng II cho…đăng kiểm viên…; Cấp thẻ, dấu kỹ thuật đăng kiểm viên tàu cá hạng I cho…đăng kiểm viên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục ……, Thủ trưởng cơ sở đăng kiểm tàu cá có liên quan và ông, bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CỤC TRƯỞNG

Nơi nhận:
- …
- Lưu: VT, ….

1. Mẫu thẻ đăng kiểm viên tàu cá

Mặt trước

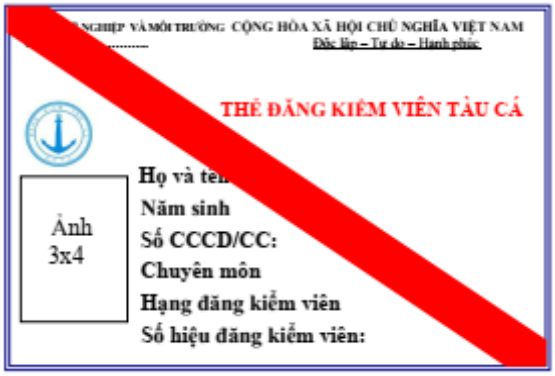

Mặt sau

Được phép thực hiện việc kiểm tra, đánh giá trạng thái kỹ thuật tàu cá

☐ Hàng năm; ☐ Định kỳ; ☐ Trên đà; ☐ Lần đầu;

☐ Bất thường; ☐ Giám định kỹ thuật, điều tra tai nạn.

Hà Nội, ngày tháng năm 20..

CỤC TRƯỞNG

Có giá trị đến:.....

2. Mẫu dấu kỹ thuật đăng kiểm viên tàu cá

Quy cách:

Dấu hình ôvan, có 03 vòng: vòng 1 có đường kính lớn 40 mm, đường kính nhỏ 26 mm, bề dày 0,2 mm; vòng 2 cách vòng 1 (về phía trong) bằng 0,5 mm, có bề dày 0,1 mm; vòng 3 cách vòng 2 (về phía trong) bằng 4 mm, có bề dày 0,1 mm.

Ở giữa là hình neo hải quân.

Giữa vòng 2 và 3 có dòng chữ "ĐĂNG KIỂM VIÊN TÀU CÁ", bằng tiếng Việt ở trên, phông chữ Times New Roman cỡ 9 và dòng chữ "VIỆT NAM FISHING VESSEL REGISTER" bằng tiếng Anh, phông chữ Times New Roman cỡ 12 ở dưới;

Số hiệu đăng kiểm viên, gồm 6 chữ số: hai số đầu là số thứ tự tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi đăng kiểm viên thường trú theo Phụ lục IX ban hành kèm theo

Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT, số tiếp theo là hạng đăng kiểm viên, ba số còn lại là số thứ tự của thẻ được cấp cho đăng kiểm viên của đơn vị.

Mẫu số 05.ĐKV

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ ĐĂNG KIỂM VIÊN TÀU CÁ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ
ĐĂNG KIỂM VIÊN TÀU CÁ

Kính gửi:……

Họ và tên:……...……; Nam/Nữ:…….

Ngày, tháng, năm sinh:…….……....…….....

Địa chỉ :……..…...……

Số CCCD/CC:…….....

Ngày cấp: ..... Nơi cấp.....

Đã tham gia tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ đăng kiểm viên tàu cá hạng……..…

từ ngày ……..tháng…..……năm……..đến ngày…....tháng…….năm……

Tại:……

Đã được cấp Giấy chứng nhận số:…....…; Ngày cấp: …….....

Đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ đăng kiểm viên tàu cá hạng... với lý do:

.....

.....

Tôi xin cam kết những lời khai trên là đúng sự thật, đề nghị …… cấp lại Giấy chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ đăng kiểm viên tàu cá./.

……, ngày…….tháng…….năm…….
NGƯỜI ĐỀ NGHỊ
(Ký, họ tên)

PHỤ LỤC III

TRANG THIẾT BỊ AN TOÀN (*) ĐỐI VỚI TÀU CÓ CHIỀU DÀI DƯỚI 12 MÉT(**)

(Ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

	Tên thiết bị	Số lượng/quy cách	Vị trí lắp đặt
I	**Trang bị cứu sinh**		
1	Phao tròn	02 chiếc	02 bên mạn tàu
2	Phao áo	(01 thuyền viên/cái) + (Dự trữ 10% hoặc 01 cái)	Giường ngủ thuyền viên và cabin
II	**Trang bị Vô tuyến điện**		
1	Máy thu phát VHF hai chiều từ 15w trở lên	01 chiếc	Cabin
2	Máy thu chuyên dụng thông tin dự báo thiên tai (SSB) hoặc ra đi ô trực canh nghe thông báo thời tiết.	01 chiếc	Cabin
III	**Trang bị hàng hải**		
1	La bàn từ lái hoặc la bàn từ chuẩn	01 chiếc	Cabin
2	Dụng cụ đo độ sâu bằng tay (dây, sào đo)	01 chiếc	-
IV	**Trang bị tín hiệu**		
1	Đèn mạn		
	+ Xanh	01 đèn	Mạn phải
	+ Đỏ	01 đèn	Mạn trái
2	Đèn cột (trắng) chiếu 04 phía	01 đèn	Mặt phẳng dọc tâm tàu
3	Đèn hiệu đánh cá: Xanh, đỏ, trắng	Khuyến khích trang bị	
4	Vật hiệu đánh cá: Hình nón đen	Khuyến khích trang bị	
V	**Trang bị cứu hoả**		
3	Chăn 1,2 mét x 2 mét	01 chiếc	
4	Xô 5 lít có dây	01 chiếc	
VI	**Trang bị chống đắm, chống thủng**		
1	Nêm gỗ	05 đến 10 chiếc	Chỗ dễ lấy
2	Giẻ lau	02 kg	Chỗ dễ lấy
3	Vải bạt	Khuyến khích trang bị	
VII	**Trang bị y tế**		
	Túi thuốc cấp cứu	Khuyến khích trang bị	

Chú thích: *(*) Trang thiết bị an toàn phải thỏa mãn yêu cầu kỹ thuật quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trang bị an toàn tàu cá - QCVN 02- 21:2015/BNNMT.*

(**) Đối với tàu có chiều dài dưới 06 mét phải trang bị thiết bị cứu sinh (phao tròn, phao áo) và đèn tín hiệu hành trình màu xanh – đỏ (có thể ghép chung về 02 phía của 01 đèn); các yêu cầu khác không bắt buộc trang bị.

PHỤ LỤC IV
QUY CHUẨN, TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT TÀU CÁ VÀ CÁC QUY CHUẨN, TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT CÓ LIÊN QUAN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

TT	TÊN GỌI	KÝ HIỆU	GHI CHÚ
I	**Quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật tàu cá**		
1	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp và đóng tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 24 mét trở lên	QCVN 91:2025/BNNMT	Có hiệu lực thi thi hành từ ngày 10/3/2026 (Áp dụng QCVN 02-35:2021/BNNPTNT, TCVN 6718:2000 đến 09/3/2026)
2	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp và đóng tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 12 mét đến dưới 24 mét	QCVN 92:2025/BNNMT	
3	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trang bị an toàn tàu cá	QCVN 02-21:2015/BNNPTN T	-
II	**Quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan**		
1	Quy phạm phân cấp và đóng tàu biển vỏ thép	QCVN 21:2025/BGTVT	Được phép áp dụng đối với tàu công vụ thủy sản
2	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thiết bị nâng trên tàu biển	QCVN 23:2016/BGTVT	
3	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trang bị an toàn tàu biển	QCVN 42:2015/BGTVT	
4	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về kiểm tra sản phẩm công nghiệp dùng cho tàu biển	QCVN 64:2015/BGTVT	Được phép áp dụng trong kiểm tra chế tạo các trang thiết bị lắp đặt trên tàu cá, tàu công vụ thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản
5	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các hệ thống ngăn ngừa ô nhiễm biển của tàu	QCVN 26:2016/BGTVT	Được phép áp dụng đối với tàu công vụ thủy sản
6	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp và đóng tàu biển cao tốc	QCVN 54:2015/BGTVT	Được phép áp dụng đối với tàu công vụ thủy sản cao tốc
7	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp và đóng phương tiện thủy nội địa	QCVN 72:2025/BGTVT	Được phép áp dụng đối với tàu công vụ thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản hoạt động trong khu vực đường thủy nội địa
8	Tiêu chuẩn phao tròn cứu sinh	TCVN 7283:2008	Được phép áp dụng trong kiểm tra chế tạo
9	Tiêu chuẩn phao áo cứu sinh	TCVN 7282:2008	

Chú thích:

Trường hợp các quy phạm, tiêu chuẩn kỹ thuật nêu trên được bổ sung, sửa đổi hoặc quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan được cấp có thẩm quyền ban hành mới sau ngày Thông tư này có hiệu lực, thì các bổ sung sửa đổi hoặc các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật mới đó sẽ được áp dụng trong hoạt động đăng kiểm tàu cá, tàu công vụ thủy sản.

PHỤ LỤC V

CÁC BIỂU MẪU VỀ BẢO ĐẢM AN TOÀN KỸ THUẬT TÀU CÁ, TÀU CÔNG VỤ THỦY SẢN, TÀU PHỤC VỤ NUÔI TRỒNG THỦY SẢN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

Mẫu số 01.BĐ. Đơn đề nghị thẩm định thiết kế tàu cá/tàu công vụ thủy sản/tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản

Mẫu số 02.BĐ. Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế

Mẫu số 03.BĐ. Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá/tàu công vụ thủy sản/tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản

Mẫu số 04a.BĐ. Mẫu biên bản kiểm tra kỹ thuật hàng năm/trên đà

Mẫu số 04b.BĐ. Mẫu biên bản kiểm tra kỹ thuật lần đầu/định kỳ/cải hoán

Mẫu số 04c.BĐ. Mẫu biên bản kiểm tra kỹ thuật trước khi cải hoán Mẫu số 04d.BĐ. Mẫu biên bản kiểm tra kỹ thuật trước khi sửa chữa Mẫu số 04đ.BĐ. Mẫu biên bản kiểm tra từng phần

Mẫu số 04e.BĐ. Mẫu biên bản thử nghiêng ngang

Mẫu số 04g.BĐ. Mẫu biên bản kiểm tra chạy thử máy chính tại bến

Mẫu số 04h.BĐ. Mẫu biên bản thử đường dài - xuất xưởng

Mẫu số 04i.BĐ. Mẫu bảng ghi kết quả đo tốc độ tàu

Mẫu số 04k.BĐ. Mẫu bảng ghi kết quả đo quán tính tàu

Mẫu số 04l.BĐ. Mẫu bảng ghi kết quả đo tính năng quay trở của tàu

Mẫu số 04m.BĐ. Mẫu biên bản kiểm tra chạy thử máy chính đường dài

Mẫu số 04n.BĐ. Mẫu biên bản kiểm tra chạy thử cụm máy phụ lai máy phát điện

Mẫu số 04o.BĐ. Mẫu bảng ghi kết quả chạy thử thiết bị neo

Mẫu số 04p.BĐ. Mẫu biên bản kiểm tra tàu cá có chiều dài lớn nhất dưới 12 mét

Mẫu số 05.BĐ. Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá/tàu công vụ thủy sản

Mẫu số 06a.BĐ. Sổ đăng kiểm tàu cá/tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản

Mẫu số 06b.BĐ. Sổ đăng kiểm tàu công vụ thủy sản

Mẫu số 07.BĐ. Mẫu biên bản kiểm tra máy thủy cũ trước khi lắp đặt lên tàu cá.

Mẫu số 01.BĐ

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ
THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ TÀU CÁ/TÀU CÔNG VỤ THỦY SẢN/TÀU PHỤC VỤ NUÔI TRỒNG THỦY SẢN

CƠ QUAN CHỦ QUẢN **ĐƠN VỊ THIẾT KẾ** -------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------
Số:	*....., ngày ..... tháng ..... năm……*

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ TÀU CÁ/TÀU CÔNG VỤ THỦY SẢN/TÀU PHỤC VỤ NUÔI TRỒNG THỦY SẢN(*)

Kính gửi: .....

Đơn vị thiết kế: .....

Địa chỉ : .....

Điện thoại : .....Fax : .....Email : .....

Chúng tôi đề nghị được thẩm định hồ sơ thiết kế tàu cá/tàu công vụ thủy sản//tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản(*) với các thông tin như sau:

- Tên/Ký hiệu thiết kế:.....Loại/năm thiết kế:.....

- Các thông số chính của tàu :

+ Chiều dài, Lmax (m):... ; Chiều rộng, Bmax (m):..; Chiều cao mạn, D (m) :……..

+ Trọng tải toàn phần (DW):……. ; Vật liệu thân tàu :…….....

+ Ký hiệu máy chính :.....; Tổng công suất máy chính (kW).....

+ Số lượng máy (chiếc) :..... ; Số lượng thuyền viên: .....…….....

+ Kiểu và công dụng của tàu:.....

+ Nghề chính(**): …….., Nghề kiêm (nếu có):……

- Tên/địa chỉ chủ sử dụng thiết kế:.....

.....

Chúng tôi đồng ý trả đầy đủ phí và lệ phí thẩm định thiết kế theo quy định hiện hành.

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ
(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú : (*) Gạch hoặc xóa bỏ chỗ không phù hợp,

(**) Áp dụng đối với tàu cá.

Mẫu số 02.BĐ

MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ

TỔ CHỨC THẨM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ……

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

GIẤY CHỨNG NHẬN THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ

Căn cứ .....(*)...và các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành của Nhà nước

Theo đề nghị thẩm định thiết kế số....ngày....tháng....năm .....của.....

CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM……..

CHỨNG NHẬN

Tên thiết kế: …….. ..... Ký hiệu thiết kế:…….....
Loại thiết kế: ..... Năm thiết kế : .....
Công dụng: ..... Vật liệu thân tàu : .....
Nghề chính(*) :…….Nghề kiêm (nếu có) : ……..
Đơn vị thiết kế :……..
Kích thước cơ bản (m): Lmax: ..... ; Bmax: ..... ; D:.....
Ltk: .....; Btk: ..... .; d: .....
Tổng dung tích (GT):.....; Trọng tải toàn phần (DW): .....; Số thuyền viên: .....
Ký hiệu máy chính: ……
Tổng công suất máy chính (kW): ..... Số lượng máy chính (chiếc):.....
Đã được thiết kế phù hợp với các yêu cầu của…….(**)...và các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành.
Cấp tàu: ..... Vùng hoạt động: .....
Chủ sử dụng thiết kế:.....……
Địa chỉ: .....
Hiệu lực của Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế này là 60 tháng kể từ ngày ký, nếu không có thay đổi thiết kế đã được thẩm định.
Những lưu ý:.....
Cán bộ thẩm định kỹ thuật:.....

Cấp tại ..... ngày .....

TỔ CHỨC THẨM ĐỊNH
(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Nơi nhận:
- Chủ thiết kế (02 bản);
- Đơn vị thẩm (01 bản);
- Lưu đơn vị thẩm định(***).

Chú thích : (*) Áp dụng đối với tàu cá.

(**) *: Ghi rõ quy phạm áp dụng.*

(***) Kèm theo 01 hồ sơ thiết kế tàu.

Mẫu số 03.BĐ

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN AN TOÀN KỸ THUẬT TÀU CÁ/TÀU CÔNG VỤ THỦY SẢN/TÀU PHỤC VỤ NUÔI TRỒNG THỦY SẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN AN TOÀN KỸ THUẬT TÀU CÁ/ TÀU CÔNG VỤ THỦY SẢN/TÀU PHỤC VỤ NUÔI TRỒNG THỦY SẢN (*)

Kính gửi: .....

Họ tên người đề nghị:.....;

Địa chỉ: .....

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân số:.....

Điện thoại……Fax……...Email……

Đề nghị cơ sở đăng kiểm kiểm tra ……(**)…….. và cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá/tàu công vụ thủy sản/tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản(*)

Kích thước cơ bản (m): Lmax: ..... ; Bmax: ..... ; D:.....

Ltk: .....; Btk: ..... .; d: .....

Tổng dung tích (GT):.....; Trọng tải toàn phần (DW): .....; Số thuyền viên: ……..

Ký hiệu máy chính: ……

Tổng công suất máy chính (kW): ..... Số lượng máy chính (chiếc):.....

Thời gian và địa điểm đề nghị kiểm tra: .....

.....

Chúng tôi đồng ý trả đầy đủ phí và lệ phí đăng kiểm theo quy định hiện hành.

CHỦ TÀU/ĐẠI DIỆN CHỦ TÀU/CHỦ CƠ SỞ ĐÓNG TÀU
(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Chú thích: (*) Gạch hoặc xóa bỏ chỗ không phù hợp.

(**) Ghi rõ: Kiểm tra đóng mới, lần đầu, định kỳ, trên đà, hàng năm hay bất thường.

Mẫu số 04a.BĐ

MẪU BIÊN BẢN KIỂM TRA KỸ THUẬT HÀNG NĂM/TRÊN ĐÀ

CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /ĐKTC…

……, ngày ….. tháng … năm 20…

BIÊN BẢN KIỂM TRA KỸ THUẬT
HÀNG NĂM/TRÊN ĐÀ(*)

Tên tàu:	Công dụng (nghề):		
Số đăng ký:	Năm, nơi đóng:		
Chủ tàu:	Địa chỉ:		
Nơi kiểm tra:			
Theo yêu cầu kiểm tra hàng năm/trên đà (*) của			
Chúng tôi gồm: 1. …… 2. …… …… 3. …… Là đăng kiểm viên của ……...			
Đã kiểm tra an toàn kỹ thuật hàng năm/trên đà (*) tàu nói trên và nhận thấy:			
A. THÂN TÀU			
Kết cấu thân tàu:			
- Phần vỏ:	Thoả mãn	Hạn chế	Cấm hoạt động
- Phần thượng tầng:	Thoả mãn	Hạn chế	Cấm hoạt động
- Phần sơn tàu (đánh dấu tàu):	Thoả mãn	Hạn chế	Cấm hoạt động
B. MÁY CHÍNH, MÁY PHỤ VÀ CÁC HỆ THỐNG Máy chính 1: Ký hiệu máy: Vòng quay định mức (*rpm)*: Công suất, (*kW)*: Số máy:			
Kết quả kiểm tra:	Thoả mãn	Hạn chế	Cấm hoạt động
Máy chính 2: Ký hiệu máy: Vòng quay định mức, *rpm*: Công suất, *kW*: Số máy:			

Kết quả kiểm tra:	Thoả mãn	Hạn chế	Cấm hoạt động

Máy chính....

Máy phụ 1:

Ký hiệu máy: Vòng quay định mức, *rpm*:

Công suất, *kW*: Số máy:

Kết quả kiểm tra:	Thoả mãn	Hạn chế	Cấm hoạt động

Máy phụ 2:

Ký hiệu máy: Vòng quay định mức(rpm):

Công suất, (kW): Số máy:

Kết quả kiểm tra:	Thoả mãn	Hạn chế	Cấm hoạt động

Máy phụ.....

C. HỆ TRỤC CHÂN VỊT

Kết quả kiểm tra:	Thoả mãn	Hạn chế	Cấm hoạt động

D. CÁC TRANG THIẾT BỊ	Thoả mãn	Hạn chế	Cấm hoạt động
- Cứu sinh:			
- Tín hiệu:			
- VTĐ:			
- Hàng hải:			
- Neo:			
- Lái:			
- Trang thiết bị chữa cháy:			
- Chống thủng, chống chìm:			
- Khai thác:			
- Điện:			
- Lạnh:			
- Trang thiết bị ngăn ngừa ô nhiễm biển:			
- Các trang thiết bị khác:			

TÓM TẮT VỀ KẾT QUẢ KIỂM TRA

	Thoả mãn	Hạn chế	Cấm hoạt động
1. Thân tàu :			
2. Máy chính, máy phụ:			

<table>
<tr><td colspan="2">3. Các trang thiết bị:</td><td></td><td></td><td></td></tr>
<tr><td colspan="5">YÊU CẦU CỤ THỂ</td></tr>
<tr><td colspan="5">KẾT LUẬN</td></tr>
<tr><td colspan="5">Căn cứ vào kết quả kiểm tra, kết luận như sau:</td></tr>
<tr><td colspan="2" rowspan="2">- Trạng thái kỹ thuật:</td><td>Thoả mãn</td><td>Hạn chế</td><td>Cấm hoạt động</td></tr>
<tr><td></td><td></td><td></td></tr>
<tr><td colspan="5">- Vùng hoạt động:</td></tr>
<tr><td colspan="2">- Thời hạn đến hết ngày …/…/20..</td><td colspan="3">Với điều kiện phải thực hiện các yêu cầu ứng với:</td></tr>
<tr><td colspan="5">Mạn khô,(m): ……; Trọng tải toàn phần, (DW): .....; Số thuyền viên, (người):……..</td></tr>
<tr><td colspan="5">- Họ tên, chữ ký những người có mặt khi kiểm tra:</td></tr>
<tr><td colspan="5">Kết quả kiểm tra được ghi vào trang …Sổ Đăng kiểm tàu cá/tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản.</td></tr>
<tr><td colspan="5">Biên bản này được lập 02 bản: Chủ tàu 01 bản, Cơ sở đăng kiểm tàu cá 01 bản</td></tr>
</table>

ĐẠI DIỆN CHỦ TÀU **ĐĂNG KIỂM VIÊN**

(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Chú thích: (*) Gạch bỏ chỗ không phù hợp.

Mẫu số 04b.BĐ

MẪU BIÊN BẢN KIỂM TRA KỸ THUẬT LẦN ĐẦU/ĐỊNH KỲ/CẢI HOÁN

CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /ĐKTC

....., ngày……tháng…….. năm 20...

BIÊN BẢN KIỂM TRA KỸ THUẬT
Lần đầu/Định kỳ/Cải hoán(*)

Tên tàu:	Công dụng (nghề):		
Số đăng ký:	Năm, nơi đóng:		
Chủ tàu:			
Địa chỉ:			
Nơi kiểm tra:			
Kích thước Lmax (m) : Bmax (m): D (m): LTK (m) : BTK (m): d (m) :			
Theo yêu cầu kiểm tra đóng mới (lần đầu)/định kỳ/cải hoán(*) của:			
Chúng tôi gồm: 1. ……..... 2. …… …..... 3. ……..... Là đăng kiểm viên của cơ sở đăng kiểm.....			
Đã kiểm tra an toàn kỹ thuật đóng mới (lần đầu)/định kỳ/cải hoán(*) tàu nói trên và nhận thấy:			
A. THÂN TÀU			
Kết cấu thân tàu:			
- Phần vỏ:	Thoả mãn	Hạn chế	Cấm hoạt động
- Phần thượng tầng:	Thoả mãn	Hạn chế	Cấm hoạt động
- Phần sơn tàu (đánh dấu tàu):	Thoả mãn	Hạn chế	Cấm hoạt động
Các tính năng kỹ thuật - Tốc độ tự do (hl/h): - Đường kính vòng quay trở: Quay phải (m):……..... Thời gian (s):…….....			

Quay trái (m):…… Thời gian (s):…….....

- Quán tính: Tiến, khoảng cách (m):……..... Thời gian (s):…….....

Lùi, khoảng cách (m):……..... Thời gian (s):…….....

B. MÁY CHÍNH, MÁY PHỤ VÀ CÁC HỆ THỐNG

Máy chính 1:

Ký hiệu máy: Số máy: Công suất (Ne, kW):

Vòng quay định mức ne (rpm): Năm: Nơi chế tạo:

Kết quả kiểm tra	Thoả mãn	Hạn chế	Cấm hoạt động

Máy chính 2:

Ký hiệu máy: Số máy: Công suất (Ne, kW):

Vòng quay định mức ne (rpm): Năm: Nơi chế tạo:

Kết quả kiểm tra	Thoả mãn	Hạn chế	Cấm hoạt động

Máy chính.....

Máy phụ 1:

Ký hiệu máy: Công suất, kW: Số máy:

Vòng quay định mức, rpm: Năm: Nơi chế tạo:

Kết quả kiểm tra:	Thoả mãn	Hạn chế	Cấm hoạt động

Máy phụ 2:

Ký hiệu máy: Công suất, kW: Số máy:

Vòng quay định mức, rpm: Năm: Nơi chế tạo:

Kết quả kiểm tra:	Thoả mãn	Hạn chế	Cấm hoạt động

Máy phụ.....

C. HỆ TRỤC CHÂN VỊT

Kết quả kiểm tra:	Thoả mãn	Hạn chế	Cấm hoạt động

D. CÁC TRANG THIẾT BỊ	Thoả mãn	Hạn chế	Cấm hoạt động
- Cứu sinh:			
- Tín hiệu:			

- VTĐ:			
- Hàng hải:			
- Neo**:**			
- Lái**:**			
- Trang thiết bị chữa cháy:			
- Hút khô, chống thủng:			
- Khai thác:			
- Điện:			
- Lạnh:			
- Trang thiết bị ngăn ngừa ô nhiễm biển:			
Các trang thiết bị khác:			
TÓM TẮT VỀ KẾT QUẢ KIỂM TRA			
	Thoả mãn	Hạn chế	Cấm hoạt động
1. Thân tàu :			
2. Máy chính, máy phụ :			
3. Các trang thiết bị:			
YÊU CẦU CỤ THỂ			
KẾT LUẬN			
Căn cứ vào kết quả kiểm tra, kết luận như sau:			
- Trạng thái kỹ thuật	Thoả mãn	Hạn chế	Cấm hoạt động
Vùng hoạt động:			
- Thời hạn đến hết ngày ….tháng … năm 20...với điều kiện phải thực hiện các yêu cầu ứng với:			
Mạn khô, *m:……..;* Trọng tải toàn phần,(DW): .....; Số thuyền viên, *người***:** ……..			
- Họ tên, chữ ký những người có mặt khi kiểm tra:			
Kết quả kiểm tra được ghi vào trang ..... Sổ Đăng kiểm tàu cá/tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản Biên bản này được lập 02 bản: Chủ tàu 01 bản, đăng kiểm tàu cá 01 bản.			

CHỦ TÀU/ĐẠI DIỆN CHỦ TÀU **ĐĂNG KIỂM VIÊN**

(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Chú thích: (*) Gạch bỏ chỗ không phù hợp.

Mẫu số 04c.BĐ

MẪU BIÊN BẢN KIỂM TRA KỸ THUẬT TRƯỚC KHI CẢI HOÁN

CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /ĐKTC

……, ngày ….. tháng …. năm 20…

BIÊN BẢN KIỂM TRA KỸ THUẬT
TRƯỚC KHI CẢI HOÁN

Tên tàu:		Công dụng (nghề):	
Số đăng ký:		Năm, nơi đóng:	
Chủ tàu:		Nơi kiểm tra:	
Địa chỉ:			
Thân tàu	Lmax (m):..... ;	Bmax (m):..... ;	D (m):.....
	LTK (m):..... ;	BTK (m):..... ;	d (m):.....
	Tổng dung tích (GT):	Trọng tải toàn phần (DW):	Vật liệu vỏ:
Máy chính	Ký hiệu:	Công suất định mức (kW):	Nơi chế tạo:
	Số máy:	Vòng quay định mức (v/p):	Năm chế tạo:
	…	…	…
Theo yêu cầu kiểm tra: .....(*)....., ngày .... tháng…..năm 20.... của.....			
Chúng tôi gồm: ……..... Đăng kiểm viên của: …….....			
Đã kiểm tra tàu nói trên và đánh giá như sau:			

I. CÁC NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẢI HOÁN

A. THÂN TÀU

……

……

……

B. MÁY CHÍNH, MÁY PHỤ VÀ CÁC HỆ THỐNG, HỆ TRỤC CHÂN VỊT

……

……

……

C. CÁC TRANG THIẾT BỊ

……

II. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ VỀ NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẢI HOÁN

…… …… ……
YÊU CẦU CỤ THỂ …… ……
KẾT LUẬN …… ……
- Họ tên, chữ ký những người có mặt khi kiểm tra:
Biên bản này được lập 03 bản: chủ cơ sở đóng mới/cải hoán 01 bản, chủ tàu 01 bản, Cơ sở Đăng kiểm tàu cá 01 bản

CHỦ TÀU/ĐẠI DIỆN CHỦ TÀU *(Chữ ký/ký số-nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu-nếu có)*	**ĐẠI DIỆN CƠ SỞ ĐÓNG MỚI/CẢI HOÁN** *(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*	**ĐĂNG KIỂM VIÊN**

<u>Ghi chú</u> : (*) Ghi rõ nội dung đề nghị cải hoán (vỏ, máy, nghề).

Mẫu số 04d.BĐ

MẪU BIÊN BẢN KIỂM TRA KỸ THUẬT TRƯỚC KHI SỬA CHỮA

CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /ĐKTC

……, ngày ….. tháng …. năm 20…

BIÊN BẢN KIỂM TRA KỸ THUẬT
TRƯỚC KHI SỬA CHỮA

Tên tàu:		Công dụng (nghề):	
Số đăng ký:		Năm, nơi đóng:	
Chủ tàu:		Nơi kiểm tra:	
Thân tàu	Lmax (m):..... ;	Bmax (m):..... ;	D (m):.....
	LTK (m):..... ;	BTK (m):..... ;	d (m):.....
	Tổng dung tích (GT):	Trọng tải toàn phần (DW):	Vật liệu vỏ:
Máy chính	Ký hiệu:	Công suất định mức (kW):	Nơi chế tạo:
	Số máy:	Vòng quay định mức (v/p):	Năm chế tạo:
	…	…	…
Theo yêu cầu kiểm tra: .....(*)....., ngày .... tháng…..năm 20.... của.....			
Chúng tôi gồm: ……..... Đăng kiểm viên của: …….....			
Đã kiểm tra tàu nói trên và nhận thấy:			
A. THÂN TÀU			
Vỏ tàu: ……..... …… …… Khung xương: …… …… …… Phần thượng tầng: ……..…. Phần sơn và kẻ đường nước, thước nước: …….			
B. MÁY CHÍNH, MÁY PHỤ VÀ CÁC HỆ THỐNG			
Máy chính:			

…….. …… …..…….. Máy phụ: …….. …… …….. Hệ thống phục vụ: …….
C. HỆ TRỤC CHÂN VỊT
Chân vịt:…… Trục chân vịt:…… Các chi tiết hệ trục: ……..
D. CÁC TRANG THIẾT BỊ
Cứu sinh:
Tín hiệu:
Vô tuyến điện:
Hàng hải:
Neo:
Lái (bánh lái, hệ trục, máy lái):
Trang thiết bị chữa cháy: Hút khô, chống thủng:
Khai thác:
Điện:
Lạnh:
Trang thiết bị ngăn ngừa ô nhiễm biển:
Các trang thiết bị khác:
NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ CỦA ĐĂNG KIỂM VIÊN …… …… ……
YÊU CẦU CỤ THỂ …… ……
KẾT LUẬN ……

……
- Họ tên, chữ ký những người có mặt khi kiểm tra:
Biên bản này được lập 03 bản: Chủ tàu 01 bản, chủ cơ sở sửa chữa 01 bản, đăng kiểm tàu cá 01 bản

CHỦ TÀU/ĐẠI DIỆN CHỦ TÀU *(Chữ ký/ký số-nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu-nếu có)*	**ĐẠI DIỆN CƠ SỞ ĐÓNG TÀU** *(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*	**ĐĂNG KIỂM VIÊN**

Ghi chú : (*) Ghi rõ nội dung sửa chữa (trên đà/định kỳ/bất thường).

Mẫu số 04đ.BĐ

MẪU BIÊN BẢN KIỂM TRA TỪNG PHẦN

CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /ĐKTC

……., ngày……. .tháng…… năm 20…

BIÊN BẢN
KIỂM TRA TỪNG PHẦN

Tên sản phẩm:…….....…..……

Nơi đóng mới/cải hoán/sửa chữa.....……..…..……

Theo yêu cầu:…….....……. ; Ngày …… tháng …… năm…....…

Của:…….....……;

Chúng tôi gồm:…….....……..……

Đăng kiểm viên của:……..…….....…….……..…….

Căn cứ vào hồ sơ thiết kế..……..và các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành.

Kiểm tra từng phần: …….....……

NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ KIỂM TRA(*)

……....……...

……....……...

YÊU CẦU CỤ THỂ

……....……...

……....……...

KẾT LUẬN

……....……...

……....……...

Họ tên, chữ ký của những người có mặt khi kiểm tra:

……

…….....…….....

Biên bản này được lập 03 bản ; chủ cơ sở đóng mới/cải hoán 01 bản, chủ tàu 01 bản, Đăng kiểm tàu cá 01 bản.

CHỦ TÀU/ĐẠI DIỆN CHỦ TÀU *(Chữ ký/ký số-nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu-nếu có)*	**ĐẠI DIỆN CƠ SỞ ĐÓNG MỚI/CẢI HOÁN** *(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*	**ĐĂNG KIỂM VIÊN (**)**

Ghi chú:

(*) Không giới hạn độ dài trang, cách ghi và cách biểu diễn bằng các bảng, hình vẽ kỹ thuật đối với nội dung và kết quả kiểm tra.

(**) ĐKV theo chuyên môn.

Mẫu số 04e.BĐ

MẪU BIÊN BẢN THỬ NGHIÊNG NGANG

CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
-------	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /ĐKTC	*....., ngày.....tháng.....năm 20...*

BIÊN BẢN THỬ NGHIÊNG NGANG

Tên sản phẩm:.....

Ký hiệu thiết kế:.....……...

Đơn vị thi công:.....……....

Phương pháp thử □ Ống thủy bình / □ Quả dọi

I. KÍCH THƯỚC CHÍNH CỦA TÀU

- Chiều dài lớn nhất Lmax = ……. m
- Chiều dài hai trụ Lpp = ……. m
- Chiều rộng lớn nhất Bmax = ……. m
- Chiều rộng thiết kế Btk = ……. m
- Chiều cao mạn D = ……. .m
- Chiều chìm thiết kế d = …….. m
- Lượng chiếm nước Δ = ……. Tấn

II. THÀNH PHẦN THAM GIA THỬ

1. Đại diện đăng kiểm :

- ……. - ……
- ……. - ……
- ……. - ……

2. Đại diện thiết kế :

- ……. - ……
- ……. - ……

3. Đại diện nhà máy :

- ……. - ……
- ……. - ……

4. Chủ tàu :

- ……. - ……

III. THỜI GIAN THỬ

Từ…….giờ ……. đến…….giờ……., Ngày……. tháng …….năm……

IV. ĐỊA ĐIỂM THỬ

Tại :…….....Độ sâu nơi thử : ……

V. THỜI TIẾT

+ Tạnh ráo, nhiệt độ …….0C

+ Tỷ trọng nước: ……..tấn/m3

+ Tốc độ gió: trước, trong và sau khi thử: …… m/s

+ Tốc độ dòng chảy: ……..m/s

VI. ĐỘ NGHIÊNG BAN ĐẦU

VII. MỚN NƯỚC CỦA TÀU TRƯỚC VÀ SAU KHI THỬ

Mớn nước (đo tại thước nước)	Mạn trái (m)		Mạn phải (m)	
	Mũi tàu	Lái tàu	Mũi tàu	Lái tàu
- Trước khi thử				
- Sau khi thử				

VIII. GỐC TỌA ĐỘ

- Gốc tọa độ của tàu tại : ……

IX. KHỐI LƯỢNG VẬT DẰN

- Là **04** vị trí vật dằn: tổng khối lượng là……kg, chia thành **04** nhóm và được đặt trên……..ở các vị trí sau:

Số nhóm vật dằn	**Vị trí các nhóm vật dằn**	**Trọng lượng, P (Kg)**	**Tay đòn dịch chuyển, Xi (m)**	**Chiều cao trọng tâm tính từ ĐCB, Zi (m)**
I				
II				
III				
IV				

- Sai số khi cân mỗi nhóm: ΔP =……..Kg

X. THỨ TỰ DI CHUYỂN CÁC NHÓM VẬT DẰN GÂY NGHIÊNG

Thứ tự di chuyển	**Số nhóm vật dằn**		**Khoảng cách di chuyển vật dằn (Li)**
	Mạn trái	**Mạn phải**	
0			
1			
2			
3			
.....			

- Sai số của khoảng cách di chuyển□Li =…….. mm

XI. TRỌNG LƯỢNG THỪA

TT	**Tên gọi trọng lượng**	**Vị trí**	**Trọng lượng,** P (Tấn)	**Tọa độ (m)**		
				Xg	**Yg**	**Zg**

1	Nhóm vật dằn I					
2	Nhóm vật dằn II					
3	Nhóm vật dằn III					
4	Nhóm vật dằn IV					
5	Người vận chuyển vật dằn					
6	Nhóm đọc, ghi dọi (ống thủy bình) 1					
7	Nhóm đọc, ghi dọi (ống thủy bình) 2					
8	Thùng nước 1					
9	Thùng nước 2					
10	Chỉ huy thử					
11	Giám sát					
12	Dầu máy					
13	…					

XII. TRỌNG LƯỢNG THIẾU

TT	Tên gọi trọng lượng	Vị trí	Trọng lượng, P (Tấn)	Tọa độ (m)		
				Xg	Yg	Zg
1						
2						
....						

XIV BẢNG GHI ĐỘ LỆCH CỦA ỐNG THUỶ BÌNH

a. Ống thủy bình mũi: Vị trí đặt ống thủy bình : ……

Khoảng cách giữa 2 đầu ống : ……(m)

Mạn phải :

Lần dịch chuyển	Số lần dao động									
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
0										
1										
2										
....										

Người đọc **Người ghi** **Đăng kiểm**

Mạn trái :

Lần dịch chuyển	Số lần dao động									
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
0										
1										

2										
...										

Người đọc Người ghi Đăng kiểm

b. Ống thủy bình lái :

Vị trí đặt ống thủy bình : ……Khoảng cách giữa 2 đầu ống : ……(m)

Mạn phải :

Lần dịch chuyển	**Số lần dao động**									
	1	**2**	**3**	**4**	**5**	**6**	**7**	**8**	**9**	**10**
0										
1										
2										
...										

Người đọc Người ghi Đăng kiểm

Mạn trái:

Lần dịch chuyển	**Số lần dao động**									
	1	**2**	**3**	**4**	**5**	**6**	**7**	**8**	**9**	**10**
0										
1										
2										
...										

Người đọc Người ghi Đăng kiểm

XV. BẢNG GHI ĐỘ LỆCH CỦA QUẢ DỌI

a. Quả dọi mũi: Vị trí đặt quả dọi : ……Chiều dài dây dọi : ……(m)

Lần dịch chuyển	**Số lần dao động**									
	I		**II**		**III**		**IV**		**V**	
	Trái	**Phải**	**Trái**	**Phải**	**Trái**	**Phải**	**Trái**	**Phải**	**Trái**	**Phải**
1										
2										
...										

Người đọc Người ghi Đăng kiểm

b. Quả dọi lái: Vị trí đặt quả dọi : …… Chiều dài dây dọi : ……(m)

Lần dịch chuyển	**Số lần dao động**									
	I		**II**		**III**		**IV**		**V**	
	Trái	**Phải**	**Trái**	**Phải**	**Trái**	**Phải**	**Trái**	**Phải**	**Trái**	**Phải**

0										
1										
2										
...										

Người đọc **Người ghi** **Đăng kiểm**

c. Quả dọi giữa: Vị trí đặt quả dọi : ……chiều dài dây dọi : ……(m)

Lần dịch chuyển	**Số lần dao động**									
	I		**II**		**III**		**IV**		**V**	
	Trái	**Phải**	**Trái**	**Phải**	**Trái**	**Phải**	**Trái**	**Phải**	**Trái**	**Phải**
1										
2										
....										

Người đọc **Người ghi** **Đăng kiểm**

CHỦ TÀU/ĐẠI DIỆN CHỦ TÀU *(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*	**CƠ SỞ ĐÓNG TÀU** *(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*	**THIẾT KẾ** *(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*	**ĐĂNG KIỂM VIÊN**

Mẫu số 04g.BĐ

MẪU BIÊN BẢN KIỂM TRA CHẠY THỬ MÁY CHÍNH TẠI BẾN

CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /ĐKTC

……., ngày…… .tháng…… năm 20…

BIÊN BẢN KIỂM TRA
CHẠY THỬ MÁY CHÍNH TẠI BẾN(*)

Tên tàu: ……; Ký hiệu thiết kế: ……
Ký hiệu máy: ……; Số máy :.....
Công suất Ne, kW: …….; Vòng quay định mức ne, *rpm*: ….....

Nơi sản xuất : ……; Năm sản xuất : …

Số TT	Chế độ thử		Vòng quay máy (*rpm*)	Thời gian (min)	áp lực dầu bôi trơn kg/cm2	Nhiệt độ dầu bôi trơn, 0c	Nhiệt độ nước làm mát, 0c		Nhiệ t độ khí xả, 0c	áp lực dầu hộp số kg/cm2	Nhiệt độ dầu hộp số, 0c
	% Công suất Ne	ứng với % ne					Vòng trong	Vòng ngoài			
1	Chạy không tải			15							
Chạy tiến											
2	39	50		15							
3	63	63		15							
4	83	73		15							
5	100	82		2÷4h							
Chạy lùi											
6	85	75		15							
7	Chạy ở vòng quay ổn định nhỏ nhất		Theo thực tế	15							

Ý KIẾN NHẬN XÉT

……

……

……

CHỦ TÀU/ĐẠI DIỆN CHỦ TÀU *(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*	**CƠ SỞ ĐÓNG TÀU** *(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*	**ĐẠI DIỆN HÃNG MÁY/CƠ SỞ CUNG CẤP/SỬA CHỮA** *(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*	**ĐĂNG KIỂM VIÊN**

Ghi chú: (*) Không áp dụng đối với tàu cá vỏ gỗ. Đăng kiểm xem xét áp dụng quy trình thử của hãng máy trong trường hợp hãng máy đã công bố quy trình thử.

Mẫu số 04h.BĐ

CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .....

……, ngày……. .tháng…… năm 20…

BIÊN BẢN THỬ TÀU
(Thử đường dài – xuất xưởng)

Tên tàu:……..…….; Ký hiệu thiết kế:…....……

Chủ tàu:…….……....……

Nơi thường trú:…….……...…….....……

Nơi đóng:……...; Năm đóng:…….....……

Cơ sở đăng kiểm:…….…….....

Tàu đã hoàn thành các bước kiểm tra kỹ thuật và thử tại bến, nay đủ điều kiện thử đường dài.

Khu vực tiến hành cuộc thử : …….....……

Trong điều kiện thời tiết: ……..…….., Độ sâu, *mét*: .....

Hướng dòng chảy: ……, Cấp gió, *Bôfo*: …….....……

A. THÀNH PHẦN THỬ TÀU GỒM:

1. Đại diện Cơ sở đăng kiểm tàu cá....…….....……

2. Đại diện chủ tàu:..…….....……

3. Đại diện cơ sở đóng, sửa tàu:.…….....……

*** Điều khiển tàu :** Ông…….....…….....bằng T. trưởng số:…….……

Ngày cấp bằng:……...; Nơi cấp:…….....……

*** Phụ trách máy:** Ông…….....…… bằng M. trưởng số:……...……

Ngày cấp bằng:…….....…...; Nơi cấp:……

Cùng thuỷ thủ đoàn theo đúng quy định thử tàu.

Tàu chạy thử trong điều kiện đủ phao cứu sinh, dụng cụ chống cháy, chống thủng và các yêu cầu khác, đảm bảo hoạt động, sinh hoạt trong thời gian thử tàu.

B. KẾT QUẢ THỬ TÀU

1. Thân tàu: Đã thử các tính năng (có bảng kết quả kèm theo) và nhận thấy:

……..

2. Máy chính và các hệ thống phục vụ máy chính hoạt động :

Nhãn hiệu máy:…….;Công suất, *kW*:……; Vòng quay định mức, *rpm*:…...

Kiểu hộp số:……..……; i = …...……

3. Máy phụ:

Nhãn hiệu máy:……;Công suất, *kW*:……..…; Vòng quay định mức, *rpm*:…...

Kết quả kiểm tra mục 2 và 3 (có bảng kết quả kèm theo):

……..……

4. Hệ trục chân vịt :

Số lượng:……; Vật liệu trục:…….; đường kính trục (mm) :……..

Chân vịt: D = …….., mm; Z = ……. ; H/D = …...., ncv =……*rpm*, ϴ = ……

Chiều quay (nhìn từ lái):…… ……..…;

Kết quả kiểm tra :……

5. Hệ thống lái, neo:

Kiểu lái:…….; Truyền dẫn lái:……..…; lái dự phòng :……....

Tời neo, kiểu:.....…….; Số lượng neo:……chiếc

Trọng lượng (kg/chiếc):…… ; dây neo, dài:……m

Đường kính dây neo, f =……..…… mm

Kết quả kiểm tra mục 4 và 5 (có bảng kết quả kèm theo):

……..……

6. Trang bị cứu sinh:

* Phao bè, kiểu, *cái*:…….……; Dụng cụ nổi, cái: .....

Phao tròn, cái:…….....…; Phao áo, cái:…….....

* Xuồng cấp cứu, kiểu, *cái*:..... Kết quả kiểm tra:

……..……

7. Trang bị tín hiệu:

* Đèn tín hiệu: Đèn hành trình *(mạn, cột, lái)*…….…….....

* Đèn đánh cá: Xanh: …….....…; Trắng:….....; Đỏ: .....;

Đèn nháy (màu vàng):……Đèn pha: .....

* Đèn neo (trắng):…….; Đèn "mất khả năng điều động" (màu đỏ), cái:.....

* Âm hiệu : Còi, kiểu, *cái*:….; Chuông, kiểu, *cái*:……..; Pháo hiệu, cái:……

* Vật hiệu: Hình cầu, *cái*:…….…; Hình nón, *cái*:…...…;Hình thoi, *cái*:.....

Kết quả kiểm tra:

……..……

8. Trang bị hàng hải:

* La bàn lái, kiểu, *cái*:…….....……; ống nhòm, *cái*:……..…

* Ra đa hàng hải, kiểu:……..…….....; số máy:……....….....

* Định vị vệ tinh, kiểu:……..….....…; số máy:…….....

* Dò cá, đo sâu, kiểu:……..….....…; số máy:…….….....

* Đèn tín hiệu ban ngày: …….

Kết quả kiểm tra:

……..……

9. Thiết bị VTĐ:

* Máy thu, phát VTĐ, kiểu:…… ;Công suất, *W*:….; số máy:…….

* Máy đàm thoại sóng ngắn 02 chiều, kiểu:…… ;Công suất, *W*:……

* Các máy VTĐ khác:……..…….…….....

Kết quả kiểm tra: .....

10. Máy khai thác:

* Loại máy:……....…….……; Sức kéo định mức, *kg:*……...

Năm, nơi chế tạo:……..….....

* Hệ thống động lực dẫn động:……..…….…….; Công suất (kW):…..

* Dụng cụ đánh bắt khác:……..…….……..…….……

* Hệ thống tăng gông:……..…….……..…….……

* Hệ thống ánh sáng (tổng công suất, kW):……

Loại đèn, số lượng (cái): :……..…….……..…….……

11. Hệ cẩu:

* Cần cẩu, kiểu:…….; Tầm với, m:……..…… Sức nâng, *kg:*……

* Pa lăng (cái): .....; Tải trọng (kW):……; Ròng rọc (cái):.....

Kết quả kiểm tra mục 10, 11:

……

12. Thiết bị điện:

* Máy phát điện, kiểu:…….…….....; Vòng quay ne(*rpm*):……..

Công suất, kW:…….....….; Điện áp (V):.....……

* Động cơ điện, kiểu:…….…….....; Vòng quay ne(*rpm*):……..

Công suất, kW:…….....…….....; Điện áp (V):…….……

* Ắc quy, kiểu:…….…….....; Dung lượng (A/h):……..

Công suất, kW:…….....…….; Điện áp (V):…….....

Số lượng bình: …….....

Kết quả kiểm tra:

……

13. Hệ thống đường ống:

Kết quả kiểm tra:

……

……

14. Trang thiết bị chữa cháy:

* Bơm chữa cháy, kiểu bơm:…….……; Sản lượng:……..... .....

Các thiết bị khác: .....

Kết quả kiểm tra:

……

……

15. Trang thiết bị ngăn ngừa ô nhiễm biển:

Kết quả kiểm tra:

……

……

16. Thiết bị lạnh:

* Thiết bị lạnh, kiểu máy:…….……; Công suất:…….....

Kết quả kiểm tra:

……

……

17. Tính năng kỹ thuật của tàu: (có bảng kết quả kèm theo)

* Tốc độ tự do trung bình (hl/h):

* Đường kính vòng quay trở: Trái (m) :…….; Thời gian (s):……

Phải (m) :…….; Thời gian (s):……

* Quán tính: Tiến, khoảng cách (m) :…….....; Thời gian (s):……

Lùi, khoảng cách(m) :…….....; Thời gian, (s):……

C. KẾT LUẬN

……

……

Chúng tôi nhất trí đánh giá :…….

Biên bản này được đọc cho mọi người cùng nghe.

Biên bản được lập thành 04 bản: Đăng kiểm 01 bản, chủ tàu 01 bản, cở sở đóng tàu 02 bản

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ	**CHỦ TÀU/ĐẠI DIỆN CHỦ TÀU**	**ĐẠI DIỆN CƠ SỞ ĐÓNG MỚI, CẢI HOÁN TÀU**
(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)	*(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*	*(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

Mẫu số 04i.BĐ

MẪU BẢNG GHI KẾT QUẢ ĐO TỐC ĐỘ TÀU

CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /ĐKTC

……., ngày……. .tháng…… năm…

BẢNG GHI KẾT QUẢ ĐO TỐC ĐỘ TÀU

Tên tàu: ……; Ký hiệu thiết kế: ……

Kích thước chính (Lmax x Bmax x D): …….

Chiều chìm d, m: ……; mạn khô f, m: ……...

TTT	Vòng quay máy chính, ne (rpm)	Công suất máy chính, Ne (kW)	Tốc độ tàu (hl/h)	Tốc độ gió (m/s)	Hướng gió	Trạng thái mặt nước (cấp sóng)	Ghi chú
1							
2							
3							

Ý KIẾN NHẬN XÉT

……

……

……

……

……

CHỦ TÀU/ĐẠI DIỆN CHỦ TÀU *(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*	**CƠ SỞ ĐÓNG TÀU** *(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*	**ĐĂNG KIỂM VIÊN**

Mẫu số 04k.BĐ

MẪU BẢNG GHI KẾT QUẢ ĐO QUÁN TÍNH TÀU

CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /ĐKTC

……, ngày……. .tháng…… năm…

BẢNG GHI KẾT QUẢ ĐO QUÁN TÍNH TÀU

Tên tàu: ……..……; Ký hiệu thiết kế: ……

Kích thước chính (Lmax x Bmax x D): …….

Chiều chìm d, m: ……; mạn khô f, m: ……...

TTT	Chế độ	Quãng đường tàu trượt theo quán tính (m, hoặc Lmax)	Thời gian trượt theo quán tính (s)	Ghi chú
11	Tàu chạy tiến toàn tốc, ngừng máy (stop) → khi tàu dừng (100% công suất)			
2	Tàu chạy tiến toàn tốc, ngừng máy (stop), lùi nhanh → khi tàu dừng (100% công suất)			
3	Tàu chạy lùi toàn tốc, ngừng máy(stop) → khi tàu dừng (100% công suất)			

Ý KIẾN NHẬN XÉT

……

……

……

……

……

……

CHỦ TÀU/ĐẠI DIỆN CHỦ TÀU	**CƠ SỞ ĐÓNG TÀU**	**ĐĂNG KIỂM VIÊN**
(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)	*(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*	

Mẫu số 04l.BĐ

MẪU BẢNG GHI KẾT QUẢ ĐO TÍNH NĂNG QUAY TRỞ CỦA TÀU

CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /ĐKTC

……., ngày…… .tháng…… năm …

BẢNG GHI KẾT QUẢ ĐO
TÍNH NĂNG QUAY TRỞ CỦA TÀU

Tên tàu: ……..……; Ký hiệu thiết kế: ……

Kích thước chính (Lmax x Bmax x D): …….

Chiều chìm d, m: ……; mạn khô f, m: ……...

TTT	Hướng quay	Vòng quay máy chính (*rpm*)	Công suất máy chính, kW	Cấp gió và hướng gió (bofo)	Đường kính vòng lượn (m)	Thời gian lượn vòng (s)	Góc nghiêng ngang khi lượn (độ)	Ghi chú
1	Phải							
2	Trái							

Ý KIẾN NHẬN XÉT

……

……

……

……

……

CHỦ TÀU/ĐẠI DIỆN CHỦ TÀU
(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

CƠ SỞ ĐÓNG TÀU
(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐĂNG KIỂM VIÊN

Mẫu số 04m.BĐ

MẪU BIÊN BẢN KIỂM TRA CHẠY THỬ MÁY CHÍNH ĐƯỜNG DÀI

CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /ĐKTC

……., ngày…… .tháng…… năm …

BIÊN BẢN KIỂM TRA
CHẠY THỬ MÁY CHÍNH ĐƯỜNG DÀI(*)

Tên tàu : ……..…… ; Ký hiệu thiết kế :

Ký hiệu máy : ……..…….. ; Số máy :…..

Công suất Ne, kW : ……. ; Vòng quay định mức ne, *rpm*: …..

Nơi sản xuất : ……. ; Năm sản xuất : ….

Số TT	Chế độ thử		Vòng quay máy (*rpm*)	Thời gian (min)	áp lực dầu bôi trơn kg/cm2	Nhiệt độ dầu bôi trơn, 0c	Nhiệt độ nước làm mát, 0c		Nhiệt độ khí xả, 0c	áp lực dầu hộp số kg/cm2	Nhiệt độ dầu hộp số, 0c
	% Công suất Ne	ứng với % ne					Vòng trong	Vòng ngoài			
1	Chạy không tải			15							
Chạy tiến											
2	25	63		15							
3	50	80		15							
4	75	91		15							
5	100	100		4÷6h							
6	110	103		15							
Chạy lùi											
7	100	100		15							
8	Chạy ở vòng quay ổn định nhỏ nhất		Theo thực tế	15							

Ý KIẾN NHẬN XÉT

……

……

……

CHỦ TÀU/ĐẠI DIỆN CHỦ TÀU	CƠ SỞ ĐÓNG TÀU	ĐẠI DIỆN HÃNG/CƠ SỞ CUNG CẤP/SỬA CHỮA MÁY	ĐĂNG KIỂM VIÊN
(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)	*(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*	*(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*	

Ghi chú: (*) Đăng kiểm xem xét áp dụng quy trình thử của hãng máy trong trường hợp hãng máy đã công bố quy trình thử.

Mẫu số 04n.BĐ

MẪU BIÊN BẢN KIỂM TRA CHẠY THỬ MÁY PHỤ LAI MÁY PHÁT ĐIỆN

CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /ĐKTC

……., ngày……. .tháng…… năm 20..

BIÊN BẢN KIỂM TRA
CHẠY THỬ CỤM MÁY PHỤ LAI MÁY PHÁT ĐIỆN(*)

Tên tàu: ……; Ký hiệu thiết kế: ……

Ký hiệu máy: …….....….; Số máy :.....

Công suất Ne, kW: …….; Vòng quay định mức ne, *rpm*: …..

Nơi sản xuất : ……. ; Năm sản xuất : ….

TT	Chế độ thử		Vòng quay máy (*rpm*)	Thời gian (min)	áp lực dầu bôi trơn kg/cm2	Nhiệt độ dầu bôi trơn 0C	Nhiệt độ nước làm mát, 0C	Công suất máy phát (kW)	Dòng điện (A)	Điện áp (V)	Tần số (Hz)
	% Công suất Ne	ứng với % ne									
1	Chạy không tải			15							
Chạy có tải											
2	50	80		15							
3	75	91		30							
4	100	100		60							

Ý KIẾN NHẬN XÉT

……

……

……

CHỦ TÀU/ĐẠI DIỆN CHỦ TÀU	**CƠ SỞ ĐÓNG TÀU**	**ĐẠI DIỆN HÃNG/CƠ SỞ CUNG CẤP/SỬA CHỮA MÁY**	**ĐĂNG KIỂM VIÊN**
(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)	*(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*	*(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*	

Ghi chú: (*)- Đăng kiểm xem xét áp dụng quy trình thử của hãng máy trong trường hợp hãng máy đã công bố quy trình thử.

- Thử hòa đồng bộ các máy phát, đồng thời thử hoạt động các hệ thống, trang thiết bị, như: Trang thiết bị an toàn, khai thác, hút khô – dằn, cứu hỏa, lái, neo…

Mẫu số 04o.BĐ

MẪU BẢNG GHI KẾT QUẢ THỬ THIẾT BỊ NEO

CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /ĐKTC

……., ngày……. .tháng…… năm 20…

BẢNG GHI KẾT QUẢ THỬ THIẾT BỊ NEO

Tên tàu: ……..……; Ký hiệu thiết kế: ……

Kiểu neo: ……..……; Số lượng, chiếc:…….

Trọng lượng, kg/chiếc: ……

Kiểu tời neo: ……..; Chiều dài dây neo, m:…...……..

TT	Chế độ thử	Độ sâu nơi đậu (m)	Chiều dài dây neo thả xuống (m)	Tốc độ kéo neo (m/min)		Ghi chú
				1 neo	2 neo	
1	Thả neo					
2	Kéo neo					

Ý KIẾN NHẬN XÉT

……

……

……

……

……

……

CHỦ TÀU/ĐẠI DIỆN CHỦ TÀU
(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

CƠ SỞ ĐÓNG TÀU
(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐĂNG KIỂM VIÊN

Mẫu số 04p.BĐ

MẪU BIÊN BẢN KIỂM TRA TÀU CÁ CÓ CHIỀU DÀI LỚN NHẤT DƯỚI 12 MÉT

CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /ĐKTC…

……, ngày ….. tháng … năm 20…

BIÊN BẢN KIỂM TRA TÀU CÁ
(Tàu có chiều dài lớn nhất dưới 12 mét)

Tên tàu:…….....…, Số đăng ký(*): ..……

Nơi kiểm tra:.....……..…..……..

Theo yêu cầu:…….....……. ; Ngày …… tháng …… năm…...……..

Của:…….....……

Chúng tôi gồm:…….....…….……

Đăng kiểm viên của:……..…….....…….……..……...

Tiến hành kiểm tra và xác nhận tàu cá có đặc điểm cơ bản như sau:

Tên tàu: ….....; Công dụng (nghề):….....

Năm, nơi đóng: ….....

Nơi đăng ký(*): ….....

Thông số cơ bản của tàu (m): Lmax=…....…; Bmax=…...…..; D=……

Vật liệu vỏ: ….....; Nghề kiêm: ….....

Máy chính:

TT	Ký hiệu máy	Số máy	Công suất định mức, *kW*	Vòng quay định mức, *rpm*

Họ tên, chữ ký những người có mặt khi kiểm tra:

……

……

Biên bản này được lập 02 bản: Chủ tàu 01 bản, đăng kiểm tàu cá 01 bản.

CHỦ TÀU/ĐẠI DIỆN CHỦ TÀU
(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐĂNG KIỂM VIÊN

Ghi chú: (*) Ghi trong trường hợp cải hoán.

Mẫu số 05.BĐ

MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN AN TOÀN KỸ THUẬT TÀU CÁ/TÀU CÔNG VỤ THỦY SẢN/TÀU PHỤC VỤ NUÔI TRỒNG THỦY SẢN

CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Indenpendence - Freedom – Happiness

Số:...../ĐKTC
N0

GIẤY CHỨNG NHẬN AN TOÀN KỸ THUẬT TÀU CÁ/TÀU CÔNG VỤ THỦY SẢN/TÀU PHỤC VỤ NUÔI TRỒNG THỦY SẢN(*)

Technical and safety certificate of fishing vessel/ships duty fisheries/ships serving aquaculture (*)

Tên tàu:…….
Name of vessel……

Số đăng ký: .....
Registration number…..

Hô hiệu: .....
Call sign.....

Chủ tàu:(*Vessel's owner)*……..… Quốc tịch: (*Flag*).....

Địa chỉ: (*Address*)…….……..…….....

Năm và nơi đóng: (*Year and Place of Build)*.....

Công dụng (nghề): …….
Used for (fishing gear)……

Vật liệu thân, vỏ: …..…
Materials……..

Tổng dung tích: .....
Gross tonnage……

Trọng tải toàn phần: .....
Deadweight……

Số thuyền viên: .....
Number of crew……

Chiều dài, Lmax: ....(m)
Length overal……

Chiều rộng, Bmax: .....(m)
Breadth overal……

Chiều cao mạn, D: .....(m)
Draught……

Chiều dài thiết kế, Ltk: ...(m)
Length……..

Chiều rộng thiết kế, Btk: .....(m)
Breadth……

Chiều chìm, d: .....(m)
Depth……

Tổng công suất máy chính, Ne (KW): ….....
Total Power……

Số lượng máy chính:……
Number of Engines……

TT	**Ký hiệu máy** *Type of machine*	**Số máy** *Number engines*	**Công suất, Ne (*kW*)** *Power*	**Năm và nơi chế tạo** *Year and Place of Build*

- Căn cứ vào quy phạm và các tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành của Nhà nước và biên bản kiểm tra kỹ thuật số ...../ĐKTC, ngày ..... tháng ..... năm .....

Pursuant to the vessel's technical check minute no:..... dated on .....

Đăng kiểm tàu cá chứng nhận:

Fishing vessel register certify that

- Trạng thái kỹ thuật của tàu: (*Technical state of the fishing vessel)*…….

- Cấp tàu *The class*	**Không hạn chế** *Unlimited*	**Hạn chế I** *Limitations I*	**Hạn chế II** *Limitations II*	**Hạn chế III** *Limitations III*

Được phép hoạt động tại:…….....

Allowed to operate at……

Giấy chứng nhận này có hiệu lực đến: ngày .....tháng ..... năm .....

This certificate is valid until Date……

Cấp tại ....., ngày ….tháng…..năm…….
Issued at …….. Date……..
CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ
(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú: (*) Gạch hoặc xóa bỏ chỗ không phù hợp.

Mẫu số 06a.BĐ

MẪU SỔ ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ/TÀU PHỤC VỤ NUÔI TRỒNG THỦY SẢN

SỔ ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ/TÀU PHỤC VỤ NUÔI TRỒNG THỦY SẢN(*)

Số sổ: ……/20.../ ĐKTC

QUY ĐỊNH SỬ DỤNG SỔ

- Sổ đăng kiểm tàu cá/tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản(*) được lập trên cơ sở hồ sơ kỹ thuật của tàu, các trang thiết bị lắp đặt trên tàu và kết quả giám sát kỹ thuật của Đăng kiểm tàu cá trong đóng mới, lần đầu. Các thông số kỹ thuật thoả mãn các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tàu cá và các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật có liên quan.

- Trạng thái kỹ thuật của tàu theo chu kỳ phải được Đăng kiểm tàu cá kiểm tra và xác nhận vào sổ này.

- Sổ đăng kiểm tàu cá dùng trong suốt đời con tàu để ghi các thông số chính bao gồm cấp tàu, mạn khô, trang thiết bị, tổng dung tích.

- Những thay đổi (nếu có) của tàu và các trang thiết bị lắp đặt trên tàu phải được Đăng kiểm tàu cá kiểm tra, xác nhận cho đến khi tàu không còn được sử dụng (giải bản, chìm đắm không thể trục vớt).

- Sổ Đăng kiểm tàu cá/tàu phục vụ nuôi

ĐẶC ĐIỂM CHUNG CỦA TÀU

Kiểu tàu: …… Năm đóng: .....

Nơi đóng: .....

Công dụng (nghề):…….....

Số lượng thuyền viên: …….....

THÂN TÀU

Kích thước Lmax, *m*:.....; Bmax, *m*:..... ; D, *m*:.....

LTK, *m*:..... ; BTK, *m*:..... ; d,. *m*:.....

Tổng dung tích (GT).....; Trọng tải toàn phần (DW): ……;

Mạn khô f, *m*: .... Vật liệu vỏ: ……`…….....

Hệ thống kết cấu: ...…; Tốc độ tàu : ……hl/h.

MÁY CHÍNH

Các thông số kỹ thuật chủ yếu	Máy số 1	Máy số 2	Máy số 3
Ký hiệu máy:			

trồng thủy sản(*) phải được lưu giữ trên tàu cùng với Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và các biên bản kiểm tra kỹ thuật do Đăng kiểm tàu cá cấp.

Cấp tại…ngày.....tháng…..năm…….

CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Số máy:			
Công suất định mức **Ne**, KW			
Vòng quay định mức ne, *v/ph*			
Nơi chế tạo:			
Năm chế tạo:			
Kiểu hộp số:			
Tỷ số truyền, tiến:			
lùi:			

MÁY PHỤ

TTT	Ký hiệu máy	Công suất Ne, KW	Vòng quay ne, v/ph	Công dụng	Nơi chế tạo

THIẾT BỊ ĐẨY TÀU

Đặc tính kỹ thuật	Chân vịt 1	Chân vịt 2	Chân vịt 3
Kiểu:			
Vật liệu chế tạo:			
Vòng quay n_{cv}, *v/ph*:			
Đường kính D_{cv}, *m*:			
Số cạnh Z:			
Khối lượng, Kg:			
Tỉ số H/D:			
Tỉ số mặt đĩa θ:			

TRANG BỊ CỨU SINH

Phao bè:…….. Số lượng:…… Sức chở: ……người

Dụng cụ nổi:…… Số lượng:…… Sức chở: ……người

Phao tròn: …….. chiếc Phao áo: …….. chiếc

THIẾT BỊ ĐIỆN

Số lượng máy phát:…… Kiểu máy phát: ……

Công suất (KW): …… Điện áp (V): ……

Ắc quy loại: …… dung lượng (Ah): …… Số lượng: …

THIẾT BỊ KHÍ NÉN

Ký hiệu máy nén: ……..; Số lượng và dung tích bình: ……

Năm và nơi sản xuất: ……..

Áp suất làm việc: …… KG/ cm^3

THIẾT BỊ KHAI THÁC

Máy khai thác:

Loại máy	Sức kéo định mức (KG)	Năm, nơi chế tạo

Hệ thống động lực dẫn động: .....

Ký hiệu máy: ..... Công suất (KW): …….. .....

Lưới: Kích thước: ……..……; trọng lượng (KG):……

Dụng cụ đánh bắt khác: ……

Hệ thống tăng gông: .....

Thiết bị phụ (Trụ vàn, puly, con lăn…):……

Cẩu: Kiểu loại:.....Số lượng (cái): ….. Vật liệu: ……

Kết cấu: …… Tầm với (m): ……..

Tải trọng (KG): ……..; Móc cẩu (cái): ……..

Pa lăng (cái):.....; Tải trọng (KG):.....: Rông rọc(cái): ...

Hệ thống ánh sáng: Tổng công suất (KW):.....

Loại đèn, số lượng (cái):.....

THIẾT BỊ LẠNH

☐ Máy nén: ..... Số lượng: …… cái

Áp suất nén: …….. KG/cm^2 Tác nhân lạnh: ……

Năm và nơi sản xuất: ……

☐ Bình ngưng Số lượng: …… cái Dung tích: ……m^3

Áp suất : …….. KG/cm^2

Năm và nơi sản xuất: ……

TRANG BỊ CỨU HOẢ

Bơm nước: Số lượng: …… Lưu lượng: ……m^3/h

Bình bọt: …….. bình Bình CO_2 : …….. bình

☐ Rông vải ☐ Xô múc nước ☐ Cát

☐ Xà beng ☐ Xẻng ☐ Rìu ☐ Bạt

TRANG BỊ HÚT KHÔ/CHỐNGTHỦNG

Bơm nước: Số lượng: …… Lưu lượng: …… m^3/h

Bơm tay: Số lượng: …… Lưu lượng: …… m^3/h

☐ Bạt chống thủng ☐ Gỗ chống thủng

☐ Xi măng chống thủng ☐ Đồ nghề và đinh

☐ Phoi xám, dụng cụ xám ☐ Matit

TRANG Bị VÔ TUYẾN ĐIỆN

☐ Máy thu phát vô tuyến MF/HF: ……

☐ Máy thu phát vô tuyến điện thoại cực ngắn MF: ……

☐ Máy thu phát VHF hai chiều: ……..

☐ Máy thu trực canh tần số cấp cứu: ……

☐ Các thiết bị khác: ……

TRANG BỊ HÀNG HẢI

☐ La bàn từ ☐ La bàn lái ☐ Sào đo nước

☐ Ống nhòm ☐ Đồng hồ đo nghiêng ☐ Bộ cờ hàng hải

☐ Rada hàng hải ☐ Máy thu định vị vệ tinh GPS

☐ Các thiết bị khác: ……

TRANG BỊ TÍN HIỆU

☐ Đèn tín hiệu hành trình: …… ☐ Pháo hiệu:……

☐ Đèn tín hiệu đánh cá: …… ☐ Âm hiệu:……..

☐ Vật hiệu: …….. ☐ Đèn tín hiệu nhấp nháy:…….

HẦM HÀNG

Hầm cá: Số lượng: …… Tổng dung tích: …… tấn

Hầm nước: Số lượng: …… Tổng dung tích: …… tấn

Các hầm khác: ☐ Neo…… ☐ Dụng cụ….. ☐ Tạp vật…….

THIẾT Bị NEO - CHẰNG BUỘC

Loại neo: ; Năm, nơi chế tạo: ……. ……

Trọng lượng neo: Neo phải:…… kg Neo trái: …… kg

Chiều dài xích neo: Neo phải:…….. m Neo trái: …… m

Đường kính xích/cáp neo: …… mm

Thiết bị chằng buộc:

Dây buộc: Loại: …… Số lượng: ……. Chiều dài: …. m

Cột buộc: Kiểu: …… Số lượng: ……. Vật liệu: ……

THIẾT BỊ LÁI

Lái chính kiểu: ……; Lái phụ kiểu: ……

Truyền dẫn lái: ……..

ĐẶC TÍNH HÀNG HẢI

- Tốc độ tự do, hải lý/h: ……
- Đường kính vòng quay trở:

Quay phải, *m*: ……. ; Thời gian, *s*: ……

Quay trái, *m*: ……. ; Thời gian, *s*: ……

- Quán tính:

Tiến, khoảng cách, *m*: …… ; Thời gian, *s*: ……

Lùi, khoảng cách, *m*:……; Thời gian, *s*: ……

Đăng kiểm tàu cá chứng nhận:

- Tàu được nhận cấp với ký hiệu dưới đây:

- Trạng thái kỹ thuật của tàu:……
- Ngày hoàn thành kiểm tra định kỳ: Ngày ….tháng …..năm…
- Được phép hoạt động tại vùng: ……

Đến ngày ……tháng……năm……phải đưa tàu vào kiểm tra (*hàng năm)* lại.

Ngày ……tháng ….. năm ……

ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

CÁC THAY ĐỔI THÔNG SỐ KỸ THUẬT CỦA TÀU HOẶC CÁC TRANG THIẾT BỊ TRONG QUÁ TRÌNH KHAI THÁC

NGÀY THÁNG	NỘI DUNG	XÁC NHẬN CỦA CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM

CHI TIẾT CÁC NỘI DUNG THAY ĐỔI

……

……

……

……

……

……

……

……

……

……

……

……

……

……

……

……

……

……

……

……

……

……

……

……

……

……

……

……

……

……

....
....
....
....
....
....
....
....
....
....
....
....
....
....
....
....
....
....
....
....
....
....
....
....
....
....
....
....
....
....
....

CHU KỲ KIỂM TRA SAU KHI CẤP SỔ CỦA TÀU

STT	LOẠI HÌNH KIỂM TRA	NGÀY THÁNG KIỂM TRA	TRẠNG THÁI KỸ THUẬT	HẠN HOẠT ĐỘNG

CHI TIẾT CHU KỲ KIỂM TRA

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm tại biên bản số ……….......
………………………………………., ngày ……………………
Nơi kiểm tra:...
Thời gian kiểm tra: ....
Cơ sở đăng kiểm tàu cá ………………………………………….
……………., xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ nhất:............
Được phép hoạt động tại vùng:………………………………..
....……………………………
Đến ngày ....tháng.........năm.........phải đưa tàu vào kiểm tra hàng năm.

……*ngày*......*tháng*.....*năm*.....
ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra trên đà tại biên bản số …
………………………………………., ngày …………………..
Nơi kiểm tra:...
Thời gian kiểm tra: ....
Cơ sở đăng kiểm tàu cá ………………………………………
……...., xác nhận cấp tàu trên đà ....
Được phép hoạt động tại vùng:………………………………..
....……………………………
Đến ngày ....tháng.........năm.........phải đưa tàu vào kiểm tra hàng năm.

……*ngày*......*tháng*.....*năm*.....
ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm/trên đà(*) tại biên bản số …
………………………………………., ngày ……………………
Nơi kiểm tra:...
Thời gian kiểm tra: ....
Cơ sở đăng kiểm tàu cá ………………………………………….
…….., xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 02/trên đà(*):........
Được phép hoạt động tại vùng:………………………………..
....……………………………
Đến ngày ....tháng.........năm.........phải đưa tàu vào kiểm tra trên đà/hàng năm(*).

……*ngày*......*tháng*.....*năm*.....
ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm/trên đà(*) tại biên bản số
…………………………., ngày …………………
Nơi kiểm tra:...
Thời gian kiểm tra: ....
Cơ sở đăng kiểm tàu cá ………………………………………
………., xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 3/trên đà(*):.......
Được phép hoạt động tại vùng:………………………………..
....……………………………
Đến ngày ....tháng.........năm.........phải đưa tàu vào kiểm tra hàng năm.

……*ngày*......*tháng*.....*năm*.....
ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra trên đà tại biên bản số …….
……., ngày ……
Nơi kiểm tra:……
Thời gian kiểm tra: ……
Cơ sở đăng kiểm tàu cá ……
……., xác nhận cấp tàu trên đà: ……
Được phép hoạt động tại vùng:……..
……
Đến ngày ……tháng……năm……phải đưa tàu vào kiểm tra hàng năm.

……*ngày*……*tháng*……*năm*……
ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra tại hàng năm số ……..
……., ngày ……
Nơi kiểm tra:……
Thời gian kiểm tra: ……
Cơ sở đăng kiểm tàu cá ……
……., xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 04 : ……
Được phép hoạt động tại vùng:……..
……
Đến ngày ……tháng……năm……phải đưa tàu vào kiểm tra định kỳ.

……*ngày*……*tháng*……*năm*……
ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm/trên đà(*) tại biên bản số …
……., ngày ……
Nơi kiểm tra:……
Thời gian kiểm tra: ……
Cơ sở đăng kiểm tàu cá ……
……., xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 03/trên đà(*)……
Được phép hoạt động tại vùng:……..
……
Đến ngày ……tháng……năm……phải đưa tàu vào kiểm tra hàng năm.

……*ngày*……*tháng*……*năm*……
ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

* Căn cứ kết quả kiểm tra lần đầu/cải hoán/định kỳ(*) đã được thực hiện từ ngày …… đến ngày ……; tại: ……
……
Cơ sở đăng kiểm tàu cá:……
xác nhận tàu được nhận cấp/phục hồi cấp(*) với ký hiệu dưới đây:

Được phép hoạt động tại vùng:……..
……
Ngày hoàn thành kiểm tra định kỳ: Ngày …..tháng ….năm …
Đến ngày ……tháng……năm……phải đưa tàu vào kiểm tra hàng năm.

……*ngày*……*tháng*……*năm*……
ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm tại biên bản số …..
……., ngày ……
Nơi kiểm tra:……
Thời gian kiểm tra: ……
Cơ sở đăng kiểm tàu cá ……
……., xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ nhất……
Được phép hoạt động tại vùng:……..
……
Đến ngày ……tháng……năm……phải đưa tàu vào kiểm tra hàng năm.

……*ngày*……*tháng*……*năm*……
ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra trên đà tại biên bản số …….
……., ngày ……
Nơi kiểm tra:……
Thời gian kiểm tra: ……
Cơ sở đăng kiểm tàu cá ……
……., xác nhận cấp tàu trên đà: ……
Được phép hoạt động tại vùng:……..
……
Đến ngày ……tháng……năm……phải đưa tàu vào kiểm tra hàng năm.

……*ngày*……*tháng*……*năm*……
ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm/trên đà(*) tại biên bản số …
……., ngày ……
Nơi kiểm tra:……
Thời gian kiểm tra: ……
Cơ sở đăng kiểm tàu cá ……
……., xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 02/trên đà(*): ……
Được phép hoạt động tại vùng:……..
……
Đến ngày ……tháng……năm……phải đưa tàu vào kiểm tra trên đà/hàng năm(*).

……*ngày*……*tháng*……*năm*……
ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm/trên đà(*) tại biên bản số …
……., ngày ……
Nơi kiểm tra:……
Thời gian kiểm tra: ……
Cơ sở đăng kiểm tàu cá ……
……., xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 03/trên đà(*): ……
Được phép hoạt động tại vùng:……..
……
Đến ngày ……tháng……năm……phải đưa tàu vào kiểm tra hàng năm.

……*ngày*……*tháng*……*năm*……
ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm tại biên bản số ...
....., ngày .....
Nơi kiểm tra:.....
Thời gian kiểm tra: .....
Cơ sở đăng kiểm tàu cá .....
....., xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 04 .....
Được phép hoạt động tại vùng:.....
.....
Đến ngày .....tháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra định kỳ.

...ngày.....tháng.....năm.....
ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm tại biên bản số ...
....., ngày .....
Nơi kiểm tra:.....
Thời gian kiểm tra: .....
Cơ sở đăng kiểm tàu cá .....
....., xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ nhất: .....
Được phép hoạt động tại vùng:.....
.....
Đến ngày .....tháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra hàng năm.

...ngày.....tháng.....năm.....
ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

* Căn cứ kết quả kiểm tra lần đầu/cải hoán/định kỳ(*) đã được thực hiện từ ngày ..... đến ngày .....; tại: .....
.....
Cơ sở đăng kiểm tàu cá:.....
xác nhận tàu được nhận cấp/phục hồi cấp(*) với ký hiệu dưới đây:

Được phép hoạt động tại vùng:.....
.....
Ngày hoàn thành kiểm tra định kỳ: Ngày .....tháng ...năm ....
Đến ngày .....tháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra hàng năm.

...ngày.....tháng.....năm.....
ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm/trên đà(*) tại biên bản số ...
....., ngày .....
Nơi kiểm tra:.....
Thời gian kiểm tra: .....
Cơ sở đăng kiểm tàu cá .....
....., xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 02/trên đà(*): .....
Được phép hoạt động tại vùng:.....
.....
Đến ngày .....tháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra trên đà/hàng năm(*).

...ngày.....tháng.....năm.....
ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm trên đà tại biên bản số .....
....., ngày .....
Nơi kiểm tra:.....
Thời gian kiểm tra: .....
Cơ sở đăng kiểm tàu cá .....
....., xác nhận cấp tàu trên đà: .....
Được phép hoạt động tại vùng:.....
.....
Đến ngày .....tháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra hàng năm.

...ngày.....tháng.....năm.....
ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm tại biên bản số .....
....., ngày .....
Nơi kiểm tra:.....
Thời gian kiểm tra: .....
Cơ sở đăng kiểm tàu cá .....
....., xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 04: .....
Được phép hoạt động tại vùng:.....
.....
Đến ngày .....tháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra định kỳ.

...ngày.....tháng.....năm.....
ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm/trên đà(*) tại biên bản số ...
....., ngày .....
Nơi kiểm tra:.....
Thời gian kiểm tra: .....
Cơ sở đăng kiểm tàu cá .....
....., xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 03/trên đà(*) .....
Được phép hoạt động tại vùng:.....
.....
Đến ngày .....tháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra hàng năm.

...ngày.....tháng.....năm.....
ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

* Căn cứ kết quả kiểm tra lần đầu/cải hoán/định kỳ(*) đã được thực hiện từ ngày ..... đến ngày .....; tại: .....
.....
Cơ sở đăng kiểm tàu cá:.....
xác nhận tàu được nhận cấp/phục hồi cấp(*) với ký hiệu dưới đây:

Được phép hoạt động tại vùng:.....
.....
Ngày hoàn thành kiểm tra định kỳ: Ngày .....tháng ....năm ...
Đến ngày .....tháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra hàng năm.

...ngày.....tháng.....năm.....
ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm tại biên bản số …
……., ngày ……
Nơi kiểm tra:.....
Thời gian kiểm tra: .....
Cơ sở đăng kiểm tàu cá ……
…….., xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 01: .....
Được phép hoạt động tại vùng:……..
.....
Đến ngày .....tháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra hàng năm.

……ngày……tháng……năm……
ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra trên đà tại biên bản số …
……., ngày ……
Nơi kiểm tra:.....
Thời gian kiểm tra: .....
Cơ sở đăng kiểm tàu cá ……
……., xác nhận cấp tàu trên đà .....
Được phép hoạt động tại vùng:……..
.....
Đến ngày .....tháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra hàng năm.

……ngày……tháng……năm……
ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm/trên đà(*) tại biên bản số …
……., ngày ……
Nơi kiểm tra:.....
Thời gian kiểm tra: .....
Cơ sở đăng kiểm tàu cá ……
……., xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 02/trên đà(*) .....
Được phép hoạt động tại vùng:……..
.....
Đến ngày .....tháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra trên đà/hàng năm/(*).

……ngày……tháng……năm……
ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm/trên đà(*) tại biên bản số …
……., ngày ……
Nơi kiểm tra:.....
Thời gian kiểm tra: .....
Cơ sở đăng kiểm tàu cá ……
……., xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 03/trên đà(*) .....
Được phép hoạt động tại vùng:……..
.....
Đến ngày .....tháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra hàng năm.

……ngày……tháng……năm……
ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm tại biên bản số …
……., ngày ……
Nơi kiểm tra:.....
Thời gian kiểm tra: .....
Cơ sở đăng kiểm tàu cá ……
……., xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 04: ....
Được phép hoạt động tại vùng:……..
.....
Đến ngày .....tháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra định kỳ.

……ngày……tháng……năm……
ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm tại biên bản số …
……., ngày ……
Nơi kiểm tra:.....
Thời gian kiểm tra: .....
Cơ sở đăng kiểm tàu cá ……
……., xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 01: .....
Được phép hoạt động tại vùng:……..
.....

Đến ngày .....tháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra hàng năm.

……ngày……tháng……năm……
ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

• Căn cứ kết quả kiểm tra lần đầu/cải hoán/định kỳ(*) đã được thực hiện từ ngày ..... đến ngày .....; tại: .....
.....
Cơ sở đăng kiểm tàu cá:.....
xác nhận tàu được nhận cấp/phục hồi cấp(•) với ký hiệu dưới đây:

Được phép hoạt động tại vùng:……..
.....
Ngày kết thúc kiểm tra định kỳ: Ngày .....tháng .....năm ……
Đến ngày .....tháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra hàng năm.

……ngày……tháng……năm……
ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm/trên đà(*) tại biên bản số …
……., ngày ……
Nơi kiểm tra:.....
Thời gian kiểm tra: .....
Cơ sở đăng kiểm tàu cá ……
……., xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 02/trên đà(*): .....
Được phép hoạt động tại vùng:……..
.....
Đến ngày .....tháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra trên đà/hàng năm/(*).

……ngày……tháng……năm……
ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra trên đà tại biên bản số …
……., ngày ……
Nơi kiểm tra:……
Thời gian kiểm tra: ……
Cơ sở đăng kiểm tàu cá ……
……., xác nhận cấp tàu trên đà: ….
Được phép hoạt động tại vùng:……..
……
Đến ngày ……tháng……năm……phải đưa tàu vào kiểm tra hàng năm.

……ngày……tháng……năm……
ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm tại biên bản số …
……., ngày ……
Nơi kiểm tra:……
Thời gian kiểm tra: ……
Cơ sở đăng kiểm tàu cá ……
…….., xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 04: ……
Được phép hoạt động tại vùng:……..
……
Đến ngày ……tháng……năm……phải đưa tàu vào kiểm tra hàng năm.

……ngày……tháng……năm……
ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm/trên đà(*) tại biên bản số …
……., ngày ……
Nơi kiểm tra:……
Thời gian kiểm tra: ……
Cơ sở đăng kiểm tàu cá ……
……, xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 03/trên đà(*): ……
Được phép hoạt động tại vùng:……..
……
Đến ngày ……tháng……năm……phải đưa tàu vào kiểm tra hàng năm.

……ngày……tháng……năm……
ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Ghi chú: (*) Gạch bỏ chỗ không phù hợp.

THAY ĐỔI SỞ HỮU

Tên tàu:……., Hô hiệu:……
Số đăng ký:……
Nơi đăng ký:……
Ngày đăng ký:……
Chủ tàu:……
Nơi thường trú:……
Ngày xóa đăng ký: ……

……ngày……tháng……năm……
CƠ QUAN ĐĂNG KÝ

THAY ĐỔI SỞ HỮU

Tên tàu:……., Hô hiệu:……
Số đăng ký:……
Nơi đăng ký:……
Ngày đăng ký:……
Chủ tàu:……
Nơi thường trú:……
Ngày xóa đăng ký: ……

……ngày……tháng……năm……
CƠ QUAN ĐĂNG KÝ

THAY ĐỔI SỞ HỮU

Tên tàu:……., Hô hiệu:……
Số đăng ký:……
Nơi đăng ký:……
Ngày đăng ký:……
Chủ tàu:……
Nơi thường trú:……
Ngày xóa đăng ký: ……

……ngày……tháng……năm……
CƠ QUAN ĐĂNG KÝ

THAY ĐỔI SỞ HỮU

Tên tàu:……., Hô hiệu:……
Số đăng ký:……
Nơi đăng ký:……
Ngày đăng ký:……
Chủ tàu:……
Nơi thường trú:……
Ngày xóa đăng ký: ……

……ngày……tháng……năm……
CƠ QUAN ĐĂNG KÝ

Mẫu số 06b.BĐ

MẪU SỔ ĐĂNG KIỂM TÀU CÔNG VỤ THỦY SẢN

SỔ ĐĂNG KIỂM
TÀU CÔNG VỤ THỦY SẢN

Số sổ: ……/20.../ ĐKTC

QUY ĐỊNH SỬ DỤNG SỔ

- Sổ đăng kiểm tàu công vụ thủy sản được lập trên cơ sở hồ sơ kỹ thuật của tàu, các trang thiết bị lắp đặt trên tàu và kết quả giám sát kỹ thuật của Đăng kiểm tàu cá trong đóng mới, lần đầu. Các thông số kỹ thuật thoả mãn các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tàu cá và các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật có liên quan.
- Trạng thái kỹ thuật của tàu theo chu kỳ phải được Đăng kiểm tàu cá kiểm tra và xác nhận vào sổ này.
- Sổ đăng kiểm tàu công vụ thủy sản dùng trong suốt đời con tàu để ghi các thông số chính bao gồm cấp tàu, mạn khô, trang thiết bị, tổng dung tích.
- Những thay đổi (nếu có) của tàu và các trang thiết bị lắp đặt trên tàu phải được Đăng kiểm tàu cá kiểm tra, xác nhận cho đến khi tàu không còn được sử dụng (giải bán, chìm đắm không thể trục vớt).
- Sổ Đăng kiểm tàu công vụ thủy sản phải được lưu giữ trên tàu cùng với Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và các biên bản kiểm tra kỹ thuật do Đăng kiểm tàu cá cấp.

Cấp tại……ngày……tháng……..năm……..

CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

ĐẶC ĐIỂM CHUNG CỦA TÀU

Kiểu tàu: …… Năm đóng: .....
Nơi đóng: .....
Công dụng:……
Số lượng thuyền viên: …….....

THÂN TÀU

Kích thước L_{max}, *m*:.....; B_{max}, *m*:..... ; D, *m*:.....
L_{TK}, *m*:..... ; B_{TK}, *m*:..... ; d,. *m*:.....
Tổng dung tích (GT).....; Mạn khô f, *m*: ....
Trọng tải toàn phần (DW): .....; Vật liệu vỏ: ……'…….....
Hệ thống kết cấu: ……..…; Tốc độ tàu : ……hl/h.

MÁY CHÍNH

Các thông số kỹ thuật chủ yếu	Máy số 1	Máy số 2	Máy số 3
Ký hiệu máy:			
Số máy:			
Công suất định mức N_e, KW			
Vòng quay định mức n_e, *v/ph*			
Nơi chế tạo:			
Năm chế tạo:			
Kiểu hộp số:			
Tỷ số truyền, tiến:			
lùi:			

MÁY PHỤ

TT T	Ký hiệu máy	Công suất N_e, KW	Vòng quay n_e, *v/ph*	Công dụng	Nơi chế tạo

THIẾT BỊ ĐẨY TÀU

Đặc tính kỹ thuật	Chân vịt 1	Chân vịt 2	Chân vịt 3
Kiểu:			
Vật liệu chế tạo:			
Vòng quay n_{cv}, *v/ph*:			
Đường kính D_{cv}, *m*:			
Số cánh Z:			
Khối lượng, Kg:			
Tỉ số H/D:			
Tỉ số mặt đĩa θ:			

TRANG BỊ CỨU SINH

Phao bè:…… Số lượng:…… Sức chở: ……người

Dụng cụ nổi:…… Số lượng:…… Sức chở: ……người

Phao tròn: …….. chiếc Phao áo: …….. chiếc

THIẾT BỊ ĐIỆN

Số lượng máy phát:…… Kiểu máy phát: ……

Công suất (KW): …… Điện áp (V): ……

Ắc quy loại: …… dung lượng (Ah): …… Số lượng: …

THIẾT BỊ KHÍ NÉN

Ký hiệu máy nén: ……..; Số lượng và dung tích bình: ……

Năm và nơi sản xuất: ……..

Áp suất làm việc: …… KG/ cm^3

THIẾT BỊ NÂNG

Kiểu loại:…… Ký hiệu: ……. Vật liệu: ……

Số lượng (cái): …… Hệ thống điều khiển: ……..

Kết cấu: …… Tầm với (m): ……

Tải trọng (KG): ……; Móc cẩu (cái): ……..

Pa lăng (cái):……; Tải trọng (KG):……: Rong rọc(cái): ...

THIẾT BỊ LẠNH

☐ Máy nén: ……. Số lượng: …… cái

Áp suất nén: …….. KG/cm^2 Tác nhân lạnh: ……

Năm và nơi sản xuất: ……

☐ Bình ngưng Số lượng: …… cái Dung tích: ……m^3

Áp suất : …… KG/cm^2

Năm và nơi sản xuất: ……

TRANG BỊ CỨU HOẢ

Bơm nước: Số lượng: …… Lưu lượng: ……m^3/h

Bình bọt: …… bình Bình CO_2: …… bình

☐ Rổng vải ☐ Xô múc nước ☐ Cát

☐ Xà beng ☐ Xẻng ☐ Rìu ☐ Bạt

☐ Hệ thống cứu hỏa bằng CO_2: ……

THIẾT BỊ NGĂN NGỪA Ô NHIỄM BIỂN

Thiết bị phân ly:…… Ký hiệu: …… Lưu lượng:….m^3/h

Két dằn cặn: Số lượng: … Dung tích: …… m^3

Két nước thải: Số lượng: …… Dung tích: …… m^3

Thùng rác Số lượng: …… Thể tích: …… m^3

Các thiết bị khác: ……

TRANG BỊ HÚT KHÔ/CHỐNG THỦNG

Bơm nước: Số lượng: …… Lưu lượng: …… m^3/h

Bơm tay: Số lượng: …… Lưu lượng: …… m^3/h

☐ Bạt chống thủng ☐ Gỗ chống thủng

☐ Xi măng chống thủng ☐ Đồ nghề và đinh

☐ Phoi xám, dụng cụ xám ☐ Matit

TRANG BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN

☐ Máy thu phát vô tuyến MF/HF: ……

☐ Máy thu phát vô tuyến điện thoại cực ngắn MF: ……

☐ Máy thu phát VHF hai chiều: ……..

☐ Máy thu trực canh tần số cấp cứu: ……

☐ Các thiết bị khác: ……

TRANG BỊ HÀNG HẢI

☐ La bàn từ ☐ La bàn lái ☐ Sào đo nước

☐ Ống nhòm ☐ Đồng hồ đo nghiêng ☐ Bộ cờ hàng hải

☐ Rada hàng hải ☐ Máy thu định vị vệ tinh GPS

☐ Các thiết bị khác: ……

TRANG BỊ TÍN HIỆU

☐ Đèn tín hiệu hành trình: …… ☐ Phao hiệu:……

☐ Vật hiệu: …… ☐ Âm hiệu:……..

☐ Đèn tín hiệu nhấp nháy:…… ☐ Thiết bị phản xạ ra đa:…….

KHOANG, HẦM

Khoang lạnh: Số lượng: …… Tổng dung tích: …… tấn

Hầm nước: Số lượng: …… Tổng dung tích: …… tấn

Các hầm khác: ☐ Neo…… ☐ Dụng cụ…… ☐ Tạp vật…….

THIẾT BỊ NEO - CHẰNG BUỘC

Loại neo: ; Năm, nơi chế tạo: …… ……

Trọng lượng neo: Neo phải:…… kg Neo trái: …… kg

Chiều dài xích neo: Neo phải:…… m Neo trái: …… m

Đường kính xích neo: …… mm

Thiết bị chằng buộc:

Dây buộc: Loại: …… Số lượng: …… Chiều dài: …. m

Cột buộc: Kiểu: …… Số lượng: …… Vật liệu: ……

THIẾT BỊ LÁI

Lái chính kiểu: ……; Lái phụ kiểu: ……

Truyền dẫn lái: ……..

ĐẶC TÍNH HÀNG HẢI

- Tốc độ tự do, hải lý/h: ……
- Đường kính vòng quay trở:
  Quay phải, *m*: …… : Thời gian, *s*: ……
  Quay trái, *m*: …… : Thời gian, *s*: ……
- Quán tính:
  Tiến, khoảng cách, *m*: …… : Thời gian, *s*: ……
  Lùi, khoảng cách, *m*:…… : Thời gian, *s*: ……

Đăng kiểm tàu cá chứng nhận:

- Tàu được nhận cấp với ký hiệu dưới đây:

- Trạng thái kỹ thuật của tàu:……
- Ngày kết thúc kiểm tra định kỳ: Ngày ……tháng ……năm …
- Được phép hoạt động tại vùng: ……

Đến ngày ……tháng……năm……phải đưa tàu vào kiểm tra *(hàng năm)* lại.

Ngày ……tháng …… năm ……

ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

....
....
....
....
....
....
....
....
....
....
....
....
....
....
....
....
....
....
....
....
....
....
....
....
....
....
....
....
....
....
....
....
....

CHU KỲ KIỂM TRA SAU KHI CẤP SỔ CỦA TÀU

STT	LOẠI HÌNH KIỂM TRA	NGÀY THÁNG KIỂM TRA	TRẠNG THÁI KỸ THUẬT	HẠN HOẠT ĐỘNG

CÁC THAY ĐỔI THÔNG SỐ KỸ THUẬT CỦA TÀU HOẶC CÁC TRANG THIẾT BỊ TRONG QUÁ TRÌNH KHAI THÁC

NGÀY THÁNG	NỘI DUNG	XÁC NHẬN CỦA CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM

CHI TIẾT CÁC NỘI DUNG THAY ĐỔI

....
....
....
....
....
....
....
....
....
....
....
....
....
....
....
....
....
....
....
....
....
....
....
....
....
....

CHI TIẾT CHU KỲ KIỂM TRA

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm tại biên bản số …….....
……., ngày ……
Nơi kiểm tra:.....
Thời gian kiểm tra: .....
Cơ sở đăng kiểm tàu cá ……
……., xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ nhất:.....
Được phép hoạt động tại vùng:……..
.....
Đến ngày .....tháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra hàng năm.

……ngày……tháng……năm……
ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra trên đã tại biên bản số …
……., ngày ……..
Nơi kiểm tra:.....
Thời gian kiểm tra: .....
Cơ sở đăng kiểm tàu cá ……
……., xác nhận cấp tàu trên đã .....
Được phép hoạt động tại vùng:……..
.....
Đến ngày .....tháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra hàng năm.

……ngày……tháng……năm……
ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm/trên đã(*) tại biên bản số …
……., ngày ……
Nơi kiểm tra:.....
Thời gian kiểm tra: .....
Cơ sở đăng kiểm tàu cá ……
……., xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 02/trên đã(*):.....
Được phép hoạt động tại vùng:……..
.....
Đến ngày .....tháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra trên đà/hàng năm(*).

……ngày……tháng……năm……
ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm/trên đã(*) tại biên bản số …
……., ngày ……
Nơi kiểm tra:.....
Thời gian kiểm tra: .....
Cơ sở đăng kiểm tàu cá ……
……., xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 3/trên đã(*) :.....
Được phép hoạt động tại vùng:……..
.....
Đến ngày .....tháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra hàng năm.

……ngày……tháng……năm……
ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm tại biên bản số ……
……., ngày ……
Nơi kiểm tra:.....
Thời gian kiểm tra: .....
Cơ sở đăng kiểm tàu cá ……
……., xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 04: .....
Được phép hoạt động tại vùng:……..
.....
Đến ngày .....tháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra định kỳ.

……ngày……tháng……năm……
ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm tại biên bản số ...
……., ngày ……
Nơi kiểm tra:.....
Thời gian kiểm tra: .....
Cơ sở đăng kiểm tàu cá ……
……., xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ nhất .....
Được phép hoạt động tại vùng:……..
.....
Đến ngày .....tháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra hàng năm.

……ngày……tháng……năm……
ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

* Căn cứ kết quả kiểm tra lần đầu/cải hoán/định kỳ(*) đã được thực hiện từ ngày ..... đến ngày .....; tại: .....
.....
Cơ sở đăng kiểm tàu cá:.....
xác nhận tàu được nhận cấp/phục hồi cấp(*) với ký hiệu dưới đây:

Được phép hoạt động tại vùng:……..
.....
Ngày kết thúc kiểm tra định kỳ: Ngày .....tháng .....năm …
Đến ngày .....tháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra hàng năm.

……ngày……tháng……năm……
ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm/trên đã(*) tại biên bản số
……., ngày ……
Nơi kiểm tra:.....
Thời gian kiểm tra: .....
Cơ sở đăng kiểm tàu cá ……
……., xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 02/trên đã(*)....
Được phép hoạt động tại vùng:……..
.....
Đến ngày .....tháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra trên đà/hàng năm(*).

……ngày……tháng……năm……
ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra trên đà tại biên bản số ……..
……., ngày ……
Nơi kiểm tra:……
Thời gian kiểm tra: ……
Cơ sở đăng kiểm tàu cá ……
……., xác nhận cấp tàu trên đà: ……
Được phép hoạt động tại vùng:……..
……
Đến ngày .....tháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra hàng năm.

...ngày.....tháng.....năm.....
ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra tại hàng năm số ……..
……., ngày ……
Nơi kiểm tra:……
Thời gian kiểm tra: ……
Cơ sở đăng kiểm tàu cá ……
……., xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 04 : ……
Được phép hoạt động tại vùng:……..
……
Đến ngày .....tháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra định kỳ.

...ngày.....tháng.....năm.....
ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm/trên đà(*) tại biên bản số ...
……., ngày ……
Nơi kiểm tra:……
Thời gian kiểm tra: ……
Cơ sở đăng kiểm tàu cá ……
……., xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 03/trên đà(*)……
Được phép hoạt động tại vùng:……..
……
Đến ngày .....tháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra hàng năm.

...ngày.....tháng.....năm.....
ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

• Căn cứ kết quả kiểm tra lần đầu/cải hoán/định kỳ(*) đã được thực hiện từ ngày ……. đến ngày ……..; tại: ……
……
Cơ sở đăng kiểm tàu cá:……
xác nhận tàu được nhận cấp/phục hồi cấp(*) với ký hiệu dưới đây:

Được phép hoạt động tại vùng:……..
……
Ngày kết thúc kiểm tra định kỳ: Ngày .....tháng .....năm …
Đến ngày .....tháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra hàng năm.

...ngày.....tháng.....năm.....
ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm tại biên bản số …..
……., ngày ……
Nơi kiểm tra:……
Thời gian kiểm tra: ……
Cơ sở đăng kiểm tàu cá ……
……., xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ nhất……
Được phép hoạt động tại vùng:……..
……
Đến ngày .....tháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra hàng năm.

...ngày.....tháng.....năm.....
ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra trên đà tại biên bản số ……..
……., ngày ……
Nơi kiểm tra:……
Thời gian kiểm tra: ……
Cơ sở đăng kiểm tàu cá ……
……., xác nhận cấp tàu trên đà: ……
Được phép hoạt động tại vùng:……..
……
Đến ngày .....tháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra hàng năm.

...ngày.....tháng.....năm.....
ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm/trên đà(*) tại biên bản số …
……., ngày ……
Nơi kiểm tra:……
Thời gian kiểm tra: ……
Cơ sở đăng kiểm tàu cá ……
……., xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 02/trên đà(*): ……
Được phép hoạt động tại vùng:……..
……
Đến ngày .....tháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra trên đà/hàng năm(*).

...ngày.....tháng.....năm.....
ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm/trên đà(*) tại biên bản số …
……., ngày ……
Nơi kiểm tra:……
Thời gian kiểm tra: ……
Cơ sở đăng kiểm tàu cá ……
……., xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 03/trên đà(*): ……
Được phép hoạt động tại vùng:……..
……
Đến ngày .....tháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra hàng năm.

...ngày.....tháng.....năm.....
ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm tại biên bản số …
……, ngày ……
Nơi kiểm tra:……
Thời gian kiểm tra: ……
Cơ sở đăng kiểm tàu cá ……
……, xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 04 ……
Được phép hoạt động tại vùng:……..
……
Đến ngày ……tháng……năm……phải đưa tàu vào kiểm tra định kỳ.

……*ngày*……*tháng*……*năm*……
ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm tại biên bản số …
……, ngày ……
Nơi kiểm tra:……
Thời gian kiểm tra: ……
Cơ sở đăng kiểm tàu cá ……
……, xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ nhất: ……
Được phép hoạt động tại vùng:……..
……
Đến ngày ……tháng……năm……phải đưa tàu vào kiểm tra hàng năm.

……*ngày*……*tháng*……*năm*……
ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

* Căn cứ kết quả kiểm tra lần đầu/cải hoán/định kỳ(*) đã được thực hiện từ ngày …… đến ngày ……; tại: ……
……
Cơ sở đăng kiểm tàu cá:……
xác nhận tàu được nhận cấp/phục hồi cấp(*) với ký hiệu dưới đây:

Được phép hoạt động tại vùng:……..
……
Ngày kết thúc kiểm tra định kỳ: Ngày ……tháng ……năm …
Đến ngày ……tháng……năm……phải đưa tàu vào kiểm tra hàng năm.

……*ngày*……*tháng*……*năm*……
ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm/trên đà(*) tại biên bản số …
……, ngày ……
Nơi kiểm tra:……
Thời gian kiểm tra: ……
Cơ sở đăng kiểm tàu cá ……
……, xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 02/trên đà(*): ……
Được phép hoạt động tại vùng:……..
……
Đến ngày ……tháng……năm……phải đưa tàu vào kiểm tra trên đà/hàng năm(*).

……*ngày*……*tháng*……*năm*……
ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm trên đà tại biên bản số …….
……, ngày ……
Nơi kiểm tra:……
Thời gian kiểm tra: ……
Cơ sở đăng kiểm tàu cá ……
……, xác nhận cấp tàu trên đà: ……
Được phép hoạt động tại vùng:……..
……
Đến ngày ……tháng……năm……phải đưa tàu vào kiểm tra hàng năm.

……*ngày*……*tháng*……*năm*……
ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm tại biên bản số …….
……, ngày ……
Nơi kiểm tra:……
Thời gian kiểm tra: ……
Cơ sở đăng kiểm tàu cá ……
……, xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 04: ……
Được phép hoạt động tại vùng:……..
……
Đến ngày ……tháng……năm……phải đưa tàu vào kiểm tra định kỳ.

……*ngày*……*tháng*……*năm*……
ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm/trên đà(*) tại biên bản số …
……, ngày ……
Nơi kiểm tra:……
Thời gian kiểm tra: ……
Cơ sở đăng kiểm tàu cá ……
……, xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 03/trên đà(*) ……
Được phép hoạt động tại vùng:……..
……
Đến ngày ……tháng……năm……phải đưa tàu vào kiểm tra hàng năm.

……*ngày*……*tháng*……*năm*……
ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

* Căn cứ kết quả kiểm tra lần đầu/cải hoán/định kỳ(*) đã được thực hiện từ ngày …… đến ngày ……; tại: ……
……
Cơ sở đăng kiểm tàu cá:……
xác nhận tàu được nhận cấp/phục hồi cấp(*) với ký hiệu dưới đây:

Được phép hoạt động tại vùng:……..
……
Ngày kết thúc kiểm tra định kỳ: Ngày ……tháng ……năm …
Đến ngày ……tháng……năm……phải đưa tàu vào kiểm tra hàng năm.

……*ngày*……*tháng*……*năm*……
ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm tại biên bản số …
……., ngày ……
Nơi kiểm tra:……
Thời gian kiểm tra: ……
Cơ sở đăng kiểm tàu cá ……
……., xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 01: ……
Được phép hoạt động tại vùng:……..
……
Đến ngày ……tháng……năm……phải đưa tàu vào kiểm tra hàng năm.

……ngày……tháng……năm……
ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra trên đà tại biên bản số …
……., ngày ……
Nơi kiểm tra:……
Thời gian kiểm tra: ……
Cơ sở đăng kiểm tàu cá ……
……., xác nhận cấp tàu trên đà ……
Được phép hoạt động tại vùng:……..
……
Đến ngày ……tháng……năm……phải đưa tàu vào kiểm tra hàng năm.

……ngày……tháng……năm……
ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm/trên đà(*) tại biên bản số …
……., ngày ……
Nơi kiểm tra:……
Thời gian kiểm tra: ……
Cơ sở đăng kiểm tàu cá ……
……., xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 02/trên đà(*) ……
Được phép hoạt động tại vùng:……..
……
Đến ngày ……tháng……năm……phải đưa tàu vào kiểm tra trên đà/hàng năm(*).

……ngày……tháng……năm……
ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm/trên đà(*) tại biên bản số …
……., ngày ……
Nơi kiểm tra:……
Thời gian kiểm tra: ……
Cơ sở đăng kiểm tàu cá ……
……., xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 03/trên đà(*) ……
Được phép hoạt động tại vùng:……..
……
Đến ngày ……tháng……năm……phải đưa tàu vào kiểm tra hàng năm.

……ngày……tháng……năm……
ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm tại biên bản số …
……., ngày ……
Nơi kiểm tra:……
Thời gian kiểm tra: ……
Cơ sở đăng kiểm tàu cá ……
……., xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 04: ….
Được phép hoạt động tại vùng:……..
……
Đến ngày ……tháng……năm……phải đưa tàu vào kiểm tra định kỳ.

……ngày……tháng……năm……
ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm tại biên bản số …
……., ngày ……
Nơi kiểm tra:……
Thời gian kiểm tra: ……
Cơ sở đăng kiểm tàu cá ……
……., xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 01: ……
Được phép hoạt động tại vùng:……..
……
Đến ngày ……tháng……năm……phải đưa tàu vào kiểm tra hàng năm.

……ngày……tháng……năm……
ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

• Căn cứ kết quả kiểm tra lần đầu/cải hoán/định kỳ(*) đã được thực hiện từ ngày …… đến ngày ……; tại: ……
……
Cơ sở đăng kiểm tàu cá:……
xác nhận tàu được nhận cấp/phục hồi cấp(•) với ký hiệu dưới đây:

Được phép hoạt động tại vùng:……..
……
Ngày kết thúc kiểm tra định kỳ: Ngày ……tháng ……năm ……
Đến ngày ……tháng……năm……phải đưa tàu vào kiểm tra hàng năm.

……ngày……tháng……năm……
ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm/trên đà(*) tại biên bản số …
……., ngày ……
Nơi kiểm tra:……
Thời gian kiểm tra: ……
Cơ sở đăng kiểm tàu cá ……
……., xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 02/trên đà(*): ……
Được phép hoạt động tại vùng:……..
……
Đến ngày ……tháng……năm……phải đưa tàu vào kiểm tra trên đà/hàng năm(*).

……ngày……tháng……năm……
ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra trên đã tại biên bản số ……
……, ngày ……
Nơi kiểm tra:……
Thời gian kiểm tra: ……
Cơ sở đăng kiểm tàu cá ……
……, xác nhận cấp tàu trên đã: ……
Được phép hoạt động tại vùng:……
……
Đến ngày ……tháng……năm……phải đưa tàu vào kiểm tra hàng năm.

……ngày……tháng……năm……
ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm tại biên bản số …
……, ngày ……
Nơi kiểm tra:……
Thời gian kiểm tra: ……
Cơ sở đăng kiểm tàu cá ……
……, xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 04: ……
Được phép hoạt động tại vùng:……
……
Đến ngày ……tháng……năm……phải đưa tàu vào kiểm tra định kỳ.

……ngày……tháng……năm……
ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm/trên đã(*) tại biên bản số …
……, ngày ……
Nơi kiểm tra:……
Thời gian kiểm tra: ……
Cơ sở đăng kiểm tàu cá ……
……, xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 03/trên đã(*): ……
Được phép hoạt động tại vùng:……
……
Đến ngày ……tháng……năm……phải đưa tàu vào kiểm tra hàng năm.

……ngày……tháng……năm……
ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Ghi chú: (*) Gạch bỏ chỗ không phù hợp.

TỔ CHỨC QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀU

Tên tàu:……, Hô hiệu:……
Số đăng ký:……
Nơi đăng ký:……
Ngày đăng ký:……
Tên tổ chức:……
Địa chỉ:……
Ngày xóa đăng ký: ……

……ngày……tháng……năm……
CƠ QUAN ĐĂNG KÝ

THAY ĐỔI TỔ CHỨC QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀU

Tên tàu:……, Hô hiệu:……
Số đăng ký:……
Nơi đăng ký:……
Ngày đăng ký:……
Tên tổ chức:……
Địa chỉ:……
Ngày xóa đăng ký: ……

……ngày……tháng……năm……
CƠ QUAN ĐĂNG KÝ

THAY ĐỔI TỔ CHỨC QUẢN LÝ, SỬ DỤNG

Tên tàu:……, Hô hiệu:……
Số đăng ký:……
Nơi đăng ký:……
Ngày đăng ký:……
Tên tổ chức:……
Địa chỉ:……
Ngày xóa đăng ký: ……

……ngày……tháng……năm……
CƠ QUAN ĐĂNG KÝ

THAY ĐỔI TỔ CHỨC QUẢN LÝ, SỬ DỤNG

Tên tàu:……, Hô hiệu:……
Số đăng ký:……
Nơi đăng ký:……
Ngày đăng ký:……
Tên tổ chức:……
Địa chỉ:……
Ngày xóa đăng ký: ……

……ngày……tháng……năm……
CƠ QUAN ĐĂNG KÝ

Mẫu số 07.BĐ

MẪU BIÊN BẢN KIỂM TRA KỸ THUẬT MÁY THỦY ĐÃ QUA SỬ DỤNG TRƯỚC KHI LẮP ĐẶT XUỐNG TÀU

CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: Số: ..... /ĐKTC…

……., ngày……. .tháng…… năm 20…

BIÊN BẢN KIỂM TRA KỸ THUẬT MÁY THỦY ĐÃ QUA SỬ DỤNG TRƯỚC KHI LẮP ĐẶT XUỐNG TÀU

Theo yêu cầu của:…….....…….

Chúng tôi gồm:

1……..……..

2……..……..

3……..

Là đăng kiểm viên tàu cá thuộc Cơ sở đăng kiểm tàu cá……

Tiến hành kiểm tra kỹ thuật máy thủy đã qua sử dụng của……và đánh giá tình trạng kỹ thuật của máy thủy đã qua sử dụng như sau:

I. KIỂM TRA BÊN NGOÀI (1)

TT	Nội dung kiểm tra		Các thông số/tình trạng kỹ thuật	Đánh giá	
				Thỏa mãn	Không thỏa mãn
1	Nhà sản xuất				
2	Ký hiệu máy:				
3	Số máy:	Trên thân máy			
		Trên nhãn máy			
4	Công suất máy, Ne (kW)				
5	Vòng quay định mức (rpm)				
6	Năm/nơi chế tạo				
7	Số xy lanh (chiếc)				
8	Nắp máy, thân máy và các thiết bị phục vụ máy				
9	Hệ thống đồng hồ đo áp lực dầu				
10	Hệ thống đồng hồ đo nhiệt độ nước làm mát				
11	Hệ thống đồng hồ đo nhiệt độ khí xả				

12	Đồng hồ đo vòng quay máy			

II. THỬ HOẠT ĐỘNG (2)

TT	Nội dung đánh giá	Kết quả	Thông số kỹ thuật cho phép	Đánh giá	
				Thỏa mãn	Không thỏa mãn
1	Thử khởi động máy liên tục từ trạng thái nguội(3)				
2	Thử vòng quay ổn định thấp nhất, nmin (rpm)(4)				
3	Thử tăng tốc và giảm tốc đột ngột, nhiều lần (không dưới 3 lần)(5).				
4	Thử tốc độ lớn nhất, nmax(rpm) (6).				
5	Áp lực dầu bôi trơn (kg/cm2)				
6	Nhiệt độ dầu bôi trơn (oC)				
7	Nhiệt độ nước làm mát vòng trong (oC				
8	Nhiệt độ khí xả (oC)				

III. KẾT LUẬN

Căn cứ kết quả kiểm tra, Đăng kiểm viên kết luận: Máy thủy đã qua sử dụng đủ điều kiện hay không đủ điều kiện lắp đặt trên tàu cá:……....

CHỦ TÀU/ĐẠI DIỆN CHỦ TÀU	**ĐẠI DIỆN NHÀ SẢN XUẤT/CƠ SỞ CUNG CẤP/SỬA CHỮA MÁY**	**ĐĂNG KIỂM VIÊN**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký tên, đóng dấu)*	*(Ký tên, đóng dấu)*

***Chú thích*:**

(1) Máy không nứt, vỡ, hàn vá, móp méo; các chữ, số in trên nhãn máy rõ ràng phù hợp với tài liệu kỹ thuật của máy; các đồng hồ đo còn đầy đủ, nguyên vẹn.

(2) Thử tại xưởng. Cho phép thử sau khi đã lắp đặt xuống tàu đối với trường hợp chủ tàu cam kết chịu trách nhiệm tháo máy đưa ra khỏi tàu nếu kết quả thử không thỏa mãn.

(3) Khởi động 12 lần đối với động cơ đảo chiều; 6 lần đối với động cơ không đảo chiều; quá trình thử không cấp thêm không khí nén cho bình khí nén khởi động máy (hoặc điện năng cho ắc qui khởi động máy); máy khởi động dễ dàng, không có lần thử nào không đạt kết quả.

(4) Khi máy chạy đã nóng, giảm lượng cấp nhiên liệu đến mức tối thiểu, máy làm việc ổn định ở chế độ vòng quay nhỏ hơn 30% vòng quay định mức, trong thời gian ≥10 min.

(5) Động cơ làm việc ổn định, không tự dừng, không có tiếng gõ bất thường của các cơ cấu chuyển động.

(6) Tốc độ tối đa của động cơ không vượt quá 115% vòng quay định mức./.

PHỤ LỤC VI

DANH MỤC VẬT LIỆU, MÁY MÓC VÀ TRANG THIẾT BỊ LẮP ĐẶT TRÊN TÀU CÁ/TÀU CÔNG VỤ THỦY SẢN/TÀU PHỤC VỤ NUÔI TRỒNG THỦY SẢN (*)

(Ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

STT	TÊN SẢN PHẨM	CƠ SỞ THỰC HIỆN
I	**Vật liệu, máy móc, trang thiết bị sử dụng trên tàu**	
1	**Vật liệu**	
1.1	Vật liệu kim loại - Thân tàu	QCVN 64:2015/BGTVT; QCVN 91:2025/BNNMT QCVN 92:2025/BNNMT
1.1.1	Vật liệu tấm	
1.1.2	Vật liệu định hình	
1.1.3	Vật liệu đúc	
1.1.4	Vật liệu rèn	
1.2	Vật liệu composite (nhựa và sợi) – thân tàu	
1.3	Vật liệu để chế tạo trục chân vịt, trục lái	
2	**Động cơ đốt trong**	
2.1	Máy chính	QCVN 64:2015/BGTVT; QCVN 91:2025/BNNMT QCVN 92:2025/BNNMT
2.2	Máy phụ	
2.3	Bu lông chân máy chính, chân hộp số	
3	**Thiết bị neo và chằng buộc**	
3.1	Xích neo và bộ phận liên quan	QCVN 64:2015/BGTVT; QCVN 91:2025/BNNMT QCVN 92:2025/BNNMT
3.2	Neo và phụ tùng	
3.3	Chặn xích	
3.4	Tời neo	
3.5	Tời dây	
3.6	Cáp kéo và chằng buộc	
4	**Trang bị hệ cửa và nắp hầm**	
4.1	Nắp hầm (đối tàu kim loại, Composite)	QCVN 64:2015/BGTVT; QCVN 91:2025/BNNMT QCVN 92:2025/BNNMT
4.2	Thiết bị thủy lực	
4.3	Cửa húp lô có nắp thép	
4.4	Cửa mũi, cửa lái, cửa mạn	
4.5	Cửa kín nước	
4.6	Cửa kín thời tiết	
4.7	Cửa chống cháy	
5	**Thiết bị lái và máy lái**	
5.1	Bánh lái	QCVN 64:2015/BGTVT;

5.2	Trục lái	QCVN 91:2025/BNNMT QCVN 92:2025/BNNMT
5.3	Ổ đỡ	
5.4	Đòn lái	
5.5	Bu lông nối liên kết đòn lái	
5.6	Máy lái	
5.7	Thiết bị điện cảnh báo và kiểm soát máy lái	
6	**Bơm, Van và ống**	
6.1	Van dùng cho hệ thống ống cấp I, II, III; van dầu hàng; van an toàn; van phòng sóng (van tự động một chiều), van thông biển, van thoát mạn và van áp suất chân không	QCVN 64:2015/BGTVT; QCVN 91:2025/BNNMT QCVN 92:2025/BNNMT
6.2	Ống cấp I và II	
6.3	Bơm	
6.4	Xi lanh, động cơ, bơm thủy lực	
7	**Nồi hơi, bình áp lực và hệ thống làm lạnh**	
7.1	Nồi hơi	
7.2	Thiết bị sinh hơi (trên 0,35Mpa)	
7.3	Thiết bị dầu nóng và nước nóng (phục vụ hệ động lực)	QCVN 64:2015/BGTVT; QCVN 91:2025/BNNMT QCVN 92:2025/BNNMT
7.4	Thiết bị tự động và an toàn (kiểm soát áp suất, nhiệt độ, mức nước và van an toàn) cung cấp theo từng tàu.	
7.5	Van an toàn	
7.6	Bình chịu áp lực PV-1; PV-2	
7.7	Hệ thống làm lạnh	
7.8	Tủ/hộp kiểm soát và cánh báo của nồi hơi	
8	**Thiết bị điện và tự động**	
8.1	Tổ hợp máy phát	QCVN 64:2015/BGTVT; QCVN 91:2025/BNNMT QCVN 92:2025/BNNMT
8.2	Máy phát	
8.3	Động cơ điện, động cơ phòng nổ	
8.4	Tổ hợp máy phát điện sự cố	
8.5	Bảng điện chính	
8.6	Bảng điện phụ	
8.7	Bảng điện sự cố	
8.8	Bảng nạp và phóng	
8.9	Bàn điều khiển tập trung buồng máy	
8.10	Bàn điều khiển tập trung buồng lái	

8.11	Nguồn cấp, hệ điều khiển và cáp điện	
8.12	Tủ điện điều khiển	
8.13	Tủ/hộp kiểm soát và cánh báo của máy chính/phụ	
8.14	Hệ thống điều khiển từ xa máy chính (kể cả các cảm biến)	
8.15	Thiết bị ngắt mạch chính	
8.16	Thiết bị chuyển đổi điện	
8.17	Tổ hợp bảng khởi động điện	
9	**Trục và thiết bị đẩy**	
9.1	Trục trung gian và ổ đỡ	QCVN 64:2015/BGTVT; QCVN 91:2025/BNNMT QCVN 92:2025/BNNMT
9.2	Trục chân vịt	
9.3	Ống bao trục	
9.4	Ổ đỡ ống bao	
9.5	Chân vịt	
9.6	Hệ đẩy kiểu Z	
9.7	Khớp nối cứng, khớp nối mềm	
9.8	Bu lông nối trục	
9.9	Hệ đẩy khác	
9.10	Chân vịt có bước điều khiển được	
10	**Trang thiết bị cứu sinh**	
10.1	Bè cứu sinh (gồm bè cứng và bơm hơi)	QCVN 64:2015/BGTVT; QCVN 91:2025/BNNMT QCVN 92:2025/BNNMT
10.2	Xuồng cấp cứu	
10.3	Phao bè tự thổi	
10.4	Dụng cụ nổi	
10.5	Thiết bị hạ (gồm cần hạ, tời, puly, cơ cấu nhả và dây)	
10.6	Phao tròn	QCVN 02-21: 2015/BNNMT TCVN 7283:2008
10.7	Phao áo	QCVN 02-21: 2015/BNNMT TCVN 7282:2008
11	**Phương tiện tín hiệu**	
11.1	Đèn tín hiệu hàng hải	QCVN 02-21: 2015/BNNMT
11.2	Đèn tín hiệu nhấp nháy (chớp)	QCVN 02-21: 2015/BNNMT
11.3	Đèn tín hiệu đánh cá	QCVN 02-21: 2015/BNNMT
11.4	Phương tiện tín hiệu âm thanh	QCVN 02-21: 2015/BNNMT
11.5	Pháo hiệu, vật hiệu	QCVN 02-21: 2015/BNNMT

12	**Trang thiết bị phục vụ khai thác thủy sản**	
12.1	Các loại tời thu, thả lưới	QCVN 64:2015/BGTVT TCVN 8393:2021; TCVN 8394:2012 TCVN 8394:2012
12.2	Máy thu, thả câu	QCVN 64:2015/BGTVT TCVN 10596:2015
12.3	Hệ thống tăng gông	QCVN 64:2015/BGTVT QCVN 91:2025/BNNMT QCVN 92:2025/BNNMT
12.4	Hệ cẩu	
II	**Thiết bị đảm bảo an toàn tại cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá**	
1	Phao neo, buộc tàu cá tại các cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão	QCVN 72: 2014/BGTVT
2	Phao tín hiệu dẫn luồng cho cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão	
3	Đệm chống va cho cầu cảng	QCVN 21:2025/BGTVT QCVN 64:2015/BGTVT

Ghi chú:

(*) Vật liệu, máy móc, trang thiết bị khác chưa có tên trong Phụ lục này thì thực hiện việc kiểm tra theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này.

PHỤ LỤC VII

MẪU THỐNG KÊ TÀU CÁ CÓ CHIỀU DÀI LỚN NHẤT DƯỚI 06 MÉT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

……ngày tháng năm 20

SỐ LIỆU THỐNG KÊ TÀU CÁ CÓ CHIỀU DÀI LỚN NHẤT DƯỚI 06 MÉT THEO THÁNG/QUÝ/NĂM ...

TT	Họ tên chủ tàu	CCCD	Số đăng ký (nếu có)	Thông số cơ bản					Nghề khai thác	Ghi chú
				Lmax	Bmax	D	Ký hiệu máy chính	Công suất (KW)		
I	**Tàu cá**									
1										
2										
….	….									
II	**Bè, mảng**									
1										
2										
..	….									
Tổng cộng										

Người lập

Chủ tịch
(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC VIII

CÁC BIỂU MẪU VỀ ĐĂNG KÝ TÀU CÁ/TÀU CÔNG VỤ THỦY SẢN/TÀU PHỤC VỤ NUÔI TRỒNG THỦY SẢN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

Mẫu số 01.ĐKT. Sổ đăng ký tàu cá/tàu công vụ thủy sản/tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản

Mẫu số 02a.ĐKT. Tờ khai đăng ký tàu cá

Mẫu số 02b.ĐKT. Tờ khai đăng ký tàu tàu công vụ thủy sản

Mẫu số 02c.ĐKT. Tờ khai đăng ký tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản

Mẫu số 03.ĐKT. Giấy chứng nhận xuất xưởng

Mẫu số 04.ĐKT. Giấy chứng nhận cải hoán, sửa chữa tàu

Mẫu số 05.ĐKT. Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản

Mẫu số 06.ĐKT. Sổ danh bạ thuyền viên tàu cá

Mẫu số 07.ĐKT. Tờ khai đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản

Mẫu số 08.ĐKT. Tờ khai đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu cá, tàu công vụ thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản

Mẫu số 09.ĐKT. Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu cá, tàu công vụ thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản

Mẫu số 10.ĐKT. Tờ khai xóa đăng ký

Mẫu số 11.ĐKT. Biên bản xác minh tình trạng tàu cá xóa đăng ký

Mẫu số 12.ĐKT. Biên bản xác nhận tình trạng tàu cá chìm đắm không thể trục vớt

Mẫu số 13.ĐKT. Giấy chứng nhận xóa đăng ký

Mẫu số 01.ĐKT

MẪU SỐ ĐĂNG KÝ

TÀU CÁ, TÀU CÔNG VỤ THỦY SẢN, TÀU PHỤC VỤ NUÔI TRỒNG THỦY SẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SỐ ĐĂNG KÝ TÀU CÁ/TÀU CÔNG VỤ THỦY SẢN/TÀU PHỤC VỤ NUÔI TRỒNG THỦY SẢN[(1)]

(Tên cơ quan quản lý thủy sản: .....)

Số sổ: .....

---

[1] *Gạch hoặc xóa bỏ chỗ không phù hợp.*

Số:…..

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên tàu:…… Hô hiệu:……

Chủ tàu:……. Công dụng (nghề):……

Nơi thường trú:……

Họ tên, địa chỉ và giá trị cổ phần của từng chủ sở hữu

(Đối với tàu thuộc sở hữu nhiều chủ)

TT	Họ và tên	Địa chỉ	Chứng minh nhân dân/căn cước công dân	% gía trị cổ phần

Số đăng ký…..…. Ngày đăng ký…..……

Đơn vị đăng kiểm..... .....

Nghề: Chính: ..... Kiêm:.....

II. ĐẶC ĐIỂM KỸ THUẬT CỦA TÀU

Kiểu tàu: ..... Năm đóng: .....

Nơi đóng: .....

Vật liệu vỏ: ..... Cấp tàu: .....

Chiều dài tàu (m): Lmax= ..... Chiều rộng tàu (m): Bmax = ...

Ltk = ... Btk = ...

Chiều cao mạn (m): D = ... Chiều chìm trung bình (m): d =.....

Tổng dung tích (GT): ..... Trọng tải toàn phần (tấn): .....

Tốc độ tự do, (hl/h)…… Số lượng thuyền viên, *người*……

Số lượng hầm cá : ..... Hệ thống bảo quản sản phẩm: .....

Máy chính

Số lượng máy: ..... Tổng công suất (*kW*): .....

* Máy 1: Ký hiệu: Số máy: Công suất *(kW)* Năm sản xuất:

* Máy 2: Ký hiệu: Số máy: Công suất *(kW)* Năm sản xuất:

* Máy 3: Ký hiệu: Số máy: Công suất *(kW)* Năm sản xuất:

Máy phụ: Ký hiệu:…….....; Số máy….....……;

Công suất (*kW)*……; Năm sản xuất:.....

Thời hạn đăng ký: ……..

……, ngày tháng năm ...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(ký tên, đóng dấu)

NGƯỜI LẬP

XÓA ĐĂNG KÝ

Ngày xóa đăng ký: .....

Lý do xóa đăng ký: .....

Mẫu số 02a.ĐKT

MẪU TỜ KHAI ĐĂNG KÝ TÀU CÁ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ TÀU CÁ

Kính gửi: .....

Họ tên người đứng khai:.....……..

Thường trú tại: .....…….

Số CCCD/CC:…….....……

Số điện thoại:……..

Đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá với nội dung sau:

1. Đặc điểm cơ bản của tàu như sau:

Tên tàu: ….....; Công dụng (nghề):….....

Năm, nơi đóng: ….....

Cảng đăng ký: ….....

Thông số cơ bản của tàu (m): Lmax =…....…; Bmax =…...…..; D =…….

Ltk =……..; Btk…=…….....; d =…....…….

Vật liệu vỏ: ….....; Tổng dung tích (GT): ….....

Trọng tải toàn phần, *(DW):* ….....Số thuyền viên,*người*….....

Nghề kiêm (nếu có):….....

Vùng hoạt động:….....

Máy chính:

TT	Ký hiệu máy	Số máy	Công suất định mức, *kW*	Vòng quay định mức, *rpm*	Ghi chú

2. Họ tên, địa chỉ của từng chủ sở hữu (*Nếu tàu thuộc sở hữu nhiều chủ*)

TT	Họ và tên	Địa chỉ	Chứng minh nhân dân/căn cước công dân

Tôi xin cam đoan sử dụng tàu đúng nội dung đã đăng ký và chấp hành đúng các quy định của pháp luật Nhà nước.

ĐẠI DIỆN CHỦ TÀU
(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 02b.ĐKT

MẪU TỜ KHAI ĐĂNG KÝ TÀU CÔNG VỤ THỦY SẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ TÀU CÔNG VỤ THỦY SẢN

Kính gửi: .....

Cơ quan/tổ chức:.....

Địa chỉ: .....

Người đại diện:……......., Chức vụ:.....…

Số điện thoại:……..

Đề nghị đăng ký tàu công vụ thủy sản có các đặc điểm cơ bản:

Tên tàu: ….....; Công dụng:….....

Năm, nơi đóng: ….....

Thông số cơ bản của tàu (m): Lmax =…....…; Bmax =…...…..; D =…….

Ltk =……..; Btk…=…….....; d =…....…….

Vật liệu vỏ: ….....; Tổng dung tích (GT): ….....

Trọng tải toàn phần, *(DW):* ….....; Vùng hoạt động:….....

Máy chính:

TT	Ký hiệu máy	Số máy	Công suất định mức, *kW*	Vòng quay định mức, *rpm*	Ghi chú

Đề nghị …….. xem xét, cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu công vụ thủy sản theo quy định./.

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN/TỔ CHỨC
(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 02c.ĐKT

MẪU TỜ KHAI ĐĂNG KÝ ĐỐI VỚI TÀU PHỤC VỤ NUÔI TRỒNG THỦY SẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ TÀU PHỤC VỤ NUÔI TRỒNG THỦY SẢN

Kính gửi: .....

Họ tên người đứng khai:.....

Thường trú tại: .....

Số CCCD/CC:.....…….

Số điện thoại:……..

Đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản với nội dung sau:

1. Đặc điểm cơ bản của tàu

- Tên tàu: ….....

- Công dụng:….....….....

- Chủ tàu(*): …….

- Khu vực nuôi trồng thủy sản: …....., theo giấy phép số: ……., ngày …… Do ……..……cấp.

Thông số cơ bản của tàu (m): Lmax=…....…; Bmax=…...…..; D=……

Ltk =……..; Btk…=……....; d=…....…

Vật liệu vỏ: ….....; Tổng dung tích (GT): ….....

Trọng tải toàn phần, *(DW):* ….....Số thuyền viên, *người*….....

- Máy chính:

TT	Hãng/nước sản xuất	Ký hiệu máy	Số máy	Công suất định mức, *kW*	Vòng quay định mức, *rpm*

2. Nguồn gốc tàu(**) *(ghi rõ tên, địa chỉ cơ sở nơi tàu được đóng mới hoặc tên địa chỉ chủ tàu bán, tặng, cho nếu tàu được mua, nhận tặng cho. Ghi rõ năm đóng mới, cải hoán hoặc mua, nhận tặng cho)*: ……...

……

……. …….

……

- Hồ sơ kèm theo (nếu có), gồm:

□ Giấy tờ mua bán theo quy định của pháp luật.

□ Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký cũ (đối với trường hợp mua, nhận tặng cho).

- Các giấy tờ hợp pháp khác

.....

.....

- Hiện tại tàu thuộc sở hữu của ..... và không có tranh chấp với bất cứ tổ chức cá nhân nào về quyền sở hữu.

3. Tôi xin cam đoan

a) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung đã khai.

b) Chấp hành đúng các quy định của pháp luật về khai thác, bảo vệ nguồn lợi thủy sản, không sử dụng tàu để tham gia hoạt động khai thác thủy sản./.

CHỦ TÀU

(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

(*) Là chủ cơ sở nuôi,

(**) Áp dụng đối với tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản đang hoạt động chưa đăng ký.

Mẫu số 03.ĐKT

MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN XUẤT XƯỞNG

CƠ SỞ ĐÓNG TÀU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /GCNXX

……, ngày… tháng … năm 20..

GIẤY CHỨNG NHẬN XUẤT XƯỞNG

Tên sản phẩm:…….....

Nơi đóng:…….....

Địa chỉ:…….....

Năm đóng:…….....

Ký hiệu thiết kế:…….....

Đơn vị thiết kế thiết kế:…….....

Cơ sở đăng kiểm: .....

Thông số cơ bản của tàu: Lmax=……; Bmax=……..; D=……

Ltk =……...; Btk...=….....; d=……

Vật liệu vỏ:……; cấp tàu:……...……

Công dụng (nghề): .....

Máy chính:

TT	Ký hiệu máy	Số máy	Công suất (kW)	Năm chế tạo	Nơi chế tạo

Đã hoàn thành việc đóng mới, đủ điều kiện xuất xưởng./.

CƠ SỞ ĐÓNG TÀU
(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 04.ĐKT

MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN CẢI HOÁN, SỬA CHỮA TÀU

CƠ SỞ ĐÓNG TÀU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /GCNXX

……, ngày…tháng…năm…

GIẤY CHỨNG NHẬN CẢI HOÁN, SỬA CHỮA TÀU

Tên sản phẩm:……

Nơi cải hoán, sửa chữa:……

Địa chỉ:……

Thời gian thực hiện: từ ngày ... tháng ... năm.. đến ngày ... tháng ...năm…

Ký hiệu thiết kế:…….

Đơn vị thiết kế:……..

Cơ sở đăng kiểm phê duyệt thiết kế: ……...……

Thông số cơ bản trước cải hoán/sửa chữa (m):

Lmax=……; Bmax=……..;

D=…… Ltk =……...; Btk...=….....; d=…….....

Vật liệu vỏ:……, Cấp tàu:……

Công dụng (nghề): .....

Máy chính:

TT	Ký hiệu máy	Số máy	Công suất (kW)	Năm chế tạo	Nơi chế tạo

Thông số cơ bản sau cải hoán/ sửa chữa (m):

Lmax=……; Bmax=…….;

D=…… Ltk =……...; Btk...=….....; d=……...

Vật liệu vỏ:……, Cấp tàu:…….

Công dụng (nghề): .....

Máy chính:

TT	Ký hiệu máy	Số máy	Công suất (kW)	Năm chế tạo	Nơi chế tạo

Đã hoàn thành việc cải hoán/ sửa chữa, đủ điều kiện xuất xưởng./.

CƠ SỞ ĐÓNG TÀU
(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 05.ĐKT

MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ TÀU CÁ/TÀU CÔNG VỤ THỦY SẢN
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom – Happiness

N0 ……

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ
TÀU CÁ/ TÀU CÔNG VỤ THỦY SẢN/TÀU PHỤC VỤ NUÔI TRỒNG THỦY SẢN(*)

REGISTRATION CERTIFICATE OF FISHING VESSEL/SHIPS DUTY FISHERIES/ *SHIPS SERVING AQUACULTURE* (*)

.....(**).....

Chứng nhận tàu cá/tàu công vụ thủy sản(*) có các thông số dưới đây đã được đăng ký vào Sổ Đăng ký tàu cá Việt Nam:

Hereby certifies that the fishing vessel/Ships duty fisheries/ships serving aquaculture (*) with the following specifications has been registered into The Vietnam National Vessel Registration Book:

Tên tàu: *Name of Vessel*	Hô hiệu: *Signal Letters*
Chủ tàu: *Vessel owner*	Nơi thường trú: *Residential Address*
Số CCCD/CC/ĐKKD *Identity card*	Công dụng (nghề): *Used for (fishing gear)*
Tổng dung tích, GT: *Gross Tonnage*	Trọng tải toàn phần (DW): tấn *Dead weight*
Chiều dài Lmax, m: *Length overal*	Chiều rộng Bmax, m: *Breadth overal*
Chiều dài thiết kế Ltk, m: *Length*	Chiều rộng thiết kế Btk, m: *Breadth*
Chiều cao mạn D, m: *Draught*	Chiều chìm d, m: *Depth*
Kiểu tàu: *Type of Vessel*	Tốc độ tự do hl/h: *Speed*

Năm và nơi đóng:
Year and Place of Build

Vật liệu vỏ:
Materials

Số lượng máy:
Number of Engines

Tổng công suất (kW):
Total power

Ký hiệu máy *Type of machine*	Số máy *Number engines*	Công suất (kW) *Power*	Năm và nơi chế tạo *Year and place of manufacture*
.....	.....	.....	.....

Cảng đăng ký:
Port Registry

Cơ sở đăng kiểm tàu cá:
Register of Vessels

Số đăng ký:
Number or registry

Giấy chứng nhận này có hiệu lực đến(***):…
This certificate is valid until

Cấp tại …, ngày ….tháng…năm…….
Issued at… Date

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN ĐĂNG KÝ TÀU
(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

THÔNG TIN VỀ CHỦ SỞ HỮU TÀU(****)

TTT	Họ và tên	Địa chỉ	Chứng minh nhân dân/căn cước công dân	Tỷ lệ cổ phần (%)

Ghi chú (note):

(*) Xóa bỏ chỗ không phù hợp (Remove the wrong place).

(**) Cơ quan quản lý thủy sản của tỉnh là Chi cục có quản lý về thủy sản (the provincial fisheries management agency is the Sub-department of Fisheries);Cơ quan quản lý thủy sản trung ương là Cục Thủy sản và Kiểm ngư (the central fisheries management agency is the Department of Fisheries and Surveillance).

(***) Ghi thời hạn theo thời hạn thuê tàu trần đối với trường hợp thuê tàu trần, không thời hạn đối với các trường hợp khác.

(****) Đối với trường hợp tàu thuộc sở hữu nhiều chủ.

Mẫu số 06[13]

MẪU SỔ DANH BẠ THUYỀN VIÊN TÀU CÁ/ TÀU NUÔI TRỒNG THỦY SẢN ĐIỆN TỬ

(Kèm theo Thông tư số 02/TT-BNNMT ngày 01 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

1. Mặt ngoài của giao diện

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SỔ DANH BẠ
THUYỀN VIÊN TÀU CÁ/TÀU NUÔI TRỒNG THỦY SẢN ĐIỆN TỬ*

Số đăng ký: ……..
Chủ tàu:……

Số sổ:**.....**

Năm…….

** Sổ Danh bạ thuyền viên điện tử thay thế nội dung quản lý danh sách thuyền viên tại cảng và tại trạm kiểm soát Biên phòng trong phần mềm eCDT và Sổ danh bạ thuyền viên bản giấy để kiểm soát danh sách thuyền viên tại cảng và tại trạm kiểm soát Biên phòng.*

[13] Mẫu này được thay thế theo quy định tại khoản 9 Điều 4 của Thông tư số 33/2026/TT-BNNMT, có hiệu lực thi hành từ ngày 19 tháng 9 năm 2026.

2. Danh sách đăng ký thuyền viên (trang thứ hai của giao diện)

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số định danh cá nhân	Chức danh	Số văn bằng/Chứng chỉ	Ghi chú
1						
2						
3						
…						
…						

Trạm kiểm soát Biên phòng …… **Đồn Biên phòng** …….

Vào lúc ….. giờ …. phút, Ngày ..... tháng …... năm ……..…..

Đã kiểm tra tàu và xác nhận trên Hệ thống truy xuất nguồn gốc khai thác thủy sản điện tử (nội dung liên quan đến Sổ Danh bạ thuyền viên tàu cá/tàu nuôi trồng thủy sản điện tử) những thông tin sau:

1. Về hồ sơ giấy tờ của tàu khi qua Trạm Biên phòng, gồm: Giấy đăng ký, Giấy phép khai thác, Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá (nếu có): phù hợp theo quy định pháp luật.

2. Về thuyền viên trên tàu: phù hợp với thông tin trên Sổ Danh bạ thuyền viên tàu cá/tàu nuôi trồng thủy sản điện tử.

3. Về sản phẩm khai thác thủy sản trên tàu: không/có.

4. Về trang thiết bị an toàn, tình trạng hoạt động của thiết bị giám sát hành trình đối với tàu cá từ 15 mét trở lên; đánh dấu tàu cá; kẻ, viết số đăng ký: phù hợp theo quy định pháp luật.

Đủ/không đủ điều kiện để xuất/nhập qua trạm (nhấn nút đồng ý cho qua hoặc không đồng ý cho qua Trạm).

Lưu ý:

1. Số lượng, chức danh thuyền viên do chủ tàu quyết định nhưng phải đảm bảo định biên an toàn tối thiểu tàu cá theo quy định (chưa áp dụng đối với tàu nuôi trồng thủy sản).

2. Khi có sự thay đổi thuyền viên trên tàu cá, chủ tàu/thuyền trưởng xóa tên, thông tin của thuyền viên rời tàu, điền tên và thông tin của thuyền viên mới vào Danh sách đăng ký thuyền viên.

3. Trước tối thiểu 1 giờ khi tàu đi qua Trạm Biên phòng, Chủ tàu/thuyền trưởng gửi Sổ Danh bạ thuyền viên tàu cá/tàu nuôi trồng thủy sản điện tử đến Trạm Biên phòng để yêu cầu được xuất/nhập qua Trạm thông qua môi trường mạng.

4. Khi tàu đi qua Trạm, cán bộ chức năng của Trạm Biên phòng rà soát các giấy tờ liên quan đến tàu trên Cơ sở dữ liệu nghề cá quốc gia (Vnfishbase) và kiểm tra thuyền viên, trang thiết bị, đánh dấu tàu cá/ tàu nuôi trồng thủy sản trên thực tế. Nếu các thông tin trùng khớp, đáp ứng được yêu cầu về phương tiện, con người, sản phẩm thủy sản thì cập nhật các thông tin và nhấn nút cho phép tàu qua trạm.

Mẫu số 07.ĐKT

MẪU TỜ KHAI ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ TÀU CÁ/TÀU CÔNG VỤ THỦY SẢN/TÀU PHỤC VỤ NUÔI TRỒNG THỦY SẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

TỜ KHAI ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ TÀU CÁ/ TÀU CÔNG VỤ THỦY SẢN/TÀU PHỤC VỤ NUÔI TRỒNG THỦY SẢN(*)

Kính gửi: .....

Họ tên người khai:.....

Thường trú tại: .....

Số CCCD/CC:…….....…

Số điện thoại:……..

Đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá/tàu tàu công vụ thủy sản/tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản(*) với nội dung sau:

1. Đặc điểm cơ bản của tàu:

Tên tàu: .....; Số đăng ký:…….....

Năm, nơi đóng:.....

Nơi đăng ký:.....

Công dụng: ……

Thông số cơ bản của tàu: Lmax =……; Bmax =……..; D =…….

Ltk =……..; Btk...=….....; d=……

Vật liệu vỏ: .....; Tổng dung tích (GT): .....

Trọng tải toàn phần, *tấn:* .....Số thuyền viên,*người*.....

Nghề chính(**): .....Nghề kiêm (nếu có):.....

Vùng hoạt động:.....

Máy chính:

TT	**Ký hiệu máy**	**Số máy**	**Công suất định mức,** *kW*	**Vòng quay định mức**, *rpm*	**Ghi chú**

2. Họ tên, địa chỉ của từng chủ sở hữu (*Nếu tàu thuộc sở hữu nhiều chủ*)(***):

TT	Họ và tên	Địa chỉ	Chứng minh nhân dân/ Căn cước công dân	Giá trị cổ phần

3. Lý do đề nghị cấp lại: .....

Tôi xin cam đoan những nội dung nêu trên là đúng sự thật.

ĐẠI DIỆN CHỦ TÀU
(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú: (*) Gạch hoặc xóa bỏ chỗ không phù hợp,

(**) Áp dụng đối với tàu cá,

(***) Không áp dụng đối với tàu công vụ thủy sản

Mẫu số 08.ĐKT

MẪU TỜ KHAI ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ TẠM THỜI TÀU CÁ/TÀU CÔNG VỤ THỦY SẢN/TÀU PHỤC VỤ NUÔI TRỒNG THỦY SẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom – Happiness

TỜ KHAI ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ TẠM THỜI TÀU CÁ/TÀU CÔNG VỤ THỦY SẢN/TÀU PHỤC VỤ NUÔI TRỒNG THỦY SẢN(*)

Declaration for temporary registration of fishing vessel/ships duty fisheries/ships serving aquaculture (*)

Kính gửi: (Tên cơ quan có thẩm quyền cấp đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản)(**)

To:(Name of competent authority registration of fishing vessel, ships duty fisheries, ships serving aquaculture)

Người đề nghị:.....

Applicant

Nơi thường trú: .....

Residential Address:

Số CCCD/CC:…….....

Identity card:……..

Số Giấy chứng nhận xóa đăng ký tàu cá……Cơ quan cấp……

Number of certificate of deregistration of fishing vessel……Granting agencies……

Mã số doanh nghiệp (nếu có):……..

Business code (if any):……

Đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu cá/tàu công vụ thủy sản/tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản(*) với nội dung dưới đây:

Kindly for temporary registration of fishing vessel/ships duty fisheries/ships serving aquaculture (*)with the following particulars:

1. Các thông số kỹ thuật cơ bản của tàu:

Basic specifications of ship

Tên tàu: ..... Hô hiệu:.....

Name of Vessel *Call sign*

Kiểu tàu: ..... Vật liệu:.....

Type of Vessel *Materials*

Công dụng/nghề: .....

Used for/fishing gears

Năm và nơi đóng .....

Year and Place of Build

Chiều dài lớn nhất Lmax ……	Chiều dài thiết kế Ltk ……
Length overall	*Length*
Chiều rộng lớn nhất Bmax ……	Chiều rộng thiết kế Btk ……
Breadth overall	*Breadth*
Chiều cao mạn D ……	Chiều chìm d ……
Draught	*Depth*
Tổng dung tích:	Trọng tải toàn phần: .....
Gross tonage (GT)	*Deadweight (DW)*
Số lượng máy ……	Tổng công suất……
Number of engines	*Total Power*

Kiểu máy *Type*	**Số máy** *Number*	**Công suất** *Power*	**Năm và nơi chế tạo** *Year and place of manufacture*

2. Họ tên, địa chỉ và giá trị cổ phần của từng chủ sở hữu (*Nếu tàu thuộc sở hữu nhiều chủ*):

The name, address and value of shares of each ownership

TT	Họ và tên *Full name*	Địa chỉ *Address*	Chứng minh nhân dân *Identification card*	Gía trị cổ phần *Equity value*

3. Lý do xin đăng ký tạm thời tàu: .....

Reasons to temporary registration of ship

Tôi xin cam đoan sử dụng tàu đúng nội dung đã đăng ký và chấp hành đúng các quy định của pháp luật Nhà nước.

I pledge to use the vessel in accordance with the registered content and strictly comply with the provisions of the law of the Vietnammese.

....., ngày .... tháng .... năm .....
Date.....

CHỦ TÀU
Shipowner
((Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)
(sign, full name and stamp)

Ghi chú (note):

** Xóa bỏ chỗ không phù hợp (Remove the wrong place).** Cơ quan quản lý thủy sản của tỉnh là Chi cục có quản lý về thủy sản (the provincial fisheries management agency is the Sub-department of Fisheries);Cơ quan quản lý thủy sản trung ương là Cục Thủy sản và Kiểm ngư (the central fisheries management agency is the Department of Fisheries and Surveillance).*

Mẫu số 09.ĐKT

MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ TẠM THỜI TÀU CÁ/TÀU CÔNG VỤ THỦY SẢN/TÀU PHỤC VỤ NUÔI TRỒNG THỦY SẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom – Happiness

N0 ……

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ TẠM THỜI TÀU CÁ/ TÀU CÔNG VỤ THỦY SẢN/TÀU PHỤC VỤ NUÔI TRỒNG THỦY SẢN(*)

Certificate of temporary registration of import Fishing Vessel/ Ships duty fisheries/Ships serving aquaculture (*)

.....(**).....

Chứng nhận tàu cá có các thông số dưới đây đã được đăng ký:

Hereby certifies that the fishing vessel/Ships duty fisheries(*) with the following specifications has been temporarily registered

Tên tàu:	Hô hiệu:
Name of Vessel	*Signal Lelters*
Chủ tàu:	Nơi thường trú:
Vessel owner	*Residential Address*
Số CCCD/CC/ĐKKD	Công dụng (nghề):
Identity card	*Used for (fishing)*
Tổng dung tích, GT:	Trọng tải toàn phần:
Gross Tonnage	*Dead weight*
Chiều dài Lmax, m:	Chiều rộng Bmax, m:
Length overal	*Breadth overal*
Chiều dài thiết kế Ltk, m:	Chiều rộng thiết kế Btk, m:
Length	*Breadth*
Chiều cao mạn D, m:	Chiều chìm d, m**:**
Draught	*Depth*
Kiểu tàu:	Tốc độ tự do hl/h:
Type of Vessel	*Speed*
Vật liệu vỏ:	Năm và nơi đóng:
Materials	*Year and Place of Build*
Số lượng máy:	Tổng công suất (kW):

Number of Engines *Total power*

Ký hiệu máy *Type of machine*	Số máy *Number engines*	Công suất (kW) *Power*	Năm và nơi chế tạo *Year and place of manufacture*
.....	.....	.....	.....

Nơi đăng ký:
Place Registry
Số đăng ký:
Number or registry

Cơ sở đăng kiểm tàu cá:
Register of Vessels
Giấy chứng nhận này có giá trị đến ngày .....
This certificate is valid until

Cấp tại ..., ngày ....tháng...năm…....Issued at Date
THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN ĐĂNG KÝ TÀU
(Ký tên và đóng dấu)

Ghi chú (note):

** Xóa bỏ chỗ không phù hợp (Remove the wrong place).** Cơ quan quản lý thủy sản của tỉnh là Chi cục có quản lý về thủy sản(Sub-department of Fisheries);Cơ quan quản lý thủy sản trung ương là Cục Thủy sản và Kiểm ngư (the central fisheries management agency is the Department of Fisheries and Surveillance).*

Mẫu số 10.ĐKT

MẪU TỜ KHAI XÓA ĐĂNG KÝ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom – Happiness

TỜ KHAI XÓA ĐĂNG KÝ TÀU CÁ/ TÀU CÔNG VỤ THỦY SẢN/TÀU PHỤC VỤ NUÔI TRỒNG THỦY SẢN(*)

Kính gửi: …….(1)……

Đề nghị xóa đăng ký...(2)... với các thông số dưới đây kể từ ngày .../.../20..

Kindly deregister the with the following particulars from date ……

Tên ……..(3)..... Hô hiệu/số IMO: .....

Name *Call sign/IMO number*

Chủ sở hữu *(tên, địa chỉ và tỉ lệ sở hữu)*: .....

Shipowner (name, address and ratio of ownership)

Người đề nghị xóa đăng ký (tên, địa chỉ): .....

Applicant (name, address)

Nơi đăng ký: .....

Place of registry

Số đăng ký: .....; Ngày đăng ký: .....

Number of registration *Date of registration*

Cơ quan đăng ký: .....

The Registrar of ship

Lý do xin xóa đăng ký(4) .....

Reasons to deregister .....

Date……., ngày ... tháng ... năm…
CHỦ SỞ HỮU
Owner

Ghi chú (Note):

(1) Tên cơ quan đăng ký The ship Registration office

2) Loại phương tiện đăng ký: Tàu cá, tàu công vụ thủy sản

Type of transport facility registration/registry (vessel, public service ship)

(3) Tên phương tiện

Name of transport facility

(4) Ghi rõ lý do xóa đăng ký (phá dỡ, phá hủy, bán, tặng cho, xuất khẩu, ...)

Note the reason to deregister (demolish, destroy, sell, give away, export,...).

(*) Xuất trình kèm theo Giấy chứng nhận đăng ký cũ hoặc nộp bản cam kết nêu rõ lý do trong trường hợp bị mất.

(Please present the old registration certificate or submit a written statement explaining the reason in case of loss).

Mẫu số 11.ĐKT

MẪU BIÊN BẢN XÁC MINH TÌNH TRẠNG TÀU CÁ XÓA ĐĂNG KÝ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

BIÊN BẢN XÁC MINH TÌNH TRẠNG TÀU CÁ XÓA ĐĂNG KÝ

Căn cứ quy định tại Thông tư số …/2025/TT-BNNMT ngày tháng năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Theo đề nghị xóa đăng ký tàu cá tại Tờ khai xóa đăng ký tàu cá ngày ….tháng … năm 20 … của chủ tàu.

Hôm nay, ngày tháng năm ……, chúng tôi gồm có:

Người thực hiện xác minh

1. Đại diện cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản: ……..

2. Đại diện Ủy ban nhân dân xã: …….

3. Chủ tàu cá: …….., số CCCD: ……

Cùng nhau kiểm tra và xác nhận như sau:

1. Tàu cá có đặc điểm cơ bản sau:

Tên tàu: ….....; Công dụng (nghề):….....

Năm, nơi đóng: ….....

Nơi đăng ký: ….....

Thông số cơ bản của tàu (m): Lmax=…....…; Bmax=…...…..; D=……

Ltk =……..; Btk…=…….....; d=…....……

Vật liệu vỏ: ….....;

Tổng dung tích (GT): ….....

Vùng hoạt động:….....

Máy chính:

TT	Ký hiệu máy	Số máy	Công suất định mức, *kW*	Vòng quay định mức, *rpm*

2. Họ tên, địa chỉ của từng chủ sở hữu (*Nếu tàu thuộc sở hữu nhiều chủ*):

TT	Họ và tên	Địa chỉ	Chứng minh nhân dân/căn cước công dân

3. Tình trạng tàu tại thời điểm kiểm tra

a) Phần thân tàu: ……

……

b) Phần máy tàu:

……

……

c) Phần trang thiết bị:

……

……

4. Kết luận:

Tại thời điểm kiểm tra, tàu đã được (phá dỡ, phá hủy, không còn khả năng hoạt động): ……

Họ tên, chữ ký những người có mặt khi kiểm tra:

……

……

……

Biên bản kết thúc vào lúc … ngày tháng năm 20…

CHỦ TÀU	**ĐẠI DIỆN ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ**	**ĐẠI DIỆN CƠ QUAN QUẢN LÝ THỦY SẢN**
(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)	*(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*	*(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

Mẫu số 12.ĐKT

MẪU BIÊN BẢN XÁC NHẬN TÌNH TRẠNG TÀU CÁ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

BIÊN BẢN XÁC NHẬN TÌNH TRẠNG TÀU CÁ CHÌM, ĐẮM DO TAI NẠN KHÔNG THỂ TRỤC VỚT

Hôm nay, ngày tháng năm ……, chúng tôi gồm có:

1. Đại diện cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản: ……..

2. Đại diện Ủy ban nhân dân xã: …….

3. Đại diện Trạm biên phòng: ……

4. Chủ tàu/đại diện chủ tàu: …….., số CCCD: ……

Cùng nhau xác nhận như sau:

1. Tàu cá có đặc điểm cơ bản sau:

Tên tàu: ….....; Công dụng (nghề):….....

Số đăng ký: ……

Nơi đăng ký: ….....

Thông số cơ bản của tàu (m): Lmax=…....…; Bmax=…...…..; D=……

Ltk =……..; Btk…=…….....; d=…....……

Vật liệu vỏ: ….....;

Tổng dung tích (GT): ….....

Vùng hoạt động:….....

Máy chính:

TT	Ký hiệu máy	Số máy	Công suất định mức, *kW*	Vòng quay định mức, *rpm*

2. Họ tên, địa chỉ của từng chủ sở hữu (*Nếu tàu thuộc sở hữu nhiều chủ*):

TT	Họ và tên	Địa chỉ	Chứng minh nhân dân/căn cước công dân

3. Các thông tin khác về tàu (nếu có)

……...

4. Kết luận

Tại thời điểm kiểm tra, tàu đã chìm đắm do tai nạn không thể trục vớt. Họ tên, chữ ký những người có mặt khi kiểm tra:

……

……

……

Biên bản kết thúc vào lúc … ngày tháng năm 20…

CHỦ TÀU/ĐẠI DIỆN CHỦ TÀU	**ĐẠI DIỆN BIÊN PHÒNG**	**ĐẠI DIỆN ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ**	**ĐẠI DIỆN CƠ QUAN QUẢN LÝ THỦY SẢN**
(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)	*(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*	*(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*	*(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

Mẫu số 13.ĐKT

MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN XÓA ĐĂNG KÝ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom – Happiness

GIẤY CHỨNG NHẬN XÓA ĐĂNG KÝ TÀU CÁ/ TÀU CÔNG VỤ THỦY SẢN/TÀU PHỤC VỤ NUÔI TRỒNG THỦY SẢN

Certificate of deregistration of Fishing Vessel/ Ships duty fisheries/Ships serving aquaculture/(*)

……(1) .... Chứng nhận ……..(2)……. có các thông số dưới đây đã được xóa đăng ký trong Sổ đăng ký tàu cá Việt Nam:

……. Hereby certify that the ship with the following particulars has been deregistered from the Viet Nam National ships registration book:

Tên ……...(3)..... Hô hiệu/Số IMO: .....

Name *Call sign/IMO number*

Chủ sở hữu *(tên, địa chỉ, tỉ lệ sở hữu tàu)*: .....

Owner (name, address, ratio of ownership)

Số GCN đăng ký: .....

Number of registration

Ngày đăng ký: .....

Date of registration

Cơ quan đăng ký: .....

The Registrar of ship

Người đề nghị (tên, địa chỉ): .....

Applicant (name, address)

Lý do xóa đăng ký .....(4).....

Reasons to deregister

Ngày có hiệu lực xóa đăng ký: .....

Date of deregist

Số đăng ký: ..... Cấp tại ..... , ngày ….. tháng ….. năm …...

Number of registration *Issued at ……, on .....*

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN ĐĂNG KÝ TÀU
(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)
Full name, signature of duly authorized official

Ghi chú (Note):

(1) Tên cơ quan đăng ký *The ship Registration office*	***(2) Loại tàu đăng ký: Tàu cá, tàu công vụ thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản*** *Type of transport facility registration/registry (Fishing vessel, Ships duty fisheries, Ships serving aquaculture)*
(3) Tên tàu *Name of transport facility*	***(4) Ghi rõ lý do xóa đăng ký*** *Note the reason to deregister*

PHỤ LỤC IX

CÁC CHỮ CÁI VIẾT TẮT TÊN TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

STT	Địa phương	Viết tắt	STT	Địa phương	Viết tắt
1	An Giang	AG	18	Lào Cai	LCa
2	Bắc Ninh	BN	19	Lâm Đồng	LĐ
3	Cao Bằng	CB	20	Lạng Sơn	LS
4	Cà Mau	CM	21	Nghệ An	NA
5	Cần Thơ	CT	22	Ninh Bình	NB
6	Điện Biên	ĐB	23	Phú Thọ	PT
7	Đắk Lắk	ĐL	24	Quảng Ninh	QN
8	Đồng Nai	ĐN	25	Quảng Ngãi	QNg
9	Đà Nẵng	ĐNa	26	Quảng Trị	QT
10	Đồng Tháp	ĐT	27	Sơn La	SL
11	Gia Lai	GL	28	Thanh Hóa	TH
12	TP Hà Nội	HN	29	Tây Ninh	TN
13	Hà Tĩnh	HT	30	Thái Nguyên	TNg
14	Hải Phòng	HP	31	TP Huế	TPH
15	Hưng Yên	HY	32	TP.HCM	SG
16	Khánh Hòa	KH	33	Tuyên Quang	TQ
17	Lai Châu	LC	34	Vĩnh Long	VL

PHỤ LỤC X

SỐ HIỆU TÀU CÔNG VỤ THỦY SẢN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

Đơn vị/Tỉnh	Nhóm ký tự thứ hai
Chi cục Kiểm ngư Vùng I	1xx
Chi cục Kiểm ngư Vùng II	2xx
Chi cục Kiểm ngư Vùng III	3xx
Chi cục Kiểm ngư Vùng IV	4xx
Chi cục Kiểm ngư Vùng V	5xx
Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	xxx

Ghi chú: - xx là số thứ tự của tàu từ số 01 đến 99.

- xxx là số thứ tự của tàu từ số 001 đến 999.

PHỤ LỤC XI

BIỂU MẪU VỀ NHẬP KHẨU TÀU CÁ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

Mẫu số 01.NK. Đơn đề nghị nhập khẩu tàu cá

Mẫu số 02.NK. Quyết định cấp phép nhập khẩu tàu cá

Mẫu số 01.NK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

……., ngày….. tháng .... năm …...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ NHẬP KHẨU TÀU CÁ

Kính gửi: (Tên cơ quan cấp phép)

Người đề nghị (tên cá nhân hoặc tổ chức xin nhập khẩu tàu cá): ……

Số Giấy đăng ký kinh doanh (Thẻ căn cước/Căn cước công dân/mã số định danh cá nhân):…….

Nơi thường trú ……

Nội dung đề nghị và hình thức nhập khẩu tàu cá:

Mua tàu □ Thuê tàu trần □

Kê khai lý lịch của các tàu cá đề nghị nhập khẩu:

Tàu cá số 1:

Tên tàu: …….. ……Vật liệu:……

Kiểu tàu: ……Công dụng: ……

Năm và nơi đóng ……..

Chủ tàu ……. Quốc tịch: …….

Nơi thường trú ……..

Các thông số kỹ thuật cơ bản của tàu cá:

Chiều dài lớn nhất Lmax (m)…… Chiều dài thiết kế Ltk (m)……

Chiều rộng lớn nhất Bmax (m)…… Chiều rộng thiết kế

Chiều cao mạn D (m)…… Btk(m)……

Tổng dung tích……(GT) Chiều chìm d (m)……

Số lượng máy …… Trọng tải ……(DW)

Tổng công suất (kW)……

Kiểu máy	**Số máy**	**Công suất** (kW)	**Năm chế tạo**

Tàu số 2:

…….....

Tàu số 3:

……

Kính đề nghị: (Tên cơ quan cấp phép)……..

Xét duyệt và chấp thuận (tên cá nhân hoặc tổ chức xin nhập khẩu tàu cá): …….

Được phép nhập khẩu các tàu cá (như đã nêu ở trên) để tiến hành hoạt động thủy sản trong vùng biển Việt Nam.

Chúng tôi cam kết thực hiện đầy đủ các quy định pháp luật hiện hành của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

NGƯỜI ĐỀ NGHỊ
(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu/chữ ký số của cơ quan, tổ chức)

Mẫu số 02.NK

CƠ QUAN CẤP TRÊN **CƠ QUAN CẤP PHÉP** -------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------
Số: /QĐ-…	*...., ngày ....tháng .... năm*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cho phép nhập khẩu tàu cá

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP PHÉP

Căn cứ Thông tư số ……/TT-BNNMT ngày .... tháng năm 20… của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định……..;

Căn cứ Quyết định số ……/….. ngày tháng năm 20.. của …….. quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của (Tên cơ quan cấp phép);

Căn cứ hạn ngạch giấy phép khai thác thủy sản;

Xét đơn đề nghị nhập khẩu tàu cá của (tổ chức, cá nhân): ……;

Theo đề nghị của …….

QUYẾT ĐỊNH:

Cho phép (tổ chức, cá nhân) ……được nhập khẩu tàu cá với hình thức sau:

Mua tàu □ Thuê tàu trần □

Tên tàu: .....

Vật liệu: .....

Kiểu tàu: .....

Công dụng: .....

Năm và nơi đóng .....

Các thông số kỹ thuật cơ bản của tàu cá:

Chiều dài lớn nhất Lmax (m)…… Chiều dài thiết kế Ltk (m)……

Chiều rộng lớn nhất Bmax (m)…… Chiều rộng thiết kế Btk

Chiều cao mạn D (m)…… (m)……..……

Tổng dung tích (GT)…… Chiều chìm d (m)……..……

Số lượng máy ……

Trọng tải toàn phần (DW) …… Tổng công suất (kW)

Kiểu máy	**Số máy**	**Công suất** (kW)	**Năm chế tạo**

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP PHÉP

(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu/chữ ký số của cơ quan, tổ chức)

Nơi nhận:
- Như trên;
- Cục Thuỷ sản và Kiểm ngư (để b/c);
- Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng;
- Cục Hải quan;
- UBND cấp xã nơi chủ tàu cá đăng ký hộ khẩu thường trú;
- Lưu: ……..

PHỤ LỤC XII

CÁC BIỂU MẪU CẢNG CÁ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

Mẫu số 01.CC: Đơn đề nghị công bố mở cảng

Mẫu số 02.CC: Quyết định về việc công bố cảng cá

Mẫu số 03.CC: Quyết định về việc công bố đóng cảng cá

Mẫu số 04.CC: Báo cáo rà soát, đề xuất Danh sách cảng cá chỉ định cho tàu cá nước ngoài cập cảng

Mẫu số 05.CC: Báo cáo rà soát, đề xuất Danh sách cảng cá chỉ định cho tàu cá hoạt động ở vùng khơi cập cảng.

Mẫu số 06.CC: Báo cáo rà soát, đề xuất Danh sách cảng cá chỉ định có đủ hệ thống xác nhận nguồn gốc thủy sản từ khai thác.

Mẫu số 01.CC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CÔNG BỐ MỞ CẢNG CÁ

Kính gửi: ……

Tổ chức quản lý cảng cá: …….

Địa chỉ trụ sở:…….

Văn bản thành lập: .....

Số điện thoại:…….Email…… Tần số liên lạc……

Đề nghị được công bố mở cảng cá với các thông tin như sau:

1. Tên cảng cá: …….Loại cảng cá: ……

2. Địa chỉ cảng cá: ……

3. Chiều dài cầu cảng (mét): ……;

4. Tọa độ: Vĩ độ: ……..N; Kinh độ:……..E

5. Độ sâu trước cầu cảng (mét) …….

6. Độ sâu vùng nước đậu tàu (mét):…….

7. Thông tin về luồng vào cảng cá:

- Tọa độ điểm đầu của luồng: Vĩ độ:…….N; Kinh độ: ……E;

- Độ sâu luồng (mét): …….; Chiều rộng luồng (mét):…….

8. Tổng diện tích vùng đất cảng (hecta): ……

9. Tổng diện tích vùng nước cảng (hecta):……..

10. Lượng hàng thuỷ sản (được thiết kế) qua cảng (tấn/năm): ……..

11. Thời gian cảng cá bắt đầu hoạt động (ngày/tháng/năm): ……

12. Hồ sơ gửi kèm theo gồm:

a) ……

b) ……

(Phương án khai thác cảng cá; danh mục các trang thiết bị chủ yếu phục vụ cho bốc dỡ hàng hóa đối với cảng cá loại I, II tại Phụ lục kèm theo đơn này).

Chúng tôi cam đoan và chịu hoàn toàn trách nhiệm về những nội dung trên đây và cam kết thực hiện đầy đủ các quy định về cảng cá và pháp luật khác có liên quan. Đề nghị quý cơ quan xem xét, công bố mở cảng cá.

……, ngày..... tháng.... năm…..
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Phụ lục

(Kèm theo Đơn đề nghị công bố mở cảng cá ngày ... tháng……năm...)

A. PHƯƠNG ÁN KHAI THÁC CẢNG CÁ I. NHIỆM VỤ CẦN THỰC HIỆN

Tổ chức quản lý cảng cá cần bố trí đủ nhân sự thực hiện các nhiệm vụ cơ bản sau:

1. Điều độ, hướng dẫn, sắp xếp phương tiện ra, vào cảng, neo đậu trong vùng nước cảng cá

- Bảo đảm có bộ phận tiếp nhận thông tin tàu cập cảng, lưu trữ thông tin, thông báo cho các bộ phận có liên quan;

- Bảo đảm có bộ phận hướng dẫn tàu cập cảng, bố trí neo đậu, bốc dỡ sản phẩm...

2. Tổ chức thực hiện giám sát sản lượng bốc dỡ qua cảng

- Thu nhận nhật ký, báo cáo khai thác thủy sản của tàu cá vào cảng;

- Trực tiếp giám sát sản lượng bốc dỡ qua cảng, lưu trữ dữ liệu;

- Ghi biểu mẫu thống kê nghề cá thương phẩm; thống kê sản lượng thủy sản qua cảng;

- Tổng hợp, báo cáo; lưu trữ dữ liệu theo quy định……

3. Xác nhận nguồn gốc thủy sản khai thác theo quy định

Cấp giấy biên nhận, cấp Giấy xác nhận nguồn gốc nguyên liệu thủy sản từ khai thác, lưu trữ dữ liệu.... (nếu có).

4. Phối hợp tham gia công tác kiểm tra, giám sát tại cảng cá

- Bố trí văn phòng, trang thiết bị phục vụ công tác kiểm tra, giám sát tại cảng;

- Cung cấp thông tin cho cơ quan thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát tàu cá tại cảng;

- Cử người tham gia kiểm tra, giám sát....

5. Thông tin

Thông tin về tình hình thời tiết trên hệ thống thông tin của cảng cá; tổ chức trực ban và treo tín hiệu cảnh báo khi có thiên tai theo quy định; thông báo danh sách tàu cá, số người trên tàu đang neo đậu tại vùng nước cảng; tổng hợp, báo cáo theo quy định...

6. Duy tu, bảo dưỡng và duy trì điều kiện hoạt động của cảng

Xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện duy tu, bảo dưỡng cơ sở hạ tầng cảng cá đảm bảo an toàn cho người và phương tiện hoạt động trong cảng và các nhiệm vụ khác được phân công....

II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Phân công rõ trách nhiệm của từng bộ phận, cá nhân thuộc tổ chức quản lý cảng cá để thực hiện các nhiệm vụ nêu trên Mục I.

III. NỘI DUNG KHÁC

…..

IV. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN

Định kỳ hàng năm, 5 năm, tổ chức quản lý cảng cá tiến hành đánh giá kết quả thực hiện Phương án đã được phê duyệt, báo cáo các cơ quan có liên quan.

B. DANH MỤC CÁC TRANG THIẾT BỊ CHỦ YẾU PHỤC VỤ CHO BỐC DỠ HÀNG HÓA (ÁP DỤNG ĐỐI VỚI CẢNG CÁ LOẠI I, II)

TT	Tên trang thiết bị	Công suất/ năng lực	Cảng cá Loại ….

1	Cần cẩu cố định hoặc di động		
2	Xe nâng hàng		
3	Băng tải		
4	Xe đẩy hàng		
5	Cầu xe nâng		
6	Phương tiện vận chuyển hàng hóa		
7	Trạm cân		
...	Khác		

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 02.CC

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC CẤP TRÊN **TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC (*)** -------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------
Số: …/QĐ-…..	*…., ngày …. tháng … năm …..*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố mở cảng cá

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THẨM QUYỀN BAN HÀNH (*) ……..

Căn cứ .....

Căn cứ ……

Xét đề nghị của ……

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố mở cảng cá (tên cảng cá): ……

Địa chỉ: ……..

Số điện thoại: …….Email …….Tần số liên lạc……

1. Loại cảng cá *(I, II, III)*: …….

2. Tọa độ vị trí của cảng cá: Vĩ độ: ……N; Kinh độ: ……..E

3. Thông số kỹ thuật của cầu cảng:

a) Cầu cảng số 1:…

+ Vị trí điểm đầu của luồng, độ sâu, chiều rộng luồng vào cầu cảng:….

+ Chiều dài cầu cảng: .....

+ Độ sâu vùng nước trước cầu cảng (mét): ……

+ Độ sâu vùng nước đậu tàu: .....

+ Cỡ, loại tàu cá lớn nhất có thể cập cảng: .....

b) Cầu cảng số…

+ Vị trí điểm đầu của luồng, độ sâu, chiều rộng luồng vào cầu cảng:….

+ Chiều dài cầu cảng: .....

+ Độ sâu vùng nước trước cầu cảng (mét): ……

+ Độ sâu vùng nước đậu tàu: .....

+ Cỡ, loại tàu cá lớn nhất có thể cập cảng: .....

4. Thông tin luồng vào cảng:

- Tọa độ điểm đầu của luồng: Vĩ độ:……..N; Kinh độ: …….E;

- Độ sâu của luồng (mét):…… Chiều rộng luồng (mét):……..

5. Độ sâu vùng nước đậu tàu (mét):…….

6. Tổng diện tích vùng đất cảng (ha): …….

7. Tổng diện tích vùng nước cảng (ha): …….

8. Năng lực bốc dỡ hàng hóa (lượng hàng hóa theo thiết kế (tấn/năm): ……..

9. Thời gian cảng cá bắt đầu hoạt động: ……..

10. Các dịch vụ nghề cá của cảng cá: .....

11. Tên tổ chức quản lý cảng cá (**): ……..

Địa chỉ…….Điện thoại:……..Email:……

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ……..

Điều 3 . ……, …….. *(Tổ chức quản lý cảng cá),* Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Nơi nhận:
- Như Điều…;
- Bộ NN&MT/Cục ……;
- Lưu: VT,….

Ghi chú:

(*) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công bố mở cảng cá loại I và loại II; Ủy ban nhân dân cấp xã công bố mở cảng cá loại III.

(**): Ghi rõ tên tổ chức được giao quản lý cảng cá, trực thuộc cơ quan/đơn vị nào (nếu có).

Mẫu số 03.CC

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC (*)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
-------	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-…..	*……. , ngày ….. tháng ….. năm….*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố đóng cảng cá

CƠ QUAN THẨM QUYỀN BAN HÀNH……

Căn cứ …… . ……..…….

Căn cứ…….…….…….

Xét đề nghị của……..… ……. …….

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố đóng cảng cá: .....

Thuộc xã (phường): ……huyện (quận).....Tỉnh (thành phố)…….....

1. Tên cảng cá:…….....…….

2. Loại cảng cá:……..... ……

3. Địa chỉ:…… ..... …….

4. Vị trí tọa độ của cảng cá:…… ..... ……..

5. Lý do đóng cảng cá:…… .....……..

6. Thời gian bắt đầu đóng cảng cá:…….....……

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày …… ...……

Điều 3……..., Ban quản lý Cảng cá, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này ./.

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

Nơi nhận:
- Như Điều…;……...;
- Lưu: VT,…

(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 04.CC

MẪU BÁO CÁO KẾT QUẢ RÀ SOÁT CẢNG CÁ CHỈ ĐỊNH CHO TÀU CÁ NƯỚC NGOÀI CẬP CẢNG

UBND CẤP TỈNH **TÊN SỞ ……** **-------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------**
Số: …/BC-….	*……., ngày …. tháng …. năm ……*

BÁO CÁO

Rà soát, đề xuất Danh sách cảng cá chỉ định cho tàu cá nước ngoài cập cảng

Kính gửi: ….. ……..

Căn cứ Luật Thủy sản 2017 và Thông tư số ……/2026/TT-BNNMT ngày ……của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Sở ……..... báo cáo, đề xuất danh sách cảng cá chỉ định cho tàu cá nước ngoài cập cảng như sau:

1. Cảng cá đề nghị đưa vào danh sách cảng cá chỉ định cho tàu cá nước ngoài cập cảng:

TT	**Tên cảng cá**	**Cảng cá loại**	**Địa chỉ, số điện thoại**	**Vị trí bắt đầu của luồng vào cảng (vĩ độ - N; kinh độ - E)**	**Độ sâu luồng vào cảng** (mét)	**Tọa độ cảng (vĩ độ - N; kinh độ - E)**	**Độ sâu vùng nước đậu tàu** (mét)	**Cỡ loại tàu lớn nhất có thể cập cảng** (mét)	**Số Quyết định công bố mở cảng**
1									
2									
…									

2. Cảng cá đề nghị đưa ra khỏi danh sách cảng cá chỉ định cho tàu cá nước ngoài cập cảng:

TT	**Tên cảng cá**	**Cảng cá loại**	**Địa chỉ, số điện thoại**	**Số Quyết định công bố danh sách cảng chỉ định**	**Lý do đề nghị đưa ra khỏi danh sách cảng chỉ định**
1					
2					
…					

Sở ……..... đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh công bố.

GIÁM ĐỐC

(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Nơi nhận:
- Như trên;
- Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Lưu: …….

Mẫu số 05.CC

MẪU BÁO CÁO KẾT QUẢ RÀ SOÁT CẢNG CÁ CHỈ ĐỊNH CHO TÀU CÁ HOẠT ĐỘNG VÙNG KHƠI CẬP CẢNG

UBND CẤP TỈNH **TÊN SỞ ……..** -------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------
Số: …/BC-….	*……, ngày …. tháng …. năm ……*

BÁO CÁO

Rà soát, đề xuất Danh sách cảng cá chỉ định cho tàu cá hoạt động ở vùng khơi cập cảng

Kính gửi: ……...

Căn cứ Luật Thủy sản 2017 và Thông tư số ……/2026/TT-BNNMT ngày ……của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Sở . ……..báo cáo, đề xuất danh sách cảng cá chỉ định cho tàu cá hoạt động ở vùng khơi cập cảng như sau:

1. Cảng cá đề nghị đưa vào danh sách cảng cá chỉ định cho tàu cá hoạt động ở vùng khơi cập cảng:

TT	**Tên cảng cá**	**Cảng cá loại**	**Địa chỉ, số điện thoại**	**Vị trí bắt đầu của luồng vào cảng (vĩ độ - N; kinh độ - E)**	**Độ sâu luồng vào cảng** (mét)	**Tọa độ cảng (vĩ độ - N; kinh độ - E)**	**Độ sâu vùng nước đậu tàu** (mét)	**Cỡ loại tàu lớn nhất có thể cập cảng** (mét)	**Số Quyết định công bố mở cảng**
1									
2									
…									

2. Cảng cá đề nghị đưa ra khỏi danh sách cảng cá chỉ định cho tàu cá hoạt động ở vùng khơi cập cảng:

TT	**Tên cảng cá**	**Cảng cá loại**	**Địa chỉ, số điện thoại**	**Số Quyết định công bố danh sách cảng chỉ định**	**Lý do đề nghị đưa ra khỏi danh sách cảng chỉ định**
1					
..	…				

Sở ……..... đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh bộ công bố.

GIÁM ĐỐC

(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Nơi nhận:
- ……;
- Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- …….

Mẫu số 06.CC

MẪU BÁO CÁO KẾT QUẢ RÀ SOÁT CẢNG CÁ CHỈ ĐỊNH CÓ ĐỦ HỆ THỐNG XÁC NHẬN NGUỒN GỐC THỦY SẢN TỪ KHAI THÁC

[UBND CẤP TỈNH] **[TÊN SỞ …….]** **-------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------**
Số: ...../BC-.....	*....., ngày ... tháng ... năm 20...*

BÁO CÁO

Kết quả rà soát cảng cá chỉ định có đủ hệ thống xác nhận nguồn gốc thủy sản từ khai thác

Kính gửi: .....

Căn cứ Luật Thủy sản 2017 và Thông tư số ……/2026/TT-BNNMT ngày ……của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Sở ……. báo cáo kết quả rà soát cảng cá chỉ định có đủ hệ thống xác nhận nguồn gốc thủy sản từ khai thác như sau:

1. Cảng cá đề nghị đưa vào danh sách cảng cá chỉ định:

TT	Tên cảng cá	Cảng cá loại	Địa chỉ	Điện thoại	Số quyết định công bố mở cảng	Ghi chú
1						
2						
...						

2. Cảng cá đề nghị đưa ra khỏi danh sách cảng cá chỉ định: *(Đối với cảng cá không đảm bảo đủ hệ thống xác nhận nguồn gốc thủy sản từ khai thác)*

TT	Tên cảng cá	Cảng cá loại	Địa chỉ	Điện thoại	Lý do đề nghị đưa ra khỏi danh sách cảng chỉ định	Ghi chú
1						
2						
...						

GIÁM ĐỐC
(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Nơi nhận:
- Như trên;
- Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Lưu:

PHỤ LỤC XIII

CÁC BIỂU MẪU BÁO CÁO

(Ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

Mẫu số 01.BC: Báo cáo tình hình đăng ký tàu cá

Mẫu số 02.BC: Mẫu báo cáo tình hình hoạt động của cảng cá

Mẫu số 03a.BC: Sổ quản lý kỹ thuật tàu cá

Mẫu số 03b.BC: Sổ quản lý kỹ thuật tàu công vụ thủy sản

Mẫu số 04.BC: Báo cáo kết quả thẩm định hồ sơ thiết kế tàu cá, tàu công vụ thuỷ sản

Mẫu số 05.BC: Báo cáo tình hình đăng kiểm tàu cá, tàu công vụ thuỷ sản theo định kỳ, đột xuất

Mẫu số 06.BC: Báo cáo tình hình đóng mới, cải hoán tàu cá, theo định kỳ, đột xuất.

Mẫu số 01.BC

MẪU BÁO CÁO TÌNH HÌNH ĐĂNG KÝ TÀU CÁ

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

……ngày tháng năm 20

BÁO CÁO TÌNH HÌNH ĐĂNG KÝ TÀU CÁ/ THÁNG……

TT	Nhóm tàu	Tổng số tàu	Số lượng tàu cá theo nghề							Tàu phục vụ NTTS	Tổng số tàu cá đã đăng ký (đến thời điểm báo cáo)	Ghi chú
			Kéo	Vây	Rê	Câu	Chụp	Hậu cần	Khác			
1	Lmax < 6m											
2	Lmax từ 6 ÷ < 12m											
3	Lmax từ 12 ÷ < 15m											
4	Lmax từ 15 ÷ < 20m											
5	Lmax từ 20 ÷ < 24m											
6	Lmax từ 24 ÷ < 30m											
7	Lmax từ ≥ 30m											
Tổng cộng												

Người lập

Thủ trưởng đơn vị
(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 02.BC

MẪU BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CẢNG CÁ

UBND CẤP TỈNH
TÊN SỞ ....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: …/BC-….

……, ngày …. tháng …. năm ……

BÁO CÁO

Tình hình hoạt động của cảng cá tháng/quý/năm ……

TT	Tên, loại cảng cá	Địa chỉ	Điều độ, hướng dẫn, sắp xếp phương tiện ra, vào cảng, neo đậu trong vùng nước cảng cá		Tổ chức thực hiện giám sát sản lượng bốc dỡ qua cảng			Phối hợp tham gia công tác kiểm tra, giám sát tại cảng cá		Duy tu, bảo dưỡng và duy trì điều kiện hoạt động của cảng			
			Bộ phận tiếp nhận thông tin tàu cập cảng, lưu trữ thông tin, thông báo cho các bộ phận có liên quan (người)	Bộ phận hướng dẫn tàu cập cảng, bố trí neo đậu, bốc dỡ sản phẩm (người)	Bộ phận thu nhận nhật ký, báo cáo khai thác thủy sản của tàu cá vào cảng (người)	Bộ phận trực tiếp giám sát sản lượng bốc dỡ qua cảng (người)	Bộ phận ghi biểu mẫu thống kê nghề cá thương phẩm; thống kê sản lượng thủy sản qua cảng, lưu trữ dữ liệu (người)	Văn phòng, trang thiết bị phục vụ công tác kiểm tra, giám sát tại cảng (diện tích, tên thiết bị, số lượng)	Duy trì cung cấp thông tin cho cơ quan thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát tàu cá tại cảng (có/không)	Có kế hoạch, tổ chức thực hiện duy tu, bảo dưỡng cơ sở hạ tầng cảng cá (tên, số văn bản)	Cơ sở hạ tầng (nhà điều hành, cầu cảng, vùng đất cảng, khu vực neo đậu tàu)	Cơ sở sản xuất, kinh doanh trên vùng đất cảng (số lượng, hình thức KD, tổ chức cho thuê)	Hệ thống thu gom, xử lý nước thải, chất thải; phòng chống cháy nổ
1													
2													

Người lập

Thủ trưởng đơn vị
(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 03a.BC

MẪU SỔ QUẢN LÝ KỸ THUẬT TÀU CÁ

SỔ QUẢN LÝ KỸ THUẬT TÀU CÁ

CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ.....

QUY ĐỊNH VỀ VIỆC SỬ DỤNG SỔ

- Sổ quản lý kỹ thuật tàu cá này được lập trên cơ sở hồ sơ kỹ thuật của tàu, các trang thiết bị lắp đặt trên tàu và kết quả giám sát kỹ thuật của Đăng kiểm tàu cá trong đóng mới lần đầu. Các thông số kỹ thuật thoả mãn các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tàu cá và các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật có liên quan.
- Trạng thái kỹ thuật của tàu theo chu kỳ phải được Đăng kiểm viên xác nhận vào sổ này.
- Sổ quản lý kỹ thuật tàu cá dùng để theo dõi suốt đời mỗi con tàu.Những thay đổi (nếu có) của tàu và các trang thiết bị lắp đặt trên tàu phải được Đăng kiểm tàu cá kiểm tra, xác nhận cho đến khi tàu không còn được sử dụng (giải bản, chìm đắm không thể trục vớt).
- Sổ quản lý kỹ thuật tàu cá phải được lưu giữ tại *cơ sở đăng kiểm; khi tàu cá thay đổi cơ sở đăng kiểm, phải được cơ sở đăng kiểm trước đó sao chép và xác nhận, chuyển cho chủ tàu để nộp cho cơ sở đăng kiểm mới cập nhập thông tin vào sổ quản lý kỹ thuật.*

....., ngày.....tháng.....năm.....

ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

TÀU SỐ 01

I. ĐẶC ĐIỂM VÀ THÔNG SỐ KỸ THUẬT CỦA TÀU

Kiểu tàu: ..... ; Năm đóng: .....

Nơi đóng: .....;

Cấp tàu: ..... Nghề khai thác:.....

Kích thước L_{max}. *m*:.....; B_{max}. *m*:..... ; D. *m*:.....

L_{TK}. *m*:..... B_{TK}. *m*:..... ; d..*m*:.....

Tổng dung tích (GT): ..... Mạn khô f. *m*: .....

Trọng tải toàn phần (DW): ..... Số thuyền viên: .....

Vật liệu thân tàu: ..... Hệ thống kết cấu: .....

Số lượng máy chính: ..... Tổng công suất (kW): .....

Ký hiệu	Số máy	Công suất (kW)	Số vòng quay (rpm)	Năm, nơi chế tạo

Hộp số:

Ký hiệu	Tỷ số truyền (tiến, lùi)	Nơi, năm chế tạo

Chân vịt:

Kiểu	Vật liệu	n_{cv} (rpm)	D (m)	H/D	Z	θ	m (kg)

II. CÁC TRANG THIẾT BỊ LẮP ĐẶT TRÊN TÀU

1. Tên thiết bị: .... Nơi, năm sản xuất:......................
Ký hiệu:.................................. Số:...
Công suất (kW): .... Công dụng: ....
Đặc điểm và các thông số khác ....
....
....

2. Tên thiết bị: .... Nơi, năm sản xuất:......................
Ký hiệu:.................................. Số:...
Công suất (kW): .... Công dụng: ....
Đặc điểm và các thông số khác ....
....
....

3. Tên thiết bị: .... Nơi, năm sản xuất:......................
Ký hiệu:.................................. Số:...
Công suất (kW): .... Công dụng: ....
Đặc điểm và các thông số khác ....
....
....
....

4. Tên thiết bị: .... Nơi, năm sản xuất:......................
Ký hiệu:.................................. Số:...
Công suất (kW): .... Công dụng: ....
Đặc điểm và các thông số khác ....
....
....

5. Tên thiết bị: .... Nơi, năm sản xuất:......................
Ký hiệu:.................................. Số:...
Công suất (kW): .... Công dụng: ....
Đặcđiểm và các thông số khác ....
....
....
....

6. Tên thiết bị: .... Nơi, năm sản xuất:......................
Ký hiệu:.................................. Số:...
Công suất (kW): .... Công dụng: ....
Đặc điểm và các thông số khác ....
....
....
....

7. Tên thiết bị: .... Nơi, năm sản xuất:......................
Ký hiệu:.................................. Số:...
Công suất (kW): .... Công dụng: ....
Đặc điểm và các thông số khác ....
....
....
....

Ngày ......tháng .....,năm ....
ĐĂNG KIỂM VIÊN
(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

III. CÁC THAY ĐỔI THÔNG SỐ KỸ THUẬT CỦA TÀU VÀ CÁC TRANG THIẾT BỊ TRONG QUÁ TRÌNH KHAI THÁC

NGÀY THÁNG	NỘI DUNG THAY ĐỔI	XÁC NHẬN CỦA CƠ SỞ ĐK

IV. CHI TIẾT CÁC NỘI DUNG THAY ĐỔI

....
....
....
....
....
....
....
....
....
....
....
....
....
....
....
....
....
....
....
....
....
....
....
....
....
....
....
....
....
....
....

……………………………………………………………………………………
……………………………………………………………………………………
……………………………………………………………………………………
……………………………………………………………………………………
……………………………………………………………………………………

CHU KỲ KIỂM TRA
KHI CẤP SỔ CỦA PHƯƠNG TIỆN

STT	LOẠI HÌNH KIỂM TRA	NGÀY THÁNG KIỂM TRA	TRẠNG THÁI KỸ THUẬT	HẠN HOẠT ĐỘNG

V. CHỦ SỞ HỮU

Số đăng ký:……………………………………………………………………
Nơi đăng ký:…………………………………………………………………
Chủ tàu:………………………………………………………………………
Nơi thường trú:………………………………………………………………
Nơi đăng kiểm:………………………………………………………

……ngày……tháng……năm……
ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ
(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

VI. THAY ĐỔI CHỦ SỞ HỮU

Số đăng ký:……………………………………………………………………
Nơi đăng ký:…………………………………………………………………
Chủ tàu:………………………………………………………………………
Nơi thường trú:………………………………………………………………
Nơi đăng kiểm:………………………………………………………

……ngày……tháng……năm……
ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ
(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

THAY ĐỔI CHỦ SỞ HỮU

Số đăng ký:……………………………………………………………………
Nơi đăng ký:…………………………………………………………………
Chủ tàu:………………………………………………………………………
Nơi thường trú:………………………………………………………………
Nơi đăng kiểm:………………………………………………………

……ngày……tháng……năm……
ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ
(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

THAY ĐỔI CHỦ SỞ HỮU

Số đăng ký:……………………………………………………………………
Nơi đăng ký:…………………………………………………………………
Chủ tàu:………………………………………………………………………
Nơi thường trú:………………………………………………………………
Nơi đăng kiểm:………………………………………………………

……ngày……tháng……năm……
ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ
(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 03b.BC

MẪU SỔ QUẢN LÝ KỸ THUẬT TÀU CÔNG VỤ THỦY SẢN

SỔ QUẢN LÝ KỸ THUẬT
TÀU CÔNG VỤ THỦY SẢN

CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ.....

QUY ĐỊNH VỀ VIỆC SỬ DỤNG SỔ

- Sổ quản lý kỹ thuật tàu công vụ thủy sản này được lập trên cơ sở hồ sơ kỹ thuật của tàu, các trang thiết bị lắp đặt trên tàu và kết quả giám sát kỹ thuật của Đăng kiểm tàu cá trong đóng mới, lần đầu. Các thông số kỹ thuật thoả mãn các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tàu cá và các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật có liên quan.
- Trạng thái kỹ thuật của tàu theo chu kỳ phải được Đăng kiểm viên xác nhận vào sổ này.
- Sổ quản lý kỹ thuật tàu công vụ thủy sản dùng để theo dõi suốt đời mỗi con tàu.Những thay đổi (nếu có) của tàu và các trang thiết bị lắp đặt trên tàu phải được Đăng kiểm tàu cá kiểm tra, xác nhận cho đến khi tàu không còn được sử dụng (giải bản, chìm đắm không thể trục vớt).
- Sổ quản lý kỹ thuật tàu công vụ thủy sản phải được lưu giữ tại *cơ sở đăng kiểm; khi tàu cá thay đổi cơ sở đăng kiểm, phải được cơ sở đăng kiểm trước đó sao chép và xác nhận, chuyển cho chủ tàu để nộp cho cơ sở đăng kiểm mới cập nhập thông tin vào sổ quản lý kỹ thuật.*

……, ngày……tháng……năm……..
ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ
(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

TÀU SỐ 01

I. ĐẶC ĐIỂM VÀ THÔNG SỐ KỸ THUẬT CỦA TÀU

Kiểu tàu: …… ; Năm đóng: .....
Nơi đóng: .....
Cấp tàu: …….. Công dụng:……..
Kích thước L_{max}. *m*:……; B_{max}. *m*:…. ; D. *m*:……
L_{TK}. *m*:…… B_{TK}. *m*:…… ; d..*m*:……
Tổng dung tích (GT): …….. Mạn khô f. *m*: ……
Trọng tải toàn phần (DW): ….. Số thuyền viên: ……
Vật liệu thân tàu: ……'…… Hệ thống kết cấu: ……
Số lượng máy chính: ……. Tổng công suất (kW): ……

Ký hiệu	Số máy	Công suất (kW)	Số vòng quay (rpm)	Năm, nơi chế tạo

Hộp số:

Ký hiệu	Tỷ số truyền (tiến, lùi)	Nơi, năm chế tạo

Chân vịt:

Kiểu	Vật liệu	n_{cv} (rpm)	D (m)	H/D	Z	θ	m (kg)

II. CÁC TRANG THIẾT BỊ LẮP ĐẶT TRÊN TÀU

1. Tên thiết bị: .... Nơi, năm sản xuất:......................
Ký hiệu:.................................. Số:..
Công suất (kW): .... Công dụng: ....
Đặc điểm và các thông số khác ....
....
....

2. Tên thiết bị: .... Nơi, năm sản xuất:......................
Ký hiệu:.................................. Số:..
Công suất (kW): .... Công dụng: ....
Đặc điểm và các thông số khác ....
....
....

3. Tên thiết bị: .... Nơi, năm sản xuất:......................
Ký hiệu:.................................. Số:..
Công suất (kW): .... Công dụng: ....
Đặc điểm và các thông số khác ....
....
....

4. Tên thiết bị: .... Nơi, năm sản xuất:......................
Ký hiệu:.................................. Số:..
Công suất (kW): .... Công dụng: ....
Đặc điểm và các thông số khác ....
....
....

5. Tên thiết bị: .... Nơi, năm sản xuất:......................
Ký hiệu:.................................. Số:..
Công suất (kW): .... Công dụng: ....
Đặcđiểm và các thông số khác ....
....
....
....

6. Tên thiết bị: .... Nơi, năm sản xuất:......................
Ký hiệu:.................................. Số:..
Công suất (kW): .... Công dụng: ....
Đặc điểm và các thông số khác ....
....
....
....

7. Tên thiết bị: .... Nơi, năm sản xuất:......................
Ký hiệu:.................................. Số:..
Công suất (kW): .... Công dụng: ....
Đặc điểm và các thông số khác ....
....
....
....

Ngày ......tháng .....năm ....
ĐĂNG KIỂM VIÊN
(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

III. CÁC THAY ĐỔI THÔNG SỐ KỸ THUẬT CỦA TÀU VÀ CÁC TRANG THIẾT BỊ TRONG QUÁ TRÌNH KHAI THÁC

NGÀY THÁNG	NỘI DUNG THAY ĐỔI	XÁC NHẬN CỦA CƠ SỞ ĐK

IV. CHI TIẾT CÁC NỘI DUNG THAY ĐỔI

....
....
....
....
....
....
....
....
....
....
....
....
....
....
....
....
....
....
....
....
....
....
....
....
....
....
....
....
....
....
....

....
....
....
....
....
....
....
....
....
....
....
....
....
....
....
....
....
....
....
....
....
....
....
....
....
....
....
....
....
....
....
....
....
....
....
....

CHU KỲ KIỂM TRA
KHI CẤP SỔ CỦA PHƯƠNG TIỆN

STT	LOẠI HÌNH KIỂM TRA	NGÀY THÁNG KIỂM TRA	TRẠNG THÁI KỸ THUẬT	HẠN HOẠT ĐỘNG

V. TỔ CHỨC QUẢN LÝ, SỬ DỤNG

Số đăng ký:...
Nơi đăng ký:..
Tên tổ chức:...
Địa chỉ:..
Nơi đăng kiểm:...

.......ngày......tháng......năm.....
ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ
(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

THAY ĐỔI TỔ CHỨC QUẢN LÝ, SỬ DỤNG

Số đăng ký:...
Nơi đăng ký:..
Tên tổ chức:...
Địa chỉ:..
Nơi đăng kiểm:...

.......ngày......tháng......năm.....
ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ
(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

THAY ĐỔI TỔ CHỨC QUẢN LÝ, SỬ DỤNG

Số đăng ký:...
Nơi đăng ký:..
Tên tổ chức:...
Địa chỉ:..
Nơi đăng kiểm:...

.......ngày......tháng......năm.....
ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ
(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

THAY ĐỔI TỔ CHỨC QUẢN LÝ, SỬ DỤNG

Số đăng ký:...
Nơi đăng ký:..
Tên tổ chức:...
Địa chỉ:..
Nơi đăng kiểm:...

.......ngày......tháng......năm.....
ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ
(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 04.BC

MẪU BÁO CÁO KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ TÀU CÁ/TÀU CÔNG VỤ THUỶ SẢN

CƠ QUAN CHỦ QUẢN
ĐƠN VỊ BÁO CÁO

Số: …….

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

……., ngày ….. tháng ….. năm ……

BÁO CÁO KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ TÀU CÁ/TÀU CÔNG VỤ THUỶ SẢN THEO THÁNG/QUÝ/NĂM

TT	Tên/ Ký hiệu thiết kế	Loại/ năm thiết kế	Các thông số chính của tàu							Tên/địa chỉ chủ sử dụng thiết kế	Tên/địa chỉ cơ sở thiết kế
			Chiều dài tàu, Lmax (m)	Chiều rộng tàu, Bmax (m)	Chiều cao mạn,D (m)	Vật liệu thân tàu	Ký hiệu/công suất máy chính (KW)	Số lượng máy (chiếc)	Công dụng (nghề)		
I	Tàu cá										
1	…										
II	Tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản										
1	…										
III	Tàu công vụ thuỷ sản										
1	…										

ĐƠN VỊ BÁO CÁO
(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 05.BC

CƠ QUAN CHỦ QUẢN
CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

……., ngày ….. tháng ….. năm ……

MẪU BÁO CÁO TÌNH HÌNH ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ/TÀU CÔNG VỤ THUỶ SẢN THEO THÁNG/QUÝ/NĂM

BÁO CÁO TÌNH HÌNH ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ/TÀU CÔNG VỤ THUỶ SẢN THEO THÁNG/QUÝ/NĂM

TT	Nhóm tàu	Số tàu theo vật liệu vỏ			Tổng số tàu cá đã đăng kiểm (đến thời điểm báo cáo)														
		Gỗ	Thép	FRP	Số tàu đóng mới/ lần đầu			Hàng năm			Trên đà			Định kỳ			Cải hoán(*)		
					Gỗ	Thép	FRP	Gỗ	Thép	FRP	Gỗ	Thép	FRP	Gỗ	Thép	FRP	Gỗ	Thép	FRP
I	Tàu cá																		
1	Lmax < 12m																		
2	Lmax từ 12 ÷ < 15m																		
3	Lmax từ 15 ÷ < 20m																		
4	Lmax từ 20 ÷ < 24m																		
5	Lmax từ 24 ÷ <30m																		
6	Lmax từ ≥ 30m																		
II	Tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản																		
1	Lmax < 12m																		
…	…																		
III	Tàu công vụ thuỷ sản																		
1	Lmax < 12m																		
…	…….																		
Tổng Cộng																			

Người lập

Thủ trưởng cơ sở đăng kiểm tàu cá
(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú: (*) Đính kèm chi tiết hình thức cải hoán.

Mẫu số 06.BC

MẪU BÁO CÁO TÌNH HÌNH ĐÓNG MỚI, CẢI HOÁN TÀU CÁ

CƠ SỞ ĐÓNG TÀU	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
-------	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

……, ngày ….. tháng …. năm…

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH ĐÓNG MỚI, CẢI HOÁN TÀU CÁ

Tên cơ sở: .....

Địa chỉ: .....

Giấy phép kinh doanh/ giấy chứng nhận số: .....

Báo cáo về tình hình đóng mới, cải hoán, sửa chữa tàu cá như sau:

1. Về cơ cấu tổ chức

2. Cơ sở vật chất, đội ngũ lao động

a) Cơ sở vật chất (sơ đồ cơ sở chế tạo, văn phòng làm việc, nhà xưởng, nhà kho)

b) Trang thiết bị cần thiết liên quan đến sản xuất, các thiết bị đo và kiểm tra và tình trạng hoạt động của chúng

c) Danh sách các nhân viên kỹ thuật, cán bộ giám sát và người lao động (trình độ chuyên môn nghiệp vụ, chương trình đào tạo đã tham gia, các chứng chỉ đã được cấp).

3. Danh sách tàu cá đóng mới, cải hoán, sửa chữa trong năm

(ghi cụ thể tên chủ tàu, số đăng ký (nếu có), vật liệu đóng, các thông số cơ bản, công suất máy chính của mỗi tàu)

a) Đóng mới

b) Cải hoán: Sửa vỏ, thay máy, chuyển đổi nghề (từ nghề... sang nghề ...), thay đổi vùng hoạt động (từ cấp ... sang cấp...).

c) Sửa chữa: Hàng năm, trên đà, định kỳ, sửa chữa khác (ghi cụ thể).

4. Các công việc do nhà thầu phụ thực hiện và danh sách các nhà thầu phụ.

5. Kiến nghị, đề xuất.

....., ngày ... tháng .... năm....
ĐẠI DIỆN CƠ SỞ
(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

<u>Chú thích</u>: Các mục 1 và 2, chỉ báo cáo khi có sự thay đổi so với khi đăng ký công nhận cơ sở đủ điều kiện đóng mới, cải hoán tàu cá hoặc thay đổi so với báo cáo trước đó.